

BỘ LUẬT HÌNH SỰ TỔ TỤNG

MỤC LỤC

THIÊN MỞ ĐẦU

Công tố quyền và dân tố quyền

Điều 1 – 10

QUYỀN I

HÀNH SỬ CÔNG TỐ QUYỀN VÀ THẨM VẤN

THIÊN THỨ NHẤT

Các viên chức hành sử công tố quyền và
đảm nhiệm thẩm vấn Điều 11

CHƯƠNG I – Cảnh sát tư pháp

TIẾT 1 – Điều khoản tổng quát
Điều 12 – 14

TIẾT 2 – Sĩ quan cảnh sát tư pháp hay hình
cảnh lại 15 – 18

TIẾT 3 – Nhân viên cảnh sát tư pháp
19 – 21

TIẾT 4 – Các viên chức được giao phó một số
nhiệm vụ Cảnh sát tư pháp 22 – 23

CHƯƠNG II – Công tố viện

TIẾT 1 – Điều khoản tổng quát
Điều 24 – 26

TIẾT 2 – Phần vụ của chương lý tòa thượng
thẩm 27 – 31

TIẾT 3 – Phần vụ của biện lý 32 – 36

THIÊN THỨ HAI

Điều tra

CHƯƠNG I – Quy định của nghi can trong
giai đoạn điều tra sơ vấn Điều 38 – 45

CHƯƠNG II – Điều tra sơ án trong trường
hợp phạm pháp quả tang Điều 46 – 67

CHƯƠNG III – Điều tra sơ vấn ngoài trường
hợp phạm pháp quả tang Điều 68 – 70

THIÊN THỨ BA

Cơ quan thẩm vấn

CHƯƠNG I – Dự thẩm

TIẾT 1 – Điều khoản tổng quát 71 – 79

TIẾT 2 – Việc đứng dân sự nguyên
cáo 80 – 86

TIẾT 3 – Thân áo trường sở, khám xét và sai
áp 87 – 95

TIẾT 4 – Chấp cung nhân chứng 96 – 105

TIẾT 5 – Hỏi cung và đối chất 106 – 115

TIẾT 6 – Các loại trát và việc chấp hành
trát 116 – 129

TIẾT 7 – Kiểm soát tư pháp và tạm giam
130

PHỤ TIẾT 1 – Kiểm soát tư pháp 131 – 137

PHỤ TIẾT 2 – Tạm giam 138 – 151

PHỤ TIẾT 3 – Bồi thường thiệt hại cho người
bị tạm giam oan ức 152 – 154

TIẾT 8 – Ủy thác hỏi cung 155 – 159

TIẾT 9 – Giám định 160 – 172

TIẾT 10 – Những sự vô hiệu của thủ tục thẩm
vấn 173 – 177

TIẾT 11 – Án lệnh thanh quyết cuộc thẩm
vấn 178 – 188

TIẾT 12 – Kháng cáo án lệnh của dự
thẩm 189 – 191

TIẾT 13 – Tái thẩm vấn vì có tội chứng
mới 192 – 194

CHƯƠNG THỨ II – Phòng luận tội tòa thượng
thẩm

TIẾT 1 – Điều khoản tổng quát QUÁT

Điều 195 – 223

TIẾT 2 – Quyền hạn chuyên biệt của chánh
thẩm phòng luận tội 224 – 228

QUYỀN II

CƠ QUAN TÀI PHÁN

THIÊN THỨ NHỨT

Tòa đại hình

CHƯƠNG I – Thẩm quyền tòa đại hình
Điều 229

CHƯƠNG II – Các khóa đại hình Điều 230 –
234

CHƯƠNG III – Thành phần tòa đại hình
Điều 235 – 238

TIẾT 1 – Thành phần thẩm phán chuyên
nghiệp 239

PHỤ TIẾT 1 – Chánh thẩm 240 – 243

PHỤ TIẾT 2 – Phụ thẩm thẩm phán 244 –
249

TIẾT 2 – Phụ thẩm nhân dân 250

PHỤ TIẾT 1 – Điều kiện để được chỉ định làm
phụ thẩm nhân dân 251 – 254

PHỤ TIẾT 2 – Thiết lập đoàn phụ thẩm nhân
dân 255 – 264

CHƯƠNG IV – Thủ tục dự bị khóa đại hình

TIẾT 1 – Thủ tục bắt buộc 265 – 277

TIẾT 2 – Thủ tục nhiệm ý hoặc đặc biệt
278 – 282

CHƯƠNG V – Khai mạc khóa đại hình

TIẾT 1 – Hiệu duyệt danh sách phụ thẩm
nhân dân Điều 283 – 287

TIẾT 2 – Thành lập đoàn phụ thẩm nhân dân
tọa xử 288 – 300

CHƯƠNG VI – Cuộc tranh luận

TIẾT 1 – Điều khoản tổng

quát Điều 301 – 311

TIẾT 2 – Bị can xuất đình 312 – 316

TIẾT 3 – Dẫn chứng 317 – 339

TIẾT 4 – Kết thúc cuộc tranh luận và đọc câu
hỏi 340 – 345

CHƯƠNG VII – Phán quyết

TIẾT 1 – Hội bàn Điều 346 – 355

TIẾT 2 – Quyết định về công tố quyền
356 – 360

TIẾT 3 – Quyết định về dân tố
quyền 361 – 165

TIẾT 4 – Phán quyết và biên bản hội
bàn 366 – 369

THIÊN THỨ HAI

Tòa tiểu hình

CHƯƠNG I – Tòa sơ thẩm tiểu hình

TIẾT 1 – Thẩm quyền

PHỤ TIẾT 1 – Nguyên tắc tổng quát
Điều 370 – 381

PHỤ TIẾT 2 – Thủ tục xử phạm pháp quả
tang 382 – 385

TIẾT 2 – Thành phần tòa tiểu hình 386

TIẾT 3 – Tách cách công khai và trật tự các
phiên xử 387 – 391

TIẾT 4 – Tranh luận

PHỤ TIẾT 1 – Bị can xuất đình 392 – 399

PHỤ TIẾT 2 – Thẻ thức đứng dân sự nguyên
cáo 400 – 406

PHỤ TIẾT 3 – Dẫn chứng 407 – 438

PHỤ TIẾT 4 – Tranh luận 439 – 442

TIẾT 5 – Án văn 443 – 467

TIẾT 6 – Án khuyết tịch và sự kháng tố

PHỤ TIẾT 1 – Án văn khuyết tịch 468 – 469

PHỤ TIẾT 2 – Sự kháng tố 470 – 474

PHỤ TIẾT 3 – Sự tái khám 475 – 476

CHƯƠNG II – Tòa thượng thẩm xử việc
kháng cáo tiểu hình

TIẾT 1 – Hành xử quyền kháng cáo

Điều 477 – 487

TIẾT 2 – Thành phần

488 – 489

TIẾT 3 – Thủ

490 – 497

THIÊN THỨ III

Tòa vi cảnh

CHƯƠNG I – Thẩm quyền Điều 498 – 500

CHƯƠNG II – Tiền phạt điều đình 501 – 506

CHƯƠNG III – Thủ lý 507 – 508

CHƯƠNG IV – Thẩm vấn tại phiên tòa
509 – 518

CHƯƠNG V – Án khuyết tịch và sự kháng tố
519 – 520

CHƯƠNG VI – Sự kháng cáo 521 – 526

THIÊN THỨ IV

Trát đòi và truyền phiếu Điều 527 – 540

QUYỀN III

TỐ CẦU BẤT THƯỜNG

THIÊN THỨ NHỨT

Thượng tố

CHƯƠNG I – Phán quyết có thể bị thượng tố
và điều kiện để hành xử tố cầu

Điều 541 – 548

CHƯƠNG II – Thẻ thức thượng tố

549 – 562

CHƯƠNG III – Lý do xin thượng tố

563 – 572

CHƯƠNG IV – Sự thẩm định tố cầu và phiên
tòa 573 – 576

CHƯƠNG V – Phúc quyết của Tối cao pháp
viện 577 – 590

CHƯƠNG VI – Thượng tố vì lợi ích của luật
pháp 591 – 592

THIÊN THỨ HAI

Tái thẩm

Điều 503 - 537

QUYỀN IV

MỘT VÀI THỦ TỤC ĐẶC BIỆT

THIÊN THỨ NHẤT

Khuyết tịch đại hình Điều 598 – 612

THIÊN THỨ HAI

Giả mạo Điều 613 – 622

THIÊN THỨ BA

Thủ tục tái lập hồ sơ thất lạc

Điều 623 – 626

THIÊN THỨ BỐN

Thủ tục lấy lời khai nhân viên Chánh phủ và
đại diện ngoại giao Điều 627 – 630

THIÊN THỨ NĂM

Phân định thẩm quyền Điều 631 – 635

THIÊN THỨ SÁU

Di giao Điều 636 – 641

THIÊN THỨ BẢY

Cáo ti và hồi ti Điều 642 – 650

THIÊN THỨ TÁM

Xét xử và các hành vi phạm tại phiên tòa

Điều 651 – 654

THIÊN THỨ CHÍN

Đặc quyền tái phán Điều 655 – 660

THIÊN THỨ MƯỜI

Trọng tội và khinh tội phạm tại quốc ngoại
Điều 661 – 668

QUYỂN V

THỦ TỤC CHẤP HÀNH

THIÊN THỨ NHỨT

Chấp hành án hình Điều 669 - 674

THIÊN THỨ HAI

Tổng giam

CHƯƠNG I – Thi hành sự tạm giam

Điều 675 – 677

CHƯƠNG II – Thi hành án phạt giam

Điều 678 – 681

CHƯƠNG III – Điều khoản chung cho các
trung tâm cải huấn Điều 682 – 689

THIÊN THỨ BA

Huyền án Điều 690 – 693

THIÊN THỨ BỐN

Kiểm nhận căn cước của người bị kết
phạt Điều 694

THIÊN THỨ NĂM

Câu thúc thân thể Điều 695 – 708

THIÊN THỨ SÁU

Thời tiêu hình phạt Điều 709 – 711

ĐIỀU KHOẢN TỔNG QUÁT

Điều 712 – 720

ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP 721 – 725

BỘ LUẬT HÌNH SỰ TỔ TỤNG

SẮC LUẬT số 027-TT/SLU ngày 20 tháng
chạp năm 1972 ban hành Bộ Luật Hình Sự Tổ
Tụng

TỔNG THỐNG VIỆT NAM CỘNG HÒA

Chiếu Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa ngày
mùng 1 tháng tư năm 1967;

Chiếu sắc lệnh số 394-TT/SL ngày mùng 1
tháng chín năm 1969 và các văn kiện kế tiếp
ấn định thành phần Chính phủ;

Chiếu luật số 005/72 ngày 28 tháng sáu năm
1972 ủy quyền cho Tổng thống quyết định và
ban hành bằng sắc luật các biện pháp cần
thiết trong các lãnh vực an ninh, quốc phòng,
kinh tế, tài chánh;

Sau khi Hội đồng Tổng trưởng đã thảo luận;

SẮC LUẬT:

Điều duy nhất – Nay ban hành Bộ luật hình sự
tổ tụng gồm thiên mở đầu, quyển I, quyển II,
quyển III, quyển IV, quyển V, các điều khoản
tổng quát và các điều khoản chuyển tiếp, đính
kèm.

Sắc luật này được đăng vào Công báo Việt
Nam Cộng Hòa.

Saigòn, ngày 20 tháng chạp năm 1972

NGUYỄN VĂN THIỆU

BỘ LUẬT HÌNH SỰ TỔ TỤNG

THIÊN MỞ ĐẦU

Công tố quyền và dân tố quyền

Điều thứ nhất – Công tố quyền liên quan đến
việc áp dụng hình phạt được phát động và
hành sử do các thẩm phán hay các viên chức
được luật pháp ủy nhiệm.

Công tố quyền cũng có thể được phát động
do đương sự bị thiệt hại, theo những điều kiện
ấn định trong bộ luật này.

Điều thứ 2 – Dân tố quyền để đòi bồi thường
thiệt hại nhân một trọng tội, khinh tội hay tội vi
cảnh, được dành cho những người đã bị trực
tiếp thiệt hại.

Sự khước từ dân tố quyền không làm ngưng
hấn hay đình chỉ việc hành sử công tố quyền,
ngoại trừ những trường hợp dự liệu nơi điều 6
khỏan 3.

Điều thứ 3 – Dân tố quyền có thể được hành
sử đồng thời với công tố quyền trước cùng
một cơ quan tài phán.

Dân tố quyền sẽ được chấp nhận trong mọi
trường hợp có thiệt hại về vật chất, thể chất
hay tinh thần.

Ngoại trừ trường hợp công sản bị thiệt hại, tòa hình cũng có thẩm quyền xét xử theo các quy tắc của tư luật để tuyên định trách nhiệm bồi thường thiệt hại gây ra do các loại xe cộ mà pháp nhân công pháp phải chịu trách nhiệm thay người thuộc viên phạm pháp bất kể trường hợp trong hay ngoài công vụ.

Điều luật này không hồi tố đối với những vụ án đã được tòa hộ hay tòa hành chánh thu lý.

Điều thứ 4 - Dân tố quyền cũng có thể được hành sử riêng biệt với công tố quyền.

Tuy nhiên, trong trường hợp công tố quyền đã được phát động, tòa hộ sẽ đình hoãn xét xử về quyền lợi dân sự cho đến khi có phán quyết nhất định về công tố quyền.

Điều thứ 5 - Khi đã khởi tố trước tòa hộ có thẩm quyền, nguyên cáo không thể hành sử dân tố quyền trước tòa hình được nữa, ngoại trừ trường hợp tòa hình đã thụ lý do sự truy tố của công tố viên trước khi tòa hộ tuyên xử về nội dung.

Điều thứ 6 - Công tố quyền bị tiêu diệt do sự mệnh của một bị can, thời tiêu, đại xá, hủy bãi luật hình hay uy lực quyết tụng.

Tuy nhiên, nếu một phán quyết hay phúc quyết đã tuyên bố công tố quyền tiêu diệt mà về sau có một cuộc truy tố khác kết thúc bằng một án văn xử phạt do đó có bằng cứ rằng phán quyết hay phúc quyết tuyên bố công tố quyền tiêu diệt đã ngộ phán, công tố quyền sẽ có thể được tái phát động. Trong trường hợp đó, thời tiêu phải được coi như bị đình chỉ kể từ ngày phán quyết hay phúc quyết tuyên bố công tố quyền tiêu diệt trở thành nhất định cho tới ngày có tòa án xử phạt về tội giả mạo hay xử dụng giấy tờ giả mạo.

Công tố quyền còn có thể bị tiêu diệt do sự điều đình, khi luật pháp minh định như vậy. Trong trường hợp việc truy tố chỉ được phát động do đơn khởi tố của nguyên cáo, công tố quyền cũng sẽ bị tiêu diệt khi có sự bãi nại của nguyên cáo.

Điều thứ 7 - Về trọng tội, công tố quyền bị thời tiêu sau hạn mười (10) năm trọn kể từ ngày phạm pháp.

Nếu trong thời hạn ấy, có thực hiện một hành vi thẩm vấn hay truy tố nào, thời hiệu sẽ khởi lưu từ hành vi cuối cùng.

Thế thức tình trên cũng được áp dụng đối với những người không liên lụy trong hành vi thẩm vấn hay truy tố ấy.

Điều thứ 8 - Về khinh tội, công tố quyền bị thời tiêu sau hạn ba (3) năm trọn, thời hiệu sẽ được tính như đã dự liệu nơi điều 7.

Điều thứ 9 - Về tội vi cảnh, công tố quyền bị thời tiêu sau hạn một (1) năm trọn, thời hiệu sẽ được tính như đã dự liệu nơi điều 7.

Điều thứ 10 - Không thể phát động dân tố quyền sau khi công tố quyền bị thời tiêu.

Nếu đã có phán quyết nhất định về công tố quyền và hình phạt được tuyên xử, dân tố quyền được phát động trong thời hạn dự liệu nơi các điều trên bị tiêu diệt sau hạn ba mươi (30) năm kể từ ngày phạm pháp.

Về mọi phương diện khác, dân tố quyền do quy tắc dân luật chi phối.

QUYỀN NHẤT

Hành sử công tố quyền và tham vấn

THIÊN THỨ NHỨT

Các viên chức hành sử công tố quyền và đảm nhiệm thẩm vấn

Điều thứ 11 - Thủ tục điều tra và thẩm vấn phải được giữ kín, trừ trường hợp luật pháp định khác và miễn là không phương hại đến quyền bào chữa.

Những người tham dự thủ tục nói trên phải giữ bí mật chức nghiệp, bằng không sẽ bị truy tố và trừng phạt về tội vi phạm bí mật chức nghiệp như dự liệu trong Bộ hình luật.

CHƯƠNG THỨ NHỨT

Cảnh sát Tư pháp

TIẾT I: Điều khoản tổng quát

Điều thứ 12 - Cảnh sát tư pháp do các sĩ quan, viên chức và nhân viên chỉ định trong tiết này đảm nhận dưới sự điều khiển của biện lý.

Trong quản hạt mỗi toà thượng thẩm, cảnh sát tư pháp đặt dưới quyền giám sát và kiểm soát của chương lý và phòng luận tội.

Điều thứ 13 - Cảnh sát tư pháp có nhiệm vụ vi chứng các vụ phạm pháp, thu thập bằng cứ và truy tầm thủ phạm theo sự phân định trong tiết này, khi chưa mở cuộc thẩm vấn.

Khi đã mở cuộc thẩm vấn, cảnh sát tư pháp thi hành những uỷ thác và tuân hành những triệu dụng của cơ quan thẩm vấn.

Điều thứ 14 - Cảnh sát tư pháp gồm có:

- 1) Sĩ quan cảnh sát tư pháp hay hình cảnh lại;
- 2) Nhân viên cảnh sát tư pháp;
- 3) Viên chức và nhân viên được luật pháp giao phó một số nhiệm vụ cảnh sát tư pháp.

TIẾT II: Sĩ quan cảnh sát tư pháp hay hình cảnh lại.

Điều thứ 15 - Các viên chức kể sau đây có tư cách hình cảnh lại:

- 1) Biện lý, phó biện lý và dự thẩm;
- 2) Quận trưởng hành chánh tại các tỉnh;
- 3) Chỉ huy trưởng cảnh sát từ cấp quận trở lên, chỉ huy phó từ cấp tỉnh trở lên, trưởng cuộc cảnh sát xã;
- 4) Viên chức hành chánh cảnh sát có tư cách hình cảnh lại do sắc lệnh của Thủ tướng ban cấp.
- 5) Sĩ quan hay tiểu đội trưởng quân cảnh điều tra tư pháp được bổ nhiệm bằng nghị định liên bộ tư pháp và quốc phòng chiếu đề nghị của chỉ huy trưởng quân cảnh.

Ngoại trừ biện lý, phó biện lý và dự thẩm, trước khi nhậm chức, hình cảnh lại phải đến toà án viên chức ấy trực thuộc để tuyên thệ trong một phiên xử công khai: "Tôi thề sẽ tận tâm làm tròn nhiệm vụ sĩ quan cảnh sát tư pháp và bao giờ cũng xử sự một cách xứng đáng và chính trực".

Điều thứ 16 - Hình cảnh lại hành xử quyền hạn ấn định nơi điều 13, tiếp nhận đơn khiếu

nại và khiếu tố, mở các cuộc điều tra sơ vấn trong những điều dự liệu nói điều 68 đến 70.

Trong trường hợp trọng tội và khinh tội quả tang, hình cảnh lại hành sử quyền hạn dự liệu nơi điều 46 đến 60.

Các viên chức ấy có quyền trực tiếp triệu dụng công lực trong khi thi hành nhiệm vụ.

Điều thứ 17 - Hình cảnh lại có thẩm quyền trong địa hạt của mình.

Tuy nhiên, trong trường hợp khẩn cấp và nếu được biện lý cho phép, hình cảnh lại có thể hoạt động trong toàn địa hạt toà án mà viên chức ấy trực thuộc.

Khi xảy ra trọng tội hay khinh tội quả tang, hình cảnh lại có thể di chuyển trong địa hạt các toà án kế cận để tiếp tục cuộc truy tầm, nghe cung, khám xét và sai áp, nhưng trước khi hành sử, phải trình báo cho biện lý sở tại.

Trong trường hợp khẩn cấp nhân một cuộc điều tra phạm pháp quả tang, hình cảnh lại có quyền thi hành trên toàn lãnh thổ quốc gia những tác vũ do biện lý triệu dụng. Các viên chức ấy phải được hình cảnh lại địa phương hỗ trợ và trước khi hành sự phải trình báo cho biện lý sở tại.

Điều thứ 18 - hình cảnh lại phải cấp thời báo cáo biện lý những trọng tội, khinh tội, tội vi cảnh mà các viên chức phải chuyển thẳng đến biện lý bản chánh biên bản đã lập và tất cả văn kiện tài liệu liên hệ cùng tài vật bị sai áp.

Biên bản phải ghi rõ tư cách hình ảnh lại của viên chức lập biên bản.

TIẾT III: Nhân viên cảnh sát tư pháp

Điều thứ 19 - Nhân viên cảnh sát tư pháp gồm có:

- 1) Nhân viên cảnh sát hành dịch, ngoại trừ những viên chức có tư cách hình cảnh lại;
- 2) Xã trưởng, phó xã trưởng an ninh.

Điều thứ 20 - Nhân viên cảnh sát tư pháp có nhiệm vụ:

- 1) Giúp đỡ hình cảnh lại thi hành nhiệm vụ;
- 2) Báo cáo với các cấp chỉ huy trực tiếp những vi phạm luật hình mỗi khi được biết.
- 3) Tuân hành chỉ thị các cấp chỉ huy để nhận xét tội phạm, thu thập tài liệu, truy tầm thủ phạm.

Điều thứ 21 - nhân viên cảnh sát tư pháp không có quyền quyết định về việc giam giữ.

TIẾT IV: Các viên chức được giao phó một số nhiệm vụ cảnh sát tư pháp

Điều thứ 22 - Cũng được giao phó một số nhiệm vụ cảnh sát tư pháp các viên chức dưới đây:

- 1) Nhân viên thuế vụ hữu thế có quyền lập biên bản kiểm chứng những vi phạm luật lệ thuế vụ;
- 2) Nhân viên quan thuế hữu thế có quyền lập biên bản kiểm chứng những vi phạm luật lệ quan thuế;
- 3) Nhân viên thủy lâm hữu thế có quyền lập biên bản kiểm chứng những vi phạm luật lệ thủy lâm và thể lệ săn bắn;

4) Các nhân viên sở kiểm soát kinh tế và sở trưng trị mao hoá hữu thệ có quyền lập biên bản kiểm chứng những vi phạm luật lệ về kinh tế, về mao hóa và biến tạo các thứ sản phẩm.

Các công chức và nhân viên các công sở được những đạo luật chuyên biệt giao phó một số trách vụ hình cảnh sẽ hành sử những quyền đó trong điều kiện và phạm vi qui định do những đạo luật ấy.

Điều thứ 23 - Biện lý, dự thẩm và hình cảnh lại có thể triệu dụng sự hỗ trợ của các viên chức kể ở điều trên. Trong giới hạn thẩm quyền của họ, các viên chức này có nhiệm vụ, theo chỉ thị của biện lý, dự thẩm và hình cảnh lại:

- 1) Giúp đỡ hình cảnh lại thi hành nhiệm vụ;
- 2) Lập biên bản vi chứng các trọng tội, khinh tội và tội vi cảnh;
- 3) Lập biên bản tiếp nhận lời khai của những người có thể cung cấp chứng tích, bằng cứ và tài liệu.

CHƯƠNG THỨ II

Công tố viện

TIẾT I: Điều khoản tổng quát

Điều thứ 24 - Công tố viện hành sử công tố quyền và theo dõi sự áp dụng luật pháp để bảo vệ trật tự công cộng.

Mọi sự câu lưu phải đặt dưới quyền kiểm soát của công tố viện.

Điều thứ 25 - Công tố viện có đại diện tại mỗi phiên tòa, tham dự các cuộc tranh luận, có quyền phát biểu ý kiến và đặt câu hỏi.

Mọi phán quyết đều được tuyên xử với sự hiện diện của công tố viên, nếu không sẽ vô hiệu.

Công việc thi hành án văn hình sự do công tố viện đón đọc và kiểm soát. Để giúp công tố viện thi hành nghiêm chỉnh nhiệm vụ này, các hồ sơ hình sự có phúc quyết, án văn hay án lệnh nhất định, cũng như tang vật và các phiếu tư pháp lý lịch được giao cho Phòng Lục sự công tố viện lưu giữ.

Điều thứ 26 - Trong các kết luận trạng, công tố viện phải chấp hành huân lệnh của thượng cấp theo những điều kiện dự liệu nơi điều 29, 30 và 36.

Tuy nhiên, khẩu biện trước phiên tòa, công tố viện được tự do phát biểu những nhận xét mà mình thấy có lợi ích cho công lý.

TIẾT II: Phân vụ của chương lý tòa thượng thẩm

Điều thứ 27 - Chương lý đại diện công tố viện trước tòa thượng thẩm và trước những tòa đại hình nhóm họp trong quản hạt tòa thượng thẩm, và có thể do phó chương lý hay thẩm lý thay mặt.

Điều thứ 28 - Chương lý có nhiệm vụ trông nom việc áp dụng luật hình trong quản hạt tòa thượng thẩm.

Để đáp ứng nhu cầu trên, hàng tháng biện lý phải gửi đến chương lý và chánh nhất bảng kê khai (lập thành ba bản) các vụ phạm pháp trong địa hạt tòa sở tại.

Trong khi thi hành nhiệm vụ, chương lý có quyền triệu dụng công lực.

Điều thứ 29 - Khi được biết những vụ vi phạm hình luật, Tổng trưởng tư pháp có thể cáo tri chương lý, truyền trường lý khởi tố hay ra lệnh khởi tố, hoặc chuyển đến tòa án có thẩm quyền những tình trạng mà Tổng trưởng tư pháp xét thích đáng.

Điều thứ 30 - Chương lý có quyền điều khiển tất cả thẩm phán công tố thuộc quản hạt tòa thượng thẩm.

Đối với các thẩm phán ấy, chương lý cũng có những đặc quyền dự liệu nơi điều trên dành cho Tổng trưởng tư pháp.

Điều thứ 31 - Chương lý giám sát và kiểm soát hoạt động của sĩ quan và nhân viên cảnh sát tư pháp, cùng các công chức dân chính và quân nhân thi hành nhiệm vụ hình cảnh lại. Chương lý có quyền ra lệnh cho các viên chức ấy thu thập tài liệu hữu ích cho sự điều hành công lý.

TIẾT III: Phần vụ của Biện Lý

Điều thứ 32 - Biện lý đại diện công tố viện trước tòa sơ thẩm và lâm thời, trước tòa đại hình trong trường hợp dự liệu nơi điều 236 khoản 2.

Trước tòa tiểu hình, biện lý có thể do phó biện lý thay mặt.

Điều thứ 33 - Biện lý thu nhận đơn khiếu tố, đơn tố cáo và tùy nghi quyết định.

Bất cứ nhà trực trách, công lại hay viên chức nào trong khi thừa hành nhiệm vụ, được biết một vụ phạm pháp về trọng tội hay khinh tội, phải cấp thời báo cáo biện lý và chuyển tới vị thẩm phán này tất cả tài liệu, biên bản và văn kiện liên hệ.

Điều thứ 34 - Biện lý có thể tự mình thực hiện hay truyền thực hiện những hành vi cần thiết để truy tầm và truy tố những vi phạm luật hình.

Để thi hành nhiệm vụ này, biện lý có quyền trực tiếp triệu dụng công lực, điều động các sĩ quan và nhân viên cảnh sát tư pháp thuộc địa hạt tòa sở tại.

Biện lý có tất cả quyền hạn của một hình cảnh lại.

Trong trường hợp phạm pháp quả tang, biện lý hành sử những quyền dự định ở điều 61.

Điều thứ 35 - Khi một vụ phạm pháp xảy ra, biện lý các tòa án sau đây đều có thẩm quyền: tòa án nơi tội phạm phát sinh, tòa án nơi cư ngụ của một trong những người bị tình nghi phạm pháp, tòa án nơi bắt được một trong những người bị tình nghi, dù người này có bị bắt vì lý do khác.

Điều thứ 36 - Biện lý có quyền điều khiển sĩ quan công tố tại các tòa vi cảnh trong quản hạt.

Biện lý có thể cáo tri các tội vi cảnh tự mình được biết cho chỉ thị truy tố và làm thời ra lệnh mở cuộc điều tra.

TIẾT IV: Công tố viện tại tòa án vi cảnh

Điều thứ 37 - Tại tòa án vi cảnh, nhiệm vụ công tố được giao cho chỉ huy trưởng cảnh sát sở tại.

Nếu trong quản hạt tòa án có nhiều Bộ chỉ huy cảnh sát, chương lý sẽ chỉ định một chỉ huy trưởng cảnh sát đảm nhiệm chức vụ công tố.

Nếu chỉ huy trưởng cảnh sát sở tại không khuyết hay bị ngăn trở, chương lý sẽ chỉ định một sĩ quan cảnh sát tư pháp thuộc quản hạt tạm thời thay thế. Trong trường hợp không đặt hay chưa đặt tòa án vi cảnh, các vụ vi cảnh sẽ do tòa sơ thẩm xét xử tại một phiên tòa riêng hay cùng chung với phiên tòa tiểu hình. Nhiệm vụ công tố sẽ giao biện lý tòa sơ thẩm. Vị này có thể do phó biện lý thay mặt.

THIÊN THỨ II

Điều tra

CHƯƠNG THỨ NHỨT

Quyền hạn của nghi can trong giai đoạn điều tra sơ vấn

Điều thứ 38 - Trong giai đoạn điều tra sơ vấn, nghi can bị bắt giữ hoặc bị điều tra phải được cho biết ngay là phạm tội gì và có quyền được luật sư dự kiến.

Điều thứ 39 - Trong hạn 48 giờ, cơ quan bắt giữ phải thông báo việc bắt giữ cho một trong những thân nhân kể sau đây: người phối ngẫu, con cháu, cha mẹ, ông bà, anh chị em, theo lời chỉ dẫn của nghi can.

Nếu một trong những người kể ở đoạn trên tự động đến tìm hỏi, cơ quan liên hệ phải cho họ biết lý do bắt giữ.

Điều thứ 40 - Trong cuộc chấp cung đầu tiên, nếu nghi can yêu cầu được một hay nhiều luật sư dự kiến, cơ quan điều tra phải báo thị bằng mọi cách, kể cả bằng điện thoại, cho luật sư biết trước hai (2) giờ để đến dự kiến; quá hạn

này cuộc điều tra bắt đầu, dầu có luật sư hay không.

Trong trường hợp một luật sư đến dự kiến theo sự yêu cầu của thân nhân nghi can, cuộc chấp cung sẽ thi hành trước sự hiện diện của luật sư, trừ phi trước luật sư và điều tra viên, nghi can từ chối sự dự kiến; sự từ chối này phải được ghi vào biên bản hỏi cung.

Trong các phiên điều tra kế tiếp, cơ quan điều tra cũng báo trước cho luật sư như trên, trước khi khởi sự ghi cung.

Việc báo thị cho luật sư đến dự kiến phải được ghi vào biên bản hỏi cung.

Điều thứ 41 - Khi đến dự kiến lần đầu, luật sư phải nộp cho cơ quan điều tra, để kèm theo biên bản, văn thư nhiệm cách hợp lệ.

Một luật sư có thể đến dự kiến bất luận ở giai đoạn nào của cuộc điều tra, mặc dầu không dự kiến lần đầu, miễn có xuất trình văn thư nhiệm cách hợp lệ, và không bị nghi can từ chối.

Luật sư không được chặn ngang sự hỏi cung, ngắt lời, nhắc nhở, trả lời thế cho các nghi can hay nhân chứng; mỗi lần muốn nói, luật sư phải được sự thỏa thuận của điều tra viên; nếu điều tra viên từ khước, sự từ khước ấy phải được điều tra viên ghi vào biên bản.

Điều thứ 42 - Trong trường hợp bị can bị bắt quả tang và được hỏi ngay tại chỗ, sự dự kiến của luật sư không bắt buộc.

Điều thứ 43 - Trừ trường hợp phạm pháp quả tang, điều tra viên không được hỏi nghi can trước bảy (7) giờ và sau mười chín (19) giờ.

Tuy nhiên, có thể tiếp tục hỏi cung nếu đã khởi sự trước mười chín (19) giờ.

Điều thứ 44 - Vi phạm các điều 38 và 39 sẽ bị phạt vạ từ 601\$ đến 10.000\$ và phạt giam từ 6 ngày đến 1 tháng hoặc một trong hai hình phạt này.

Vi phạm các điều khoản khác ghi trên trong chương này sẽ bị phạt vạ từ 601\$ đến 10.000\$.

Điều thứ 45 - Luật sư được phép nhiệm cách cho bị can tại biện lý cuộc bằng cách nộp thư biện hộ hợp lệ. Sau khi nộp thư biện hộ, luật sư được quyền tiếp xúc với bị can, tham khảo hồ sơ và dự kiến cuộc chấp cung tại biện lý cuộc.

Luật sư không được chặn ngang sự hỏi cung, ngắt lời, nhắc nhở, trả lời thế cho bị can hay nhân chứng. Mỗi lần muốn nói, luật sư phải được sự thỏa thuận của biện lý. Nếu biện lý từ khước, sự từ khước này phải được ghi vào biên bản.

Trong mọi trường hợp, cuộc thẩm vấn tại biện lý cuộc không thể kéo dài quá 2 ngày.

CHƯƠNG THỨ II

Điều tra sơ vấn trong trường hợp phạm pháp quả tang

Điều thứ 46 - Trọng tội hay khinh tội quả tang là trọng tội hay khinh tội đang xảy ra hay vừa xảy ra.

Cũng được coi là trọng tội hay khinh tội quả tang, nếu liền sau khi xảy ra vụ phạm pháp, người bị tình nghi bị công chúng tri hô và đuổi theo, hay bị bắt trong người còn mang tang

vật, hoặc trong người còn mang vết tích, khiến có thể suy đoán người ấy đã tham dự vụ phạm pháp.

Trọng tội hay khinh tội xảy ra trong một nhà phố mà chủ nhà triệu thỉnh biện lý hay hình cảnh lại đến vi chứng cũng được đồng hóa với trường hợp phạm pháp quả tang.

Điều thứ 47 - Cũng được coi như phạm pháp quả tang:

a) Những trọng tội và khinh tội vi phạm bằng báo chí.

b) Những vi phạm về an ninh quốc gia mặc dầu đã xảy ra lâu rồi, nếu có lời thú nhận của người bị tình nghi hoặc có những bằng cứ hiển nhiên, chứng tỏ rằng người ấy đã thật sự phạm pháp.

Điều thứ 48 - Khi biết có một trọng tội quả tang, hình cảnh lại phải lập tức phúc trình biện lý và cấp thời thân hành đến nơi xảy ra vụ phạm pháp, thực hiện ngay các hành vi kiểm chứng cần thiết.

Hình cảnh lại cũng phải bảo lưu các vết tích có thể biến mất, và tất cả những gì có thể dùng để phát huy sự thật, sai áp dụng cụ và khí giới đã được dùng hay có thể dùng để phạm pháp cùng tất cả tang vật khác.

Nếu những người bị tình nghi có mặt tại chỗ, hình cảnh lại phải đưa tang vật đã sai áp cho họ nhìn nhận.

Điều thứ 49 - Cấm không được thay đổi tình trạng nơi xảy ra vụ phạm pháp hay mang ra khỏi nơi này bất cứ một việc gì, trước khi có cuộc điều tra tư pháp sơ khởi, ngoại trừ trường hợp cần bảo vệ an ninh hay vệ sinh công cộng hoặc để cứu cấp các nạn nhân.

Vi phạm khoản trên sẽ bị phạt vạ từ sáu trăm lẻ một đồng (601\$) đến năm ngàn (5.000\$) đồng; nếu có dụng ý cản trở việc điều hành công lý, sẽ bị phạt giam từ ba (3) tháng đến ba (3) năm và phạt vạ từ một ngàn (1.000\$) đến mười ngàn (10.000\$) đồng.

Điều thứ 50 - Để chứng minh một trọng tội đã xảy ra, nếu cần sai áp giấy tờ, tài liệu hay vật dụng do người bị tình nghi lưu giữ, hoặc tài liệu hay vật dụng liên quan đến vụ phạm pháp mà người ấy có thể chứa chấp, hình cảnh lại lập tức tới nơi cư ngụ của người đó để khám xét và lập biên bản. Riêng hình cảnh lại và những người kể nơi điều 51 và 54 mới có quyền xem xét các giấy tờ và tài liệu trước khi sai áp.

Tuy nhiên, trong trường hợp khám xét và sai áp tại nhà hay văn phòng những người phải giữ bí mật nghề nghiệp, hình cảnh lại phải thi hành mọi biện pháp đặc biệt do luật lệ hiện hành quy định để tôn trọng bí mật nghề nghiệp và quyền biện hộ.

Vật dụng và tài liệu bị sai áp phải được liệt kê và niêm phong ngay. Nếu không thể lập ngay bản kê khai tại chỗ, thì phải để vào nơi có khóa và niêm phong tạm cho đến khi liệt kê và niêm phong chánh thức, trước sự hiện diện của những người có mặt trong khi khám xét, như dự liệu nơi điều 51.

Sau khi được biện lý chấp thuận, hình cảnh lại chỉ sai áp vật dụng và tài liệu cần thiết để phát huy sự thật.

Điều thứ 51 - Không kể những biện pháp cần thực hiện để tôn trọng bí mật nghề nghiệp và quyền biện hộ, các tác vụ dự liệu nơi điều trên phải được thi hành trước sự hiện diện của gia chủ nơi khám xét.

Nếu không thể được, hình cảnh lại phải yêu cầu gia chủ cử người đại diện; bằng không, hình cảnh lại sẽ chọn hai người chứng ngoài thuộc viên của mình.

Biên bản được thiết lập như dự liệu nơi điều 59 có chữ ký của những người hiện diện kể trong điều này. Nếu có người từ chối không chịu ký, phải ghi vào biên bản.

Điều thứ 52 - Trừ trường hợp cần thiết cho cuộc điều tra thì không kể, người nào tiết lộ bất cứ bằng phương cách gì tài liệu bị sai áp trong một cuộc khám xét cho người, theo luật, không được quyền biết đến mà không có sự ưng thuận của bị can hay người thụ quyền hoặc tác giả hay người tiếp nhận tài liệu đó sẽ bị phạt vạ từ sáu trăm lẻ một đồng (601\$00) đến mười ngàn (10.000\$00) đồng và phạt giam tù hai (2) tháng đến hai (2) năm.

Điều thứ 53 - Ngoại trừ trường hợp có tiếng kêu cứu từ trong nhà, hay những biệt lệ do luật định, không được khám xét nhà tư nhân trước sáu (6) giờ sáng và sau tám (8) giờ tối.

Tuy nhiên, việc khám xét và sai áp có thể thực hiện bất cứ lúc nào để vi chứng những vi phạm luật lệ ngăn cấm hành nghề mãi dâm trong khách sạn, nhà hay phòng cho thuê có đồ đạc, ký túc xá, quán giải lao, câu lạc bộ, vũ trường, hi viện và những nơi công chúng được ra vào thông thả, nếu được biết có những người hành nghề mãi dâm thường lui tới.

Những thẻ thức dự liệu nơi điều 50, 51 và nơi điều này phải được áp dụng, nếu không, cuộc khám xét sẽ vô hiệu, và hình cảnh lại có thể bị chế tài về mặt kỉ luật, không kể những hành vi phạm luật hình.

Điều thứ 54 - Nếu cảnh vi chứng lập tức, hình cảnh lại có quyền yêu cầu chuyên viên giúp đỡ.

Những người này phải viết lời tuyên thệ lấy danh dự và lương tâm để nhận xét và cho ý kiến.

Điều thứ 55 - Hình cảnh lại có quyền ngăn cấm bất cứ người nào rời khỏi nơi xảy ra vụ phạm pháp cho đến khi kết thúc công việc, nhưng phải tuyên báo trước.

Trong cuộc truy tầm thủ phạm, nếu hình cảnh lại xét cần kiểm soát căn cước một người nào, người ấy phải tuân lệnh.

Vi phạm hai khoản trên sẽ bị phạt giam không quá mười (10) ngày và phạt tiền không quá sáu trăm (600\$) đồng bạc.

Điều thứ 56 - Hình cảnh lại có quyền mời để lấy cung tất cả những người có thể cung cấp tài liệu về vụ phạm pháp.

Những người được mời phải đến để cung khai, nếu bất tuân, hình cảnh lại sẽ trình biện lý xin triệu dung công lực buộc trình diện.

Hình cảnh lại lấy cung phải lập biên bản.

Người khai có quyền đọc lại lời cung của mình yêu cầu ghi thêm các nhận xét và ký tên vào biên bản.

Nếu họ không biết đọc, hình cảnh lại phải đọc cho họ nghe trước khi kí biên bản. Nếu họ từ chối kí tên, thì phải ghi vào biên bản.

Nhân viên cảnh sát tư pháp nói nơi điều 19 cũng có thể, trong phạm vi những chỉ thị nhận được, lấy cung như trên, lập biên bản chuyển đến hình cảnh lại mà họ phụ tá.

Điều thứ 57 - Vì nhu cầu cuộc điều tra, hình cảnh lại có thể giữ lại một hay nhiều trong số những người nói ở điều 55 và 56 nhưng không thể giữ quá hai mươi bốn (24) giờ.

Nếu có chứng tích hệ trọng và phù hợp để buộc tội người nào, hình cảnh lại phải dẫn người ấy trình biện lý trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.

Trong trường hợp đặc biệt, biện lý hay dự thẩm có thể với quyết định có viện dẫn lý do, cho phép triển hạn thời gian tạm giữ, mỗi lần hai mươi bốn (24) giờ, nhưng không thể quá bảy (7) ngày, mà khởi buộc dẫn trình người bị điều tra.

Riêng về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, thời gian tạm giữ có thể triển hạn quá bảy (7) ngày.

Thời gian hình cảnh lại được quyền tạm giữ nói trên khởi lưu kể từ lúc đương sự bị thật sự mất tự do.

Vi phạm điều luật này, hình cảnh lại sẽ bị truy tố về tội giam cầm trái phép, chưa kể chế tài về kỷ luật cùng bồi thường thiệt hại cho đương sự.

Điều thứ 58 - Hình cảnh lại phải ghi vào biên bản hỏi cung người bị tạm giữ các điểm sau đây: có hay không có sự hiện diện của luật sư, ngày giờ chấp cung, ngày giờ ngưng chấp cung, ngày giờ và lý do tạm giữ, ngày giờ phóng thích hoặc dẫn trình biện lý.

Những điều ghi chú ấy phải được đương sự ký nhận, nếu họ từ chối, cần nêu rõ trong biên bản.

Nơi tiếp nhận người bị tạm giữ phải có một quyển sổ riêng chép lại những ghi chú nói trên.

Nếu xét cần, biện lý, hoặc tự mình hoặc theo đơn xin của người bị tạm giữ hay gia đình hay luật sư, có thể chỉ định một y sĩ khám sức khỏe người bị tạm giữ.

Nếu thời hạn hai mươi bốn (24) giờ được triển hạn, hình cảnh lại phải cho người bị tạm giữ được khám sức khỏe, nếu có lời yêu cầu của người này, của gia đình hay luật sư.

Điều thứ 59 - Hình cảnh lại phải lập ngay biên bản trong khi điều tra và ký trên mỗi trang.

Điều thứ 60 - Các điều 48 đến 59 cũng áp dụng cho khinh tội quả tang nếu luật dự liệu phạt giam.

Điều thứ 61 - Khi biện lý đến nơi xảy ra vụ phạm pháp, nhiệm vụ của hình cảnh lại chấm dứt.

Kể từ lúc đó, biện lý tự đảm nhiệm cuộc điều tra.

Biện lý cũng có thể ra lệnh cho các hình cảnh lại tiếp tục công việc điều tra.

Điều thứ 62 - Nếu cần, biện lý và dự thẩm có quyền thân hành sang địa hạt tòa án lân cận để tiếp tục cuộc điều tra nhưng phải báo trước cho biện lý tòa án ấy.

Biên bản phải ghi rõ lý do sự di chuyển.

Điều thứ 63 - Trong trường hợp trọng tội quả tang và nếu dự thẩm chưa thụ lý, biện lý có quyền xuất phát dẫn giải đối với mọi người bị tình nghi có tham dự vào vụ phạm pháp.

Biện lý lấy cung tức khắc người bị dẫn trình. Nếu người này tự ý đến trình diện cùng với luật sư, biện lý chỉ có thể hỏi cung với sự hiện diện của luật sư.

Điều thứ 64 - Trong trường hợp khinh tội quả tang, nếu hình luật có dự liệu phạt giam và nếu dự thẩm chưa thụ lý, biện lý có quyền hạ trát tống giam bị can sau khi xét hỏi lý lịch và lấy cung về tội phạm.

Biện lý sẽ đưa nội vụ ra tòa án theo thủ tục dự liệu nơi quyền hai Bộ luật này, trừ những trường hợp có luật riêng biệt định khác.

Điều thứ 65 - Nếu dự thẩm có mặt nơi xảy ra vụ phạm pháp, biện lý cùng các hình cảnh lại đương nhiên chấm dứt nhiệm vụ, và kể từ lúc đó, dự thẩm tự đảm nhiệm cuộc điều tra. Dự thẩm cũng có thể ra lệnh cho các hình cảnh, lại tiếp tục công việc điều tra.

Sau khi cuộc điều tra kết thúc, dự thẩm chuyển hồ sơ đến biện lý để tùy nghi.

Nếu biện lý và dự thẩm cùng một lúc đến nơi xảy ra vụ phạm pháp, biện lý có thể ra khỏi tổ lệnh trạng yêu cầu dự thẩm mở cuộc thẩm vấn.

Điều thứ 66 - Trong trường hợp phạm pháp quả tang nếu là một trọng tội hay một khinh tội có thể bị phạt giam, mọi công dân có quyền bắt thủ phạm dẫn ngay đến hình cảnh lại gần nhất.

Điều thứ 67 - Khi phát giác một tử thi, dầu là trường hợp bất đắc kì tử hay không, nếu nguyên nhân sự chết chưa được biết rõ hoặc khả nghi, hình cảnh lại phải trình ngay biện lý và cấp thời đến tại chỗ để nhận xét.

Nếu cần, biện lý thân hành đến nơi và nhờ chuyên viên xác định trường hợp sự chết. Tuy nhiên, biện lý có thể lựa chọn và uỷ nhiệm một hình cảnh lại thi hành công tác này.

Chuyên viên được triệu dụng phải ký tên tuyên thệ sẽ phát biểu ý kiến theo danh dự và lương tâm.

Biện lý cũng có thể ra khỏi tổ lệnh trạng yêu cầu dự thẩm mở cuộc thẩm vấn để tìm nguyên nhân sự chết.

CHƯƠNG THỨ III

Điều tra sơ vấn ngoài trường hợp phạm pháp quả tang

Điều thứ 68 - Sĩ quan và nhân viên cảnh sát tư pháp kể nơi điều 19 thừa lệnh biện lý hoặc đương nhiên mở cuộc điều tra sơ vấn.

Chưởng lý có quyền kiểm soát các cuộc điều tra.

Điều thứ 69 - Các cuộc khám xét người hay nhà và sai áp tang vật phải có sự ưng thuận minh thị của đương sự.

Biên bản phải ghi rõ sự ưng thuận này.

Các thẻ thức dự liệu nơi điều 50 và 53 khoản 1 phải được áp dụng.

Điều thứ 70 - Nếu vì nhu cầu cuộc điều tra cần tạm giữ một người quá hai mươi bốn (24) giờ, hình cảnh lại phải tôn trọng những thời hạn và thẻ thức dự liệu nơi điều 57 và 58.

Trong trường hợp đặc biệt, biện lý có thể, với quyết định có viện dẫn lý do, cho phép triển

hạn thời gian tạm giữ mà khỏi buộc dẫn trình bị điều tra như đã dự liệu tại điều 57.

THIÊN THỨ III

Cơ quan thẩm vấn

CHƯƠNG THỨ NHỨT

Dự thẩm

TIẾT I: Điều khoản tổng quát

Điều thứ 71 - Về trọng tội, bắt buộc phải có cuộc thẩm vấn; về khinh tội, sự thẩm vấn có tánh cách nhiệm ý, trừ phi luật định khác; về vi cảnh có thể thẩm vấn, nếu biện lý yêu cầu chiếu điều 36.

Điều thứ 72 - Dự thẩm có nhiệm vụ thẩm vấn.

Dự thẩm không được dự vào công việc xét xử những vụ chính mình đã thẩm vấn; nếu không, việc xét xử sẽ vô hiệu.

Điều thứ 73 - Dự thẩm phải được lựa chọn trong các thẩm phán xử án tòa sơ thẩm, có tối thiểu năm (5) năm thực sự đảm trách nhiệm vụ thẩm phán.

Chánh nhất tòa thượng thẩm cũng có thể bằng định lệnh sau khi hội ý với chưởng lý, ủy nhiệm một thẩm phán xử án tòa sơ thẩm, tạm thời thi hành nhiệm vụ dự thẩm.

Trong trường hợp dự thẩm vắng mặt, lâm bệnh, hay bị ngăn trở vì lý do nào khác, chánh nhất tòa thượng thẩm sẽ tạm thời chỉ định một thẩm phán xử án khác thay thế.

Điều thứ 74 - Dự thẩm chỉ có thể thẩm vấn khi có lệnh trạng của biện lý.

Lệnh trạng có thể khởi tố đích danh một người nào hay khởi tố vô danh.

Dự thẩm có quyền khép tội không những thủ phạm mà cả đồng phạm hay tòng phạm liên quan đến những sự kiện được thụ lý.

Nếu dự thẩm được biết có những sự kiện không bị truy tố theo lệnh trạng, thì phải lập tức thông tri biện lý các đơn khiếu tố hoặc biên bản ghi nhận những sự kiện ấy.

Trong trường hợp có đơn xin đứng dân sự nguyên cáo dự thẩm sẽ hành sử theo điều 81 dưới đây.

Điều thứ 75 - Dự thẩm nơi xảy ra vụ phạm pháp, dự thẩm nơi cư sở của một trong những nghi can, dự thẩm nơi bắt được người tình nghi phạm pháp, dù người này bị bắt vì một duyên cớ khác, đều có quyền thẩm vấn.

Điều thứ 76 - Dự thẩm thực hiện đúng theo luật tất cả các hành vi thẩm vấn cần thiết để phát huy sự thật.

Các tài liệu, hồ sơ phải được lục sự đánh số thứ tự và ghi vào bảng kê ngay khi lập xong, hay ngay khi dự thẩm nhận được.

Đối với hồ sơ có bị can bị tạm giam, mỗi tài liệu, hồ sơ phải được thành lập hai (2) bản, một bản chánh và một bản sao hoặc phóng ảnh được lục sự chứng thực y bản chánh.

Nếu không thể tự mình làm một hành vi thẩm vấn nào, dự thẩm có thể uỷ thác hình cảnh lại theo điều kiện dự liệu nơi điều 155 và 156.

Dự thẩm phải tự mình hoặc uỷ thác hình cảnh lại điều tra về nhân cách, hoàn cảnh vật chất, gia đình hay xã hội của bị can một trọng tội.

Tuy nhiên, về khinh tội, cuộc điều tra này có tình cách nhiệm ý.

Dự thẩm có thể truyền mở cuộc khám nghiệm y khoa về sức khỏe hay tinh thần của bị can, hoặc cho thi hành mọi biện pháp thích nghi. Nếu bị can hay gia đình hoặc luật sư xin khám nghiệm như nói ở trên, dự thẩm nếu khước từ phải ra án lệnh có viện dẫn lý do.

Trong khi thi hành nhiệm vụ, dự thẩm có quyền triệu dụng công lực.

Điều thứ 77 - Trong khởi tố lệnh trạng, và ở bất cứ giai đoạn nào của cuộc thẩm vấn, với phụ tố lệnh trạng biện lý có thể yêu cầu dự thẩm thi hành mọi hành vi xét ra cần thiết để phát huy sự thật. Để đạt mục tiêu đó, biện lý có thể yêu cầu dự thẩm thông tri hồ sơ, nhưng phải hoàn lại trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.

Nếu dự thẩm không đồng ý thi hành các hành vi ấy, thì phải tuyên án lệnh có viện dẫn lý do trong hạn năm (5) ngày, kể từ khi có lệnh trạng.

Điều thứ 78 - Việc phân phối hồ sơ thẩm vấn giữa các dự thẩm sẽ do dự thẩm niên trưởng tòa sở lại quyết định, nếu tòa này có nhiều dự thẩm.

Điều thứ 79 - Chánh án tòa sơ thẩm, vì lợi ích của việc điều hành công lý, có thể cử một dự thẩm hoặc một thẩm phán xử án đồng tòa để thay thế một dự thẩm trong một vụ thẩm vấn chiếu lệnh trạng có viện dẫn lý do của biện lý. Biện lý hành sử như trên hoặc tự ý hoặc theo đơn xin của bị can hoặc dân sự nguyên cáo.

Chánh án phải quyết định trong hạn tám (8) ngày kể từ ngày nhận lệnh trạng của biện lý. Quyết định này không thể bị thượng cầu.

Nếu cần cử một dự thẩm hoặc một thẩm phán xử án thuộc quản hạt một tòa khác thì sẽ do chánh nhất tòa thượng thẩm quyết định trong hạn mười lăm (15) ngày kể từ khi nhận lệnh trạng của biện lý định lệnh này cũng không thể bị thượng cầu.

TIẾT II: Việc đứng dân sự nguyên cáo

Điều thứ 80 - Người nào tự cho là bị thiệt hại vì một trọng tội hay một khinh tội có thể nộp đơn khiếu tố cho dự thẩm có thẩm quyền và xin đứng dân sự nguyên cáo.

Điều thứ 81 - Dự thẩm sẽ thông tri đơn khiếu tố cho biện lý để vị này kết luận.

Lệnh trạng có thể truy tố đích danh một người nào hay truy tố vô danh.

Biện lý chỉ có thể yêu cầu dự thẩm khước từ thẩm vấn, nếu công tố, quyền không thể phát động được hoặc nếu các sự kiện nại dẫn, dù có chứng minh đủ nữa, cũng không cấu thành một tội phạm nào. Nếu không đồng ý và cứ mở cuộc thẩm vấn, dự thẩm phải ra án lệnh có viện dẫn lý do.

Nếu đơn khiếu tố thiếu lý do hoặc thiếu văn kiện chứng minh, biện lý cả thể ra lệnh trạng yêu cầu dự thẩm tạm thời thẩm cứu những người mà cuộc thẩm vấn sẽ tìm ra.

Trong trường hợp trên, người nào bị ám chỉ trong đơn khiếu tố sẽ được lấy cung với tư cách nhân chứng cho đến khi có thể bị truy tố hay cho đến lúc có lệnh trạng mới ghi đích danh bị can, trừ phi người ấy yêu cầu áp dụng

điều 99 mà nội dung phải được dự thẩm đọc cho y rõ.

Điều thứ 82 - Có thể xin đứng dân sự nguyên cáo bất cứ ở giai đoạn nào của cuộc thẩm vấn. Đơn đứng dân sự nguyên cáo không bắt buộc theo một hình thức nhất định nào và khỏi phải tổng đạt cho các đương sự khác. Trình cầu bồi thường cũng được coi như đơn xin đứng dân sự nguyên cáo.

Công tố viện, bị can hay một dân sự nguyên cáo khác có thể phủ nhận sự khả chấp của đơn xin đứng dân sự nguyên cáo.

Trong trường hợp trên, hoặc nếu dự thẩm đương nhiên tuyên bố đơn xin đứng dân sự nguyên cáo bất khả chấp nhận, dự thẩm sẽ ra án lệnh có viện lý do, sau khi thông tri hồ sơ cho công tố viện.

Điều thứ 83 - Nếu không được hưởng tư pháp bảo trợ, dân sự nguyên cáo khởi động công tố quyền phải nộp tại phòng lục sự một số dự phí cần thiết do dự thẩm ấn định; bằng không, đơn khởi tố sẽ không được chấp nhận.

Điều thứ 84 - Mọi dân sự nguyên cáo không cư ngụ trong địa hoạt tòa án đương tiến hành cuộc thẩm vấn phải tuyên định cư sở tại trụ sở tòa án, bằng chứng thư lập tại phòng lục sự.

Nếu không tuyên định cư sở, dân sự nguyên cáo không thể nại dẫn sự thiếu tổng đạt những văn kiện mà luật buộc phải tổng đạt cho y.

Điều thứ 85 - Trong trường hợp vô thẩm quyền chiếu điều 75, dự thẩm sẽ ra án lệnh tổng hỏi dân sự nguyên cáo tùy nghi khiếu nại trước tòa án có thẩm quyền, sau khi công tố viện kết luận.

Điều thứ 86 - Khi cuộc thẩm vấn mở theo đơn của dân sự nguyên cáo được kết thúc bằng một án lệnh miễn tố, không kể trường hợp dân sự nguyên cáo bị truy tố về tội vu cáo, bị can cũng như những người bị ám chỉ trong đơn khiếu tố, có thể xin bồi thường thiệt hại, theo thể thức sau đây, nếu họ không xử dụng tố quyền dân sự.

Tố quyền đòi bồi thường thiệt hại phải được xử dụng trong hạn ba (3) tháng kể từ ngày án lệnh miễn tố thành nhất định. Đương sự trực tố đối phương ra trước tòa tiểu hình nơi vụ án đã được thẩm vấn. Hồ sơ vụ thẩm vấn được chuyển ngay đến tòa án này để thống tri cho các đương sự. Cuộc tranh luận giữa các đương sự hay luật sư và kết luận của công tố viện diễn ra trong phòng thẩm nghị. Án văn sẽ tuyên tại phiên xử công khai.

Nếu xử phạt, tòa án có thể truyền đăng bản sao hay trích lục án văn trong một hay nhiều tờ báo do tòa chỉ định, sở phí về phần người bị kết phạt gánh chịu.

Sự kháng tố, nếu có, và sự kháng cáo được chấp nhận trong thời hạn thông thường về việc tiểu hình.

vụ kháng cáo sẽ được phòng kháng cáo tiểu hình của tòa thượng thẩm xét xử theo thể thức áp dụng trước tòa sơ thẩm.

Phúc quyết có thể bị thượng tố như những phúc quyết về hình sự.

TIẾT III: Thân đáo trường sở, khám xét và sai áp

Điều thứ 87 - Sau khi thụ lý bởi khởi tố lệnh trạng và cáo tri biện lý, dự thẩm có thể thân

đáo tường sở để kiểm chứng hay khám xét. Biện lý có thể cùng đi với dự thẩm.

Dự thẩm khi thân đáo trường sở luôn luôn có lục sự phụ tá và phải lập biên bản về mọi tác vụ.

Điều thứ 88 - Nếu cần, sau khi cáo tri biện lý, dự thẩm có thể cùng lục sự thân hành đến địa hạt các tòa án kế cận để làm mọi hành vi thẩm vấn, nhưng phải báo trước biện lý sở tại. Biên bản phải ghi rõ lý do việc di chuyển.

Điều thứ 89 - Dự thẩm có quyền khám xét bất cứ nơi nào có thể tìm ra những đồ vật cần thiết cho việc phát huy sự thật.

Điều thứ 90 - Nếu khám xét nhà của bị can, dự thẩm phải tuân theo những thể thức dự liệu nơi điều 51 và 53.

Điều thứ 91 - Khi khám xét một nhà khác, không phải nhà của bị can, gia chủ phải được mời dự kiến. Nếu người này vắng mặt hay từ khước, việc khám xét sẽ được thực hiện trước sự hiện diện của hai người trong thân thuộc hay thích thuộc của gia chủ có mặt tại chỗ, hoặc hay người chứng.

Dự thẩm phải tuân theo những thể thức ấn định nơi điều 51 khoản 2 và 53.

Tuy nhiên, trước hết dự thẩm phải thi hành mọi biện pháp cần thiết để tôn trọng bí mật nghề nghiệp và quyền bào chữa của bị can.

Điều thứ 92 - Trong khi thẩm vấn và nếu phải tìm kiếm tài liệu, chỉ dự thẩm hay hình cảnh lại được ủy thác mới có quyền xem xét các tài liệu trước khi sai áp. Tuy nhiên, việc tìm kiếm và xem xét này phải được thực hiện chỉ vì nhu cầu của cuộc thẩm vấn và phải tôn trọng những thể thức nói nơi điều trên.

Đồ vật và văn kiện sai áp phải được kê khai và niêm phong ngay.

Nếu đã niêm phong, chỉ được mở niêm và kiểm điểm các tài liệu trước sự hiện diện của bị can có luật sư hỗ trợ hoặc sau khi các người ấy được mời hợp lệ. Đệ tam nhân bị xét nhà và bị sai áp tài liệu cũng phải được mời dự kiến.

Dự thẩm chỉ duy trì sự sai áp những đồ vật và tài liệu cần thiết cho việc phát huy sự thật, hoặc những tài vật nếu để tiết lộ, sẽ phương hại cho cuộc thẩm vấn.

Nếu không có gì trở ngại cho cuộc thẩm vấn, dự thẩm có thể cho phép các đương sự, trong thời hạn thật ngắn, sao lại hoặc phóng ảnh các tài liệu mà sự sai áp được duy trì; sở phí do đương sự gánh chịu.

Nếu sự sai áp được thực hiện trên những tài vật mà nguyên trạng không cần bảo lưu để phát huy sự thật hoặc để bảo vệ quyền lợi của các đương sự như tiền mặt, bạc nén hay vàng nén, chứng khoán hay giá khoán, dự thẩm sẽ truyền lục sự ký nạp tại quỹ cung thác hay ngân hàng quốc gia.

Điều thứ 93 - Trừ trường hợp cần thiết cho cuộc thẩm vấn người nào tiết lộ, bất cứ bằng phương cách gì tài liệu bị sai áp trong một cuộc khám xét, cho người nào khác mà theo luật không được quyền biết đến, nếu không có sự ưng thuận của bị can hay người thụ quyền hoặc tác giả hay người tiếp nhận tài liệu đó, sẽ bị trừng phạt như dự liệu nơi điều 52.

Điều thứ 94 - Bị can, dân sự nguyên cáo hay bất cứ người nào cho rằng mình có quyền lợi đối với tài vật bị sai áp, đều có thể xin dự thẩm hoàn trả.

Đơn xin của bị can hay dân sự nguyên cáo phải được thông tri cho đối phương và công tố viện. Đơn của đệ tam nhân cũng phải được thông tri cho bị can, dân sự nguyên cáo và công tố viện. Những người được thông tri có thể phát biểu ý kiến trong hạn ba (3) ngày.

Án lệnh của dự thẩm về tang vật bị sai áp sẽ được phòng luận tội xét lại nếu có sự kháng cáo của các đương sự trong hạn mười (10) ngày, kể từ khi tổng đạt. Cuộc thẩm vấn không vì thế mà bị đình hoãn.

Đệ tam nhân cũng có thể trình bày ý kiến trước phòng luận tội như các đương sự, nhưng không có quyền tham khảo hồ sơ.

Điều thứ 95 - Sau khi có án lệnh miễn tố, dự thẩm vẫn có thẩm quyền xét đơn xin hoàn trả đồ vật bị sai áp. Án lệnh của dự thẩm có thể được phòng luận tội xét lại như đã dự liệu nơi điều trên.

TIẾT IV: Cháp cung nhân chứng

Điều thứ 96 - Dự thẩm có thể nhờ thừa phát lại hay nhân viên công lực đòi đến phòng dự thẩm tất cả những người mà lời khai xét ra cần thiết. Bản sao trát đòi sẽ được giao cho đương sự.

Dự thẩm cũng có thể đòi nhân chứng bằng thơ thường, thơ bảo đảm hoặc theo hệ thống hành chánh. Ngoài ra, nhân chứng cũng có thể tự ý đến cung khai.

Điều thứ 97 - Dự thẩm, có lục sự phụ tá, lấy cung riêng từng nhân chứng, ngoài sự hiện diện của bị can và phải lập biên bản hỏi cung.

Nếu cần dự thẩm có thể nhờ thông ngôn trợ giúp. Thông ngôn phải ít nhất hai mươi mốt

(21) tuổi và không được lựa chọn trong số nhân chứng hoặc lục sự đang ghi cung. Nếu không phải là thông ngôn hữu thệ, người được chỉ định phải tuyên thệ sẽ phiên dịch các lời khai một cách trung thực.

Điều thứ 98 - Nhân chứng tuyên thệ khai tất cả sự thật và chỉ khai sự thật. Thiếu nhi dưới mười sáu (16) tuổi được miễn tuyên thệ. Dự thẩm hỏi lý lịch, nghề nghiệp, cư sở của nhân chứng, mức độ liên hệ thân thuộc hay thích thuộc hoặc những mối liên hệ khác giữa nhân chứng và các đương sự.

Câu hỏi và câu trả lời phải được ghi trong biên bản.

Điều thứ 99 - Người nào bị tố cáo đích danh trong một đơn đứng dân sự nguyên cáo chánh tố có quyền từ chối cung khai với tư cách nhân chứng. Trong trường hợp đó, dự thẩm chỉ có thể chấp cung họ với tư cách bị can. Năng quyền trên phải được dự thẩm báo cho các đương sự, sau khi cho họ rõ nội dung đơn khiếu tố và cho ghi điểm này vào biên bản.

Điều thứ 100 - Khi có những chứng tích hệ trọng và phù hợp để suy luận rằng một người nào phạm tội, dự thẩm hay thẩm phán và hình cảnh lại được ủy thác thẩm vấn không thể với dụng ý làm phương hại quyền biện hộ, chấp cung người ấy với tư cách nhân chứng.

Điều thứ 101 - Mỗi trang biên bản phải được dự thẩm, lục sự và nhân chứng ký tên. Nhân chứng được đọc lại lời khai như đã ghi, và ký tên nếu giữ nguyên lời khai.

Trong trường hợp nhân chứng không biết chữ, lục sự phải đọc lại biên bản rõ ràng và yêu cầu nhân chứng lăn tay. Nếu nhân chứng

không chịu ký hay không chịu lăn tay, phải ghi điểm đó vào biên bản.

Nếu có thông ngôn phụ giúp, thông ngôn cũng ký tên vào mỗi trang biên bản.

Điều thứ 102 - Biên bản không được viết chen hàng. Những chữ bôi bỏ hoặc viết thêm phải được dự thẩm, lục sự, nhân chứng và thông ngôn, nếu có, ký chuẩn nhận. Nếu không, những chữ bôi bỏ và viết thêm bị coi như vô hiệu.

Biên bản không ký tên hợp lệ cũng vô hiệu.

Điều thứ 103 - Nhân chứng được trát đòi phải xuất diện, tuyên thệ và công khai, trừ phi được miễn như đã dự liệu trong Bộ hình luật.

Nếu nhân chứng không xuất hiện, dự thẩm xuất lệnh triệu dụng công lực buộc họ phải đến, và phạt vạ từ sáu trăm một (601\$) đến hai ngàn (2.000\$) đồng bạc.

Dự thẩm có thể miễn phạt nếu sau này nhân chứng trình diện và bày tỏ lý do chính đáng về sự vắng mặt.

Nhân chứng từ chối tuyên thệ và cung khai cũng có thể bị phạt như trên.

Nhân chứng bị phạt như trên có thể kháng cáo trước phòng luận tội trong hạn ba (3) ngày, kể từ ngày bị kết phạt. Nếu bị phạt khuyết tịch, thời hạn kháng cáo khởi lưu từ ngày được tổng đạt án lệnh tuyên phạt.

Điều thứ 104 - Người nào công khai tuyên bố biết rõ thủ phạm một trọng tội hay khinh tội mà từ chối không trả lời các câu hỏi của dự thẩm về điểm ấy, sẽ bị giam tù mười một (11) ngày đến một (1) năm và phạt vạ từ sáu trăm một (601\$) đến năm ngàn (5.000\$) đồng bạc.

Điều thứ 105 - Nếu nhân chứng ở trong tình trạng không thể xuất diện, dự thẩm sẽ thân hành đến nơi để chấp cung hoặc ủy thác hỏi cung theo thể thức dự liệu nơi điều 155.

Nhân chứng được chấp cung như trên, nếu không thật sự ở trong tình trạng không thể xuất diện, có thể bị dự thẩm tuyên phạt theo điều 103.

TIẾT V: Hỏi cung và đối chất

Điều thứ 106 - Khi lấy cung lần đầu, dự thẩm xác định lý lịch của bị can, cho y biết từng sự kiện y bị qui trách và đồng thời báo cho bị can hay y có quyền không trả lời. Biên bản phải ghi rõ là bị can đã được báo như vậy.

Nếu bị can muốn cung khai, dự thẩm phải lập tức tiếp nhận lời khai.

Dân sự nguyên cáo cũng được quyền có luật sư dự kiến khi cung khai lần đầu.

Các thể thức qui định sự dự kiến của luật sư tại biện lý cuộc nói ở điều 45 cũng sẽ được áp dụng tại phòng dự thẩm.

Lấy cung lần đầu, dự thẩm cho bị can biết phải thông báo ngay mỗi lần thay đổi địa chỉ. Bị can cũng có thể tuyền định cư sở trong quản hạt tòa án.

Điều thứ 107 - Mặc dầu có qui tắc trên đây, dự thẩm cũng có thể mở ngay cuộc thẩm vấn và đối chất nếu có khẩn cấp, như gặp trường hợp nhân chứng hay đồng phạm đang trong tình trạng hấp hối hoặc sợ chứng tích sẽ tiêu tan.

Biên bản phải ghi lý do của sự khẩn cấp.

Điều thứ 108 - Dự thẩm phải để cho bị can cùng nhân chứng tự do cung khai.

Điều thứ 109 - Ngay sau khi cung khai lần đầu, bị can bị tạm giam có quyền tự do liên lạc với luật sư.

Dự thẩm có quyền cấm bị can tiếp xúc với mọi người trong thời hạn mười (10) ngày và chỉ có thể gia hạn thêm mười (10) ngày nữa mà thôi.

Trong mọi trường hợp, lệnh cấm này không áp dụng cho luật sư.

Điều thứ 110 - Ở bất cứ giai đoạn nào của cuộc thẩm vấn, bị can cũng như dân sự nguyên cáo có thể cho dự thẩm biết tên luật sư mà họ lựa chọn. Nếu có nhiều luật sư, phải cho biết một luật sư được chọn để tiếp nhận trát mời và giấy tờ tổng đạt.

Điều thứ 111 - Bị can và dân sự nguyên cáo chỉ có thể bị chấp cung hay đối chất với sự dự tính của luật sư, trừ phi họ mình bị khước từ quyền ấy, hay luật sư được mời hợp lệ mà không tới.

Luật sư được mời trễ lắm là bốn mươi tám (48) giờ trước ngày thẩm vấn.

Hồ sơ phải để cho luật sư tham khảo ít nhất hai mươi bốn (24) giờ trước khi thẩm vấn bị can cũng như dân sự nguyên cáo.

Điều thứ 112 - Biện lý có thể dự kiến các cuộc hỏi cung và đối chất, nhưng phải báo dự thẩm biết trước ý định ấy.

Trong trường hợp này, lục sự phòng dự thẩm phải gửi giấy mời ít nhất bốn mươi tám (48) giờ trước ngày thẩm vấn.

Điều thứ 113 - Biện lý cũng như luật sư của bị can và của dân sự nguyên cáo được quyền nêu câu hỏi.

Nếu dự thẩm từ chối, nguyên văn câu hỏi phải được chép lại hay đính theo biên bản.

Điều thứ 114 - Biên bản hỏi cung và đối chất được lập theo thể thức ấn định nơi điều 101 và 102.

Nếu có thông ngôn, thể thức dự liệu nơi điều 97 sẽ được áp dụng.

Điều thứ 115 - Biện lý cũng như luật sư của bị can và của dân sự nguyên cáo, trong suốt thời gian thẩm vấn, đều có thể kết luận viết yêu cầu dự thẩm hỏi thêm các nhân chứng khác, cho đối chất, truyền mở cuộc giám định và thực hiện bất cứ một hành vi thẩm vấn nào xét ra cần thiết và có lợi ích cho bị can hay dân sự nguyên cáo.

Dự thẩm phải quyết định trong thời hạn năm (5) ngày kể từ ngày nhận được kết luận. Quá hạn đó kể như thỉnh cầu điều tra bổ túc của đương sự đã được mặc nhiên chấp nhận và dự thẩm phải thi hành.

Nếu khước từ những lời yêu cầu điều tra bổ túc, dự thẩm phải ra án lệnh có viện dẫn lý do. Cũng như biện lý, bị can hoặc dân sự nguyên cáo có thể tùy ý hoặc nhờ luật sư của họ kháng cáo lên phòng luận tội.

TIẾT VI: Các loại trát và việc chấp hành trát

Điều thứ 116 - Dự thẩm có thể, tùy trường hợp, hạ trát đòi, trát dẫn giải, trát tổng giam và trát bắt giam.

Trát đòi là lệnh truyền bị can phải trình diện trước dự thẩm vào ngày giờ ghi trong trát.

Trát dẫn giải là lệnh truyền cho công lực dẫn ngay bị can đến trình diện trước dự thẩm.

Trát tổng giam là lệnh truyền cho chánh giám trị trại giam nhận lãnh và tạm giam bị can. Cũng có thể dùng sát này để truy tầm hay di chuyển bị can nếu y đã được tổng đạt trát ấy.

Trát bắt giam là lệnh truyền cho công lực truy tầm bị can, và giải y tới trại giam ghi trong trát.

Điều thứ 117 - Trát phải ghi rõ lý lịch của bị can, phải có nhật ký và ấn ký của dự thẩm. Đối với mỗi bị can phải lập một trát riêng biệt.

Ngoài ra, trát dẫn giải, tổng giam, và bắt giam còn phải ghi thêm tội danh cùng điều luật áp dụng.

Trát đòi do thừa phát lại hay nhân viên cảnh sát tư pháp hay nhân viên công lực tổng đạt cho đương sự. Bản sao trát được giao cho đương sự sau khi ký nhận vào bản chánh.

Trát dẫn giải hay trát bắt giam sẽ do nhân viên cảnh sát tư pháp hay nhân viên công lực tổng đạt và thi hành phải cho bị can xem trát và giai bản sao cho y.

Nếu bị can đã bị tạm giam vì một tội khác, thể thức tổng đạt trát cũng như trên. Ngoài ra, biện lý cũng có thể chỉ thị chánh giám thị trại tạm giam thi hành việc tổng đạt trát.

Gặp trường hợp khẩn cấp, trát dẫn giải và trát bắt giam có thể được phổ biến bằng mọi phương tiện. Trong trường hợp này, phải nêu rõ những ghi chú chánh yếu của trát, nhất là lý lịch của bị can, tội danh, tên mà chức vụ của thẩm phán hạ trát. Bản chánh trát nói trên phải được chuyển giao cho nhân viên có nhiệm vụ thi hành trong thời hạn tối thiểu.

Dự thẩm tổng đạt trát tổng giam cho bị can và ghi điểm này vào biên bản hỏi cung.

Điều thứ 118 - Các loại trát có hiệu lực chấp hành trên toàn lãnh thổ quốc gia.

Điều thứ 119 - Dự thẩm hỏi cung ngay khi bị can đến trình diện theo trát đòi.

Bị can bị bắt vì trát dẫn giải cũng được hỏi cung như trên. Nếu không được hỏi cung ngay bị can được đưa đến trại tạm giam, nhưng không thể bị tạm giữ quá hai mươi bốn (24) giờ.

Hết hạn tạm giam, chánh giám thị phải tự động dẫn liền bị can đến biện lý cuộc để biện lý yêu cầu dự thẩm hỏi cung ngay. Nếu dự thẩm vắng mặt, chánh án hay thẩm phán do chánh án chỉ định sẽ hỏi cung ngay, bằng không bị can phải được phóng thích.

Điều luật này và điều 120 cũng áp dụng đối với bị can bị dẫn trình cùng với khởi tố lệnh trạng hay phụ tố lệnh trạng của biện lý.

Điều thứ 120 - Bị can bị bắt vì trát dẫn giải bị giữ quá hai mươi bốn (24) giờ trong trại tạm giam mà không được hỏi cung, phải được coi như bị giam cầm trái phép.

Thẩm phán hay công chức đã ra lệnh hoặc tự mình dung túng sự giam cầm trái phép, sẽ bị phạt về tội giam cầm trái phép như qui định trong Bộ hình luật.

Điều thứ 121 - Bị can bị truy tầm do trát dẫn giải, bị bắt ngoài quản hạt tòa án nơi dự thẩm hạ trát, sẽ được dẫn trình biện lý tòa án nơi bắt được y.

Biện lý hỏi lý lịch bị can, tiếp nhận lời khai, sau khi cho đương sự biết y có quyền không cung

khai, hỏi y có bằng lòng được dẫn giải hay chịu tạm giữ để đợi quyết định của dự thẩm hạ trát. Nếu bị can không chịu dẫn giải ngay, y được đưa đến trại tạm giam, và nội vụ được thông báo cấp thời cho dự thẩm có thẩm quyền kèm theo biên bản có ghi đầy đủ tướng mạo của bị can và các chi tiết khác để dễ xác định lý lịch của đương sự.

Biên bản ấy phải ghi rằng bị can đã được thông báo rõ cho y có quyền không cung khai.

Điều thứ 122 - Ngay sau khi nhận được các văn kiện trên, dự thẩm có thẩm quyền sẽ quyết định có nên di chuyển bị can hay không.

Điều thứ 123 - Nếu không tìm được bị can bị truy tầm theo trát dẫn giải, trát phải được trình cho xã trưởng hay phó xã trưởng an ninh hoặc chỉ huy trưởng cảnh sát tỉnh ngay quận nơi bị can trú ngụ. Các viên chức này phải kiểm nhận và hoàn trát lại dự thẩm với biên bản thi hành vô hiệu quả.

Bị can không tuân theo trát dẫn giải hay toan trốn sau khi khai sẵn sàng tuân hành, sẽ bị cưỡng bách bằng võ lực. Nhân viên thi hành trát sẽ nhờ công lực nơi gần nhất hỗ trợ. Công lực phải tuân theo lệnh triệu dụng ghi trong trát.

Điều thứ 124 - Trong trường hợp bị can tại đào, hoặc trú ngụ ngoài lãnh thổ quốc gia dự thẩm sau khi hội ý biện lý có thể ra trát bắt giam, nếu sự phạm pháp đưa đến một hình phạt giam tiểu hình hay một hình phạt nặng hơn.

Điều thứ 125 - Bị can bị bắt vì trát bắt giam, phải được dẫn ngay đến trại giam ghi trong trát, ngoại trừ trường hợp dự liệu nơi điều 126 đoạn 2.

Chánh giám thị cấp cho viên chức thi hành trát từ nhận lãnh bị can.

Điều thứ 126 - Bị can phải được hỏi cung trong vòng bốn mươi tám (48) giờ kể từ khi bị tạm giữ, nếu để quá hạn này mà không hỏi cung thì sẽ áp dụng các điều 119 khoản 3 và 120.

Nếu bị bắt ngoài quản hạt tòa án nơi dự thẩm hạ trát, bị can sẽ được dẫn trình ngay biện lý nơi bị bắt. Biện lý lấy lời khai, sau khi cho đương sự biết y có quyền không cung khai. Điểm này phải được ghi vào biên bản.

Biện lý cấp thời thông báo dự thẩm đã hạ trát, đồng thời truyền di chuyển bị can. Nếu không thể di chuyển ngay được, biện lý sẽ hỏi ý kiến dự thẩm nói trên.

Điều thứ 127 - Nhân viên thi hành trát bắt giam không được đột nhập tư gia trước sáu (6) giờ sáng và sau tám (8) giờ tối.

Viên chức ấy có thể dẫn theo một số nhân viên công lực cần thiết để ngăn ngừa bị can đào tẩu. Công lực tại nơi gần nhất được triệu dụng và phải tuân lệnh ghi trong trát.

Nếu không bắt được bị can, phải tổng đạt trát tại chỗ ở sau cùng của y và lập biên bản khám xét.

Biên bản được lập trước sự hiện diện của hai người láng giềng gần nhất. Hai người này phải ký vào biên bản. Nếu họ không biết ký hoặc không chịu ký sẽ áp dụng điều 101 khoản 2.

Trát được trình cho xã trưởng hay phó xã trưởng an ninh hoặc chỉ huy trưởng cảnh sát tỉnh hay quận nơi bị can trú ngụ để kiểm nhận; bản sao trát được giao cho các viên chức này.

Trát bắt giam và biên bản được chuyển đến thẩm phán đã ký trát hay phòng lục sự tòa án nơi thẩm phán này từng sự.

Điều thứ 128 - Dự thẩm chỉ có thể hạ trát tổng giam sau khi hỏi cung bị can và nếu sự phạm pháp có thể bị xử phạt giam về khinh tội hay một hình phạt nặng hơn.

Tổng giam hay tạm thích bị can, dự thẩm phải ra án lệnh có viện dẫn lý do. Dù có kháng cáo, án lệnh này cũng phải được thi hành.

Điều thứ 129 - Lục sự vi phạm thủ tục về trát đòi, trát dẫn giải, trát tổng giam và trát bắt giam sẽ bị chánh thẩm phòng luận tội xử phạt hai ngàn (2000\$) tiền vạ dân sự. Riêng đối với dự thẩm và biện lý quá thất như trên có thể bị chế tài về kỉ luật cùng khiếu tố thẩm phán.

Không kể những hình phạt nặng hơn, điều khoản luật này cũng áp dụng đối với mọi vi phạm các biện pháp nhằm bảo vệ tự do cá nhân dự liệu trong các điều 50, 51, 53, 91, 92, 131, 132, 134.

Trong các trường hợp trên đây cùng trong mọi trường hợp quyền tự do cá nhân, cơ quan hành pháp không quyền để khởi tranh thẩm và chỉ có cơ quan tài phán tư pháp mới có thẩm quyền xét xử.

Cũng thuộc thẩm quyền chuyên độc của cơ quan tài phán tư pháp mọi tố quyền dân sự dựa vào các sự kiện cấu thành tội trạng xâm phạm tự do cá nhân như dự liệu trong Bộ hình luật, bất kể tố quyền này nhằm chống cơ quan hay nhân viên công quyền.

TIẾT VII: Kiểm soát tư pháp và tạm giam

Điều thứ 130 - Biện pháp kiểm soát tư pháp và tạm giam chỉ được thi hành nếu cần thiết cho việc thẩm vấn hoặc vì lý do an ninh, nhưng phải tuân theo những quy tắc và điều kiện dưới đây.

PHỤ TIẾT I: Kiểm soát tư pháp

Điều thứ 131 - Dự thẩm có thể ra lệnh thi hành biện pháp kiểm soát tư pháp nếu bị can có thể bị xử phạt giam về khinh tội hay một hình phạt nặng hơn.

Tuỳ theo quyết định của dự thẩm, bị can nói trên phải tuân hành một hay nhiều trách vụ sau:

- 1) Không được ra khỏi giới hạn địa phương do dự thẩm ấn định;
- 2) Chỉ được vắng mặt tại trú quán hay cư sở do dự thẩm ấn định nếu hội đủ điều kiện và lý do mà thẩm phán này đã qui định;
- 3) Không được lui tới hoặc chỉ được lui tới những nơi mà dự thẩm ấn định;
- 4) Phải thông báo dự thẩm mọi sự di chuyển vượt ra ngoài giới hạn địa phương;
- 5) Phải trình diện định kỳ trước cơ quan hay nhà chức trách đã được dự thẩm chỉ định để ngầm theo dõi những hành vi của bị can;
- 6) Phải trình diện mọi nhà chức trách hay mọi người được dự thẩm chỉ định nếu có lệnh đòi và, lâm thời tuân theo các biện pháp kiểm soát về những hoạt động nghề nghiệp hay sự chuyên cần học vấn của bị can;
- 7) Phải nộp cho phòng lục sự hoặc cơ quan cảnh sát hay an ninh mọi chứng từ về lý lịch, nhất là thẻ căn cước, hay sổ thông hành. Cơ

quan thu nhận sẽ cấp phát cho đương sự một biên lai để dùng thay các giấy tờ đã nộp;

8) Không được lái mọi loại xe cộ hay một số loại xe cộ nào đó và lâm thời phải nộp tại phòng lục sự bằng lái xe để đổi lấy giấy biên nhận;

9) Không được gặp gỡ hoặc liên lạc bất cứ bằng cách nào với một số người mà dự thẩm đã đặc biệt cấm đoán;

10) Phải tuân theo những biện pháp khám nghiệm hay điều trị, săn sóc hay phải nằm bệnh viện để chữa trị, nhất là khi cần giải độc;

11) Phải nộp một khoản tiền bảo chứng mà dự thẩm sẽ ấn định tổng số cùng phân kỳ căn cứ theo khả năng tài chánh của bị can;

12) Không được tham dự vào một số hoạt động nghề nghiệp sợ rằng bị can có thể tái phạm pháp hoặc trong khi hay nhân khi hành nghề đó bị can đã phạm pháp.

Những thể thức áp dụng điều luật này sẽ được ấn định bằng sắc lệnh của Tổng Thống.

Điều thứ 132 - Ở bất cứ giai đoạn nào của cuộc thẩm vấn, dự thẩm cũng có thể ra án lệnh truyền đặt bị can trong tình trạng kiểm soát tư pháp.

Dự thẩm có thể bất cứ lúc nào buộc bị can nói trên phải chịu một hay nhiều trách vụ mới, sửa đổi hoặc hủy bỏ tất cả hay một phần những trách vụ đang áp dụng, hoặc nhứt thời chấp thuận giải trừ một số các trách vụ ấy.

Cùng ngày ra các án lệnh dự liệu nơi điều luật này, lục sự phải thông tri các án lệnh đó cho biện lý.

Điều thứ 133 - Bất cứ lúc nào, dự thẩm cũng có thể thu hồi lệnh kiểm soát tư pháp, hoặc tự ý, hoặc do lệnh trạng của biện lý, hoặc theo thỉnh cầu của bị can, sau khi thông tri biện lý.

Trong thời hạn năm (5) ngày, dự thẩm sẽ ra án lệnh có viện dẫn lý do thanh quyết thỉnh cầu của bị can.

Quá hạn trên, nếu dự thẩm không quyết định, bị can có thể trực tiếp khiếu nại tại phòng luận tội. Chiếu kết luận viết có viện dẫn lý do của Chương lý, Phòng luận tội phải thanh quyết nội vụ trong hạn một (1) tháng kể từ ngày thụ lý. Nếu không, biện pháp kiểm soát tư pháp đương nhiên bị thu hồi, trừ trường hợp phòng luận tội ra lệnh thẩm vấn bổ túc thỉnh cầu của bị can.

Điều thứ 134 - Những án lệnh truyền thi hành biện pháp kiểm soát tư pháp, hoặc bác đơn xin thu hồi, hoặc sửa đổi biện pháp này sẽ do dự thẩm báo miệng cho bị can và có ghi sự thông báo này vào biên bản, hoặc do thừa phát lại tổng đạt cho bị can.

Những án lệnh khác nhằm thi hành điều 132 và 133 được tổng đạt bằng mọi cách.

Điều thứ 135 - Cơ quan tài phán có thẩm quyền chiếu điều 143 trừ khoản cuối trong một giai đoạn của thủ tục cũng có những quyền hạn như của dự thẩm nói tại điều 132 và 133.

Điều thứ 136 - Nếu bị can không tuân hành các biện pháp kiểm soát tư pháp, thì dù thời hạn phạt giam dự liệu thế nào, dự thẩm cũng có thể xuất trát bắt giam hay tổng giam đương sự theo thể thức tạm giam qui định nơi các điều dưới đây.

Cơ quan tài phán định tại điều 143 trừ khoản cuối cùng có quyền hạn trên. Tuy nhiên, đối với bị can, trát bắt giam hay tổng giam không được xử dụng và án lệnh câu lưu sẽ thi hành chiếu lệnh của chánh thẩm tòa đại hình hoặc trong thời gian giữa hai khóa tòa đại hình sẽ do lệnh chánh thẩm phòng luận tội.

Điều thứ 137 - Cơ quan tài phán thụ lý, các trường hợp dự liệu từ điều 131 đến điều 136 sẽ theo thủ tục qui định tại điều 144.

PHỤ TIẾT II: Tạm giam

Điều thứ 138 - Về khinh tội, nếu mức tối đa hình phạt giam dự liệu dưới hai (2) năm và nếu bị can có nghề nghiệp, địa chỉ chắc chắn, chưa bị kết án về trọng tội hay chưa bị phạt giam quá ba (3) tháng về khinh tội thường luật, thời gian giam cứu sau lời hỏi cung đầu tiên không thể quá mười lăm (15) ngày.

Đối với khinh tội mà mức tối đa hình phạt giam bằng hay quá hai (2) năm, bị can có thể được tự do tạm nếu chưa có tiền án quá ba (3) tháng giam về các tội cố ý và có nghề nghiệp cùng địa chỉ chắc chắn. Nữ bị can, về các tội tiểu hình, có nghề nghiệp và địa chỉ chắc chắn, cũng có thể được tự do tạm, nếu có thai trên ba (3) tháng.

Điều thứ 139 - Đối với khinh tội mà mức tối đa hình phạt giam bằng hay quá hai (2) năm và nếu biện pháp kiểm soát tư pháp không đủ đáp ứng nhu cầu dự liệu tại điều 130, có thể ra lệnh hay duy trì tạm giam trong những trường hợp sau:

1) Sự tạm giam là biện pháp duy nhất để bảo lưu bằng cứ hay chứng tích vật thể hoặc để tránh cho nhân chứng khỏi bị áp lực, hoặc để

ngăn ngừa những âm mưu giữa bị can và đồng lõa;

2) Sự tạm giam xét ra cần thiết để bảo vệ trật tự công cộng khỏi bị phá rối do sự phạm pháp gây ra, hoặc để che chở bị can, hoặc để chấm dứt sự phạm pháp hoặc để ngăn ngừa sự tái phạm cũng như để bảo đảm dự xuất diện của bị can trước tòa.

Cũng có thể tạm giam theo những điều kiện dự liệu nơi điều 136 trong trường hợp bị can không tuân hành các trách vụ về kiểm soát tư pháp.

Điều thứ 140 - Án lệnh truyền tạm giam của dự thẩm đặc biệt phải viện dẫn lý do dựa vào những yếu tố qui định nơi điều 139.

Án lệnh này có thể được xử dụng bất cứ lúc nào trong giai đoạn thẩm vấn.

Sự tạm giam không thể quá bốn (4) tháng. Tuy nhiên, dự thẩm có thể ra án lệnh có viện dẫn lý do triển hạn tạm giam. Sự tạm giam chỉ được triển hạn một lần không quá bốn (4) tháng.

Án lệnh nói tại đoạn 1 điều này được dự thẩm báo miệng cho bị can và một bản sao phải trao cho đương sự sai khi y ký nhận trong hồ sơ nội vụ.

Dự thẩm sẽ ra những án lệnh dự liệu trong điều luật này chiếu kết luận của biện lý.

Điều thứ 141 - Về trọng tội hay khinh tội, dự thẩm có thể, chiếu ý kiến của biện lý tự động cho tự do tạm với điều kiện phải chịu sự kiểm soát tư pháp hay không. Bị can được tự do tạm phải cam kết trình diện mỗi khi được gọi cũng như phải báo cho dự thẩm biết mỗi khi di chuyển.

Biện lý bất cứ lúc nào cũng có thể yêu cầu cho bị can tự do tạm như trên. Dự thẩm quyết định trong thời hạn nam (5) ngày kể từ ngày có lệnh trạng của biện lý.

Điều thứ 142 - Về trọng tội hay khinh tội, bị can, người phối ngẫu, cha mẹ hoặc con cái hay luật sư lúc nào cũng có thể xin dự thẩm cho tự do tạm với điều kiện tuân theo những trách vụ dự liệu nơi điều trên.

Dự thẩm phải thông tri ngay hồ sơ cho biện lý kết luận, đồng thời bao bằng thơ bảo đảm cho dân sự nguyên cáo để y trình bày ý kiến. Biện lý phải kết luận và hoàn hồ sơ cho dự thẩm trong vòng ba (3) ngày.

Trễ lắm là năm (5) ngày, sau khi thông tri hồ sơ cho biện lý, dự thẩm phải dự thẩm phải quyết định bằng án lệnh có viện dẫn lý do dựa vào những điều kiện nói tại điều 140.

Nếu có dân sự nguyên cáo, dự thẩm chỉ có thể ký án lệnh bốn mươi tám (48) giờ sau khi thông báo, đơn xin tự do tạm cho dân sự nguyên cáo.

Dự thẩm có thể ký án lệnh cho bị can được tự do tạm sớm hơn kỳ hạn trên đây nếu đã nhận được sự ưng thuận minh thị của dân sự nguyên cáo.

Nếu dự thẩm không quyết định trong thời hạn dự liệu nơi khoản 3 trên đây, bị can có thể đệ đơn thẳng lên phòng luận tội và cơ quan tài phán này, chiếu kết luận có viện dẫn lý do của chưởng lý, sẽ phán quyết trong hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày tiếp nhận khiếu nại; nếu không chánh thẩm phòng luận tội phải ký án lệnh cho bị can tự do tạm, trừ phi phòng luận tội truyền thẩm vấn bổ túc.

Biện lý cũng có quyền yêu cầu phòng luận tội xét xử trong những điều kiện như trên.

Điều thứ 143 - Trong bất cứ giai đoạn nào của vụ án, kể cả giai đoạn thượng tố, bị can đều có thể xin tự do tạm.

Cơ quan xét xử đã thụ lý có quyền quyết định cho tự do tạm. Trước khi có án chuyển tổng ra trước tòa án đại hình và trong khoảng thời gian giữa hai khoá đại hình, quyền ấy thuộc phòng luận tội.

Trong trường hợp có thượng tố và cho đến khi có phúc quyết của Tối cao pháp viện, quyền cho tự do tạm thuộc cơ quan tài phán xét xử sau cùng nội dung vụ án. Nếu phán quyết của tòa đại hình bị thượng tố, phòng luận tội sẽ quyết định về đơn xin tự do tạm.

Nếu có quyết định vô thẩm và nói chung trong mọi trường hợp không có cơ quan tài phán nào thụ lý, phòng luận tội sẽ xét các đơn xin tự do tạm.

Đối với bị can ngoại kiều không bị giam hay đã được tự do tạm, nếu xét cần, biện lý có thể chỉ định cho họ một nơi cư trú. Trước khi có lệnh miễn tố hay quyết định chung quyết, họ không thể rời bỏ nơi này nếu không được phép; bất tuân họ sẽ bị truy tố về tội vi phạm quyết định quản thúc dự liệu nơi Bộ hình luật.

Điều thứ 144 - Khi cơ quan tài phán phải định đoạt và những trường hợp dự liệu nơi điều 143, các đương sự và luật sư sẽ được mời đến bằng thư bảo đảm. Quyết định sẽ được tuyên sau khi công tố viện, các đương sự hay luật sư đã tranh luận.

Điều thứ 145 - Trước khi được tự do tạm, dù có tiền bảo chứng hay không, bị can đứng

đơn cũng phải tuyển định cư sở tại nơi tòa án thụ lý nội vụ đặt trụ sở. Việc tuyển định cư sở được thực hiện bằng chứng thư lập tại văn phòng trại tạm giam. Chánh giám thị trại tạm giam phải thông báo việc tuyển định cư sở cho nhà chức trách có thẩm quyền.

Sau khi được tự do tạm, nếu bị can được đòi mà không đến, hoặc có những trường hợp mới hay hệ trọng, khiến phải giam giữ bị can, dự thẩm hoặc cơ quan tài phán thụ lý vụ án có thể hạ trát tổng giam lại.

Phòng luận tội cũng có quyền tổng giam lại nếu có quyế định tuyên bố vô thẩm quyền để chờ cơ quan tài phán có thẩm quyền thụ lý.

Khi phòng luận tội huỷ án lệnh dự thẩm và cho tự do tạm, sau này dự thẩm chỉ có thể hạ trát tổng giam lại, nếu phòng luận tội chiếu luận trạng của công tố viện, đã thấu hỏi quyết định cho tự do tạm.

Điều thứ 146 - Bị can bị kiểm soát tư pháp hoặc được tự do tạm, tùy trường hợp có thể bị buộc đóng một số tiền bảo chứng.

Số tiền này bảo đảm:

1) Sự có mặt bị can mỗi khi thủ tục cần có sự hiện diện của y và để thi hành bản án cũng như lâm thời, để chấp hành mọi trách vụ khác;

2) Việc thanh toán các phí khoản theo thứ tự sau đây:

a) Lệ phí do dân sự nguyên cáo ứng trước, các khoản bồi hoàn và tiền bồi thường thiệt hại, tiền cấp dưỡng trong trường hợp bị can bị truy tố vì không thanh toán khoản nợ này;

b) Lệ phí phát sinh di việc hành sử công tố quyền;

c) Ngân hình;

Quyết định ra lệnh kiểm soát tư pháp hoặc ban tạm do tạm sẽ ấn định bách phân số tiền để bảo đảm hai khoản nói trên.

Điều thứ 147 - Dự thẩm có thể, với sự ưng thuận của bị can, truyền phần tiền bảo chứng dành để bảo đảm quyền lợi của nạn nhân hoặc trái chủ khoản tiền cấp dưỡng được ứng trả trước cho những người này, nếu họ yêu cầu.

Điều thứ 148 - Phần thứ nhất bảo chứng được hoàn lại nếu bị can trình diện mỗi khi được đòi, đã tuân hành các trách vụ về kiểm soát tư pháp hoặc tạm do tạm và đã chịu thi hành bản án. Trong trường hợp trái lại, phần bảo chứng ấy sẽ xung công quỹ, nếu bị can không có lý do khoan miễn chánh đáng.

Tuy nhiên, dự thẩm hay cơ quan tài phán xét xử sẽ ra lệnh hoàn lại phần bảo chứng này trong trường hợp bị can được miễn tố, miễn nghị hay tha bổng.

Điều thứ 149 - Phần thứ hai bảo chứng phải được hoàn lại cho bị can trong trường hợp được miễn tố, ngoại trừ trường hợp tuy được miễn nghị hay tha bổng hay toà áp dụng điều 362.

Nếu có án văn kết phạt, phần bảo chứng này dùng để thanh toán lệ phí, ngân hình, tiền bồi hoàn, tiền bồi thường thiệt hại cho dân sự nguyên cáo. Phần còn dư sẽ hoàn lại bị can.

Điều thứ 150 - Bảo chứng có thể nạp bằng tiền mặt, chỉ phiếu có chứng nhận hoặc chứng khoán do quốc gia phát hành hay bảo đảm, và phải nạp tại ty trước bạ.

Công tố viện sẽ cho thi hành ngay quyết định ban tạm do tạm, khi được trình biên lai nạp bảo chứng.

Điều thứ 151 - Công tố viện đương nhiên hay theo đơn xin của dân sự nguyên cáo, cấp phát cho ty trước bạ một chứng chỉ của phòng lục sự xác nhận trách nhiệm của bị can chiếu điều 148 đoạn 2 hoặc trích lục bản án chiếu điều 149 đoạn 2.

Nếu các số tiền phải trả không được ký nạp, ty trước bạ sẽ cưỡng chế truy thu.

Quỹ cung thác phân chia ngay cho những người hưởng quyền các số tiền ký nạp hay thu được.

Mọi tranh chấp về các khoản nói trên sẽ được xét xử theo thủ tục phi tụng, tại phòng thẩm nghị như một đối tranh về thi hành án văn.

PHỤ TIẾT II: Bồi thường thiệt hại cho người bị tạm giam oan ức

Điều thứ 152 - Không kể trường hợp khiếu tố thẩm phán như quy định trong Bộ dân sự tố tụng, bị can đã bị tạm giam nhân một thủ tục hình sự, sau lại được miễn tố hoặc tha bổng, chiếu phán quyết trở thành nhất định, có thể đứng nguyên đơn xin bồi thường, nếu sự giam cầm oan ức quả có gây thiệt hại trầm trọng quá đáng cho đương sự.

Điều thứ 153 - Tố quyền xin bồi thường thiệt hại dự liệu trong điều luật trên phải được xử dụng trong thời hạn ba (3) tháng kể từ ngày phán quyết miễn tố hoặc tha bổng trở thành nhất định.

Nguyên đơn sẽ trực tố ra trước tòa tiểu hình nơi vụ án được khởi đầu thụ lý. Hồ sơ hình sự kết thúc bằng phán quyết nhất định nêu trên

sẽ được chuyển đến tòa tiểu hình để thông tri cho các đương sự. Cuộc tranh luận sẽ diễn ra trong phòng thẩm nghị.

Án văn sẽ tuyên tại phiên xử công khai.

Sự kháng tố, nếu có, và sự kháng cáo phải làm trong thời hạn thông thường về việc tiểu hình.

Phúc quyết có thể bị thượng tố như những phúc quyết về hình sự.

Điều thứ 154 - Bồi khoản dự liệu nơi các điều luật trên sẽ do ngân sách quốc gia đài thọ. Lâm thời, để thu hoàn, món tiền này, quốc gia được dành quyền khởi tố kẻ vu cáo hoặc kẻ chứng gian mà quả thật đã gây ra sự tạm giam hoặc tiếp tục tạm giam. Bồi khoản này sẽ được thanh toán như lệ phí hình sự.

TIẾT VIII : Ủy thác hỏi cung

Điều thứ 155 - Dự thẩm có thể ủy thác một thẩm phán đồng tòa hay một hình cảnh lại thuộc quản hạt tòa án ấy sau khi thông báo cho biện lý hay một dự thẩm một tòa án khác, để hỏi cung hay thi hành mọi hành vi thẩm vấn cần thiết ở các nơi thuộc thẩm quyền của viên chức được ủy thác.

Tờ ủy thác chỉ rõ tính chất tội trạng, phải có nhật kỳ, ấn ký của dự thẩm ủy thác, và chỉ có thể yêu cầu thực hiện những hành vi thẩm vấn liên quan trực tiếp đến hành vi phạm pháp bị truy tố.

Điều thứ 156 - Thẩm phán hay hình cảnh lại thụ ủy, trong giới hạn sự ủy thác, có quyền hành của một dự thẩm.

Tuy nhiên, hình cảnh lại không có quyền lấy cung hay đối chất bị can, và chỉ được chấp

cung dân sự nguyên cáo nếu người này yêu cầu.

Điều thứ 157 - Nhân chứng được đòi để chấp cung theo lệnh ủy thác phải trình diện, tuyên thệ và cung khai. Nếu bất tuân, viên chức thụ ủy sẽ thông báo thẩm phán ủy thác. thẩm phán này có thể nhờ công lực cưỡng bách nhân chứng xuất diện và phạt y theo điều 103 đoạn 2 và 3.

Điều thứ 158 - Trong khi thi hành ủy thác, nếu hình cảnh lại thấy cần phải giữ một người nào, trong vòng hai mươi bốn (24) giờ phải dẫn trình dự thẩm thuộc quản hạt tòa án nơi thi hành ủy thác. Sau khi nghe bị can trình bày, dự thẩm có thể cấp giấy phép cho tạm giữ thêm hai mươi bốn (24) giờ nữa.

Dự thẩm có thể đặc trách cấp giấy phép nói trên, có viện dẫn lý do, mặc dầu người bị giữ không được dẫn trình.

Mỗi lần tạm giữ như vậy, hình cảnh lại phải ghi chú theo thể thức ấn định nơi điều 58 và trình báo với biện lý sở tại.

Dự thẩm ủy thác ấn định thời hạn mà hình cảnh lại phải chuyển đạt biên bản do y lập tới vị thẩm phán này. Nếu không ấn định thời gian, biên bản phải được chuyển đến dự thẩm trong vòng tám (8) ngày, sau khi thi hành xong ủy thác.

Điều thứ 159 - Trong trường hợp sự ủy thác hỏi cung được thi hành cùng một lúc với nhiều tác vụ tại nhiều nơi trên lãnh thổ, dự thẩm ủy thác có thể ra lệnh lập tờ ủy thác thành nhiều bản gửi đến các dự thẩm thụ ủy.

Trong trường hợp khẩn cấp, có thể phổ biến tờ ủy thác bằng mọi phương cách, nhưng phải

hài rõ những ghi chú chánh yếu của bản chánh, nhất là tội danh, danh tính và chức vụ của thẩm phán ủy thác.

TIẾT IX: Giám định

Điều thứ 160 - Mỗi khi một vấn đề chuyên môn được đặt ra, cơ quan tài phán thẩm vấn hay xét xử, có thể đương nhiên hoặc theo lời yêu cầu của công tố viên hay của các đương sự truyền mở cuộc giám định.

Nếu dự thẩm không chấp thuận đơn xin giám định, phải ra án lệnh có viện dẫn lý do.

Giám định viên thi hành nhiệm vụ dưới sự kiểm soát của dự thẩm hay phần phán được chỉ định do cơ quan tài phán truyền giám định.

Điều thứ 161 - Giám định viên được chọn tron bản danh sách do tòa thượng thẩm lập hàng năm.

Trong trường hợp đặc biệt, có thể chọn giám định viên ngoài bản danh sách nhưng phải viện dẫn lý do.

Điều thứ 162 - Quyết định truyền giám định phải nêu rõ nhiệm vụ của giám định viên. Nhiệm vụ này chỉ có mục đích khảo sát các vấn đề có tính cách kỹ thuật.

Điều thứ 163 - Khi được ghi tên trong bản danh sách do tòa thượng thẩm lập hàng năm, giám định viên phải tuyên thệ trước tòa thượng thẩm nơi họ cư trú, sẽ làm tròn nhiệm vụ theo danh dự và lương tâm. Những giám định viên này không phải tuyên thệ lại mỗi khi được trao phó một nhiệm vụ.

Giám định viên không có tên trong bản danh sách, mỗi khi được đề cử, phải tuyên thệ như đã nói ở đoạn trên trước dự thẩm hay thẩm

phán được cơ quan tài phán chỉ định. Biên bản tuyên thệ do dự thẩm, giám định viên và lục sự ký tên, trong trường hợp bị ngăn trở có lý do rõ rệt, giám định viên có thể viết lời tuyên thệ để đính theo hồ sơ.

Điều thứ 164 - Quyết định truyền giám định phải ấn định thời hạn cho giám định viên hoàn thành nhiệm vụ.

Tuy nhiên, trong trường hợp đặc biệt thời hạn này có thể được dự thẩm hay cơ quan tài phán đã truyền giám định cho triển hạn bằng quyết định có viện dẫn lý do, chiếu theo đơn xin của giám định viên. Giám định viên không nạp phúc trình trong thời hạn có thể bị thay thế ngay và phải khai trình công việc đã làm cho đến ngày bị thay thế. Trong hạn bốn mươi tám (48) giờ, giám định viên bị thay thế phải hoàn lại các văn kiện và tài liệu đã được giao phó; ngoài ra, còn có thể bị trừng phạt về kỷ luật, kể cả việc xóa tên trong bản danh sách.

Giám định viên phải liên lạc với dự thẩm hay thẩm phán được ủy nhiệm và báo cáo sự tiến triển của cuộc giám định để các thẩm phán này có thể bất cứ lúc nào tru liệu mọi biện pháp cần thiết.

Trong khi thi hành nhiệm vụ, lúc nào thấy cần, dự thẩm cũng có thể nhờ giám định viên hỗ trợ.

Điều thứ 165 - Nếu giám định viên xin được trợ giúp về một vấn đề ngoài phạm vi chuyên môn của họ, dự thẩm có thể đề cử chuyên viên đặc biệt phụ tá.

Chuyên viên đề cử sẽ tuyên thệ theo thể thức dự liệu nơi điều 163.

Phúc trình của chuyên viên sẽ đính theo phúc trình của giám định viên.

Điều thứ 166 - Chiếu điều 92 đoạn 3, dự thẩm hay thẩm phán được cơ quan tài phán chỉ định, phải cho bị can xem các niêm phong chưa mở và chưa được kê khai trước khi gửi cho giám định viên. Trong biên bản chuyên giao, dự thẩm phải liệt kê các niêm phong. Giám định viên phải lập bản toàn kê các niêm phong và trong phúc trình phải ghi rõ mỗi lần mở hay mở lại các niêm phong ấy..

Điều thứ 167 - Giám định viên có thể tiếp nhận lời khai của tất cả những người không phải là bị can, nhưng với tính cách chỉ dẫn và chỉ trong phạm vi thi hành nhiệm vụ mà thôi.

Theo lời thỉnh cầu của giám định viên dự thẩm hay thẩm phán được cơ quan tài phán chỉ định sẽ hỏi cung bị can với sự hiện diện của giám định viên.

Riêng các y sỹ giám định có nhiệm vụ khám nghiệm bị can có thể hỏi bị can những điều cần thiết cho cuộc giám định, ngoài sự hiện diện của dự thẩm và luật sư.

Điều thứ 168 - Trong khi cuộc giám định tiến hành các đương sự có thể thỉnh cầu cơ quan tài phán đã truyền giám định, ra lệnh cho giám định viên thực hiện một vài việc sưu tầm tài liệu hoặc chấp cung những người được chỉ rõ danh tánh có thể giúp ích cho cuộc giám định về phương diện kỹ thuật.

Điều thứ 169 - Khi cuộc giám định hoàn tất, giám định viên lập phúc trình kể rõ phương pháp làm việc, công việc đã làm và kết luận. Giám định viên phải xác nhận chính mình đã thi hành công tác giao phó cho phúc trình.

Trong trường hợp có nhiều giám định viên và nếu họ bất đồng ý kiến hay tỏ ý dè dặt và kết luận chung, thì mỗi giám định viên phải nêu rõ ý kiến riêng hay sự dè dặt và phải viện dẫn lý do.

Phúc trình và những niêm phong phải nộp tại phòng lục sự tòa án đã truyền giám định. Lục sự phải được lập biên bản về sự ký nộp này.

Điều thứ 170 - Dự thẩm phải mời các đương sự đến để cho biết kết luận của giám định viên, theo thể thức dự liệu nơi điều 111 và 112 và tiếp nhận lời khai của họ cùng ấn định thời hạn để họ trình bày ý kiến hay thỉnh cầu, nhất là về việc xin giám định bổ túc hoặc phản giám định.

Nếu bác bỏ thỉnh cầu, dự thẩm phải tuyên án lệnh có viện dẫn lý do.

Điều thứ 171 - Trước phiên tòa, nếu cần, giám định viên sẽ thuyết trình về kết quả các công tác kỹ thuật đã thực hiện cùng những sưu tầm và nhận xét sau khi tuyên thệ trình bày theo danh dự và lương tâm. Trong khi thuyết trình, giám định viên có thể tham khảo phúc trình và các văn kiện phụ đính.

Chánh thẩm có thể tự ý hoặc theo lời yêu cầu của công tố viện, các đương sự hay luật sư, chấp vấn giám định viên trong phạm vi nhiệm vụ được giao phó.

Sau khi thuyết trình, giám định viên tham dự cuộc tranh luận, trừ phi chánh thẩm cho phép rời phòng xử.

Điều thứ 172 - Trước tòa nếu có nhân chứng khai trái ngược với kết luận của giám định viên hay nêu ra những quan điểm mới về phương diện kỹ thuật, chánh thẩm sẽ yêu cầu

giám định viên, công tố viên, bị can và nếu cần, dân sự nguyên cáo trình bày những nhận xét. Tòa án sẽ tuyên quyết định có viện dẫn lý do truyền tiếp tục cuộc tranh luận hoặc đình hoãn đến một ngày khác. Trong trường hợp đình hoãn, tòa án có thể ra lệnh cho giám định viên thi hành mọi biện pháp cần thiết.

TIẾT X: Những sự vô hiệu của thủ tục thẩm vấn

Điều thứ 173 - Các điều khoản ấn định nơi điều 106 và 111 phải được tôn trọng; nếu không, hành vi thẩm vấn và thủ tục kế tiếp sẽ vô hiệu.

Nếu sự vô hiệu được quy định để bảo vệ quyền lợi của đương sự nào, đương sự ấy có quyền từ khước nại dẫn sự vô hiệu và do đó thủ tục được bao yểm. Sự từ khước này phải minh thị ghi trong biên bản và chỉ có thể được thực hiện với sự hiện diện của luật sư hoặc luật sư được mời mà không đến.

Điều thứ 174 - Nếu nhận thấy một hành vi thẩm vấn vô hiệu, dự thẩm xin phòng luận tội hủy bỏ hành vi ấy, sau khi hội ý biện lý cùng báo cho bị can và dân sự nguyên cáo biết.

Nếu chính biện lý nhận ra một hành vi thẩm vấn vô hiệu, thẩm phán này sau khi báo cho bị can và dân sự nguyên cáo biết, yêu cầu dự thẩm thông tri hồ sơ, để chuyển đạt lên phòng luận tội với lệnh trạng xin hủy bỏ hành vi ấy.

Trong cả hai trường hợp trên, phòng luận tội tòa thượng thẩm xét xử theo thể thức ấn định nơi điều 210.

Điều thứ 175 - Ngoài những trường hợp dự liệu nơi điều 173, sự vi phạm những điều khoản chánh yếu của thiên này, nhất là vi

phạm quyền bào chữa, cũng khiến cho sự thẩm vấn vô hiệu.

Phòng luận tội có toàn quyền quyết định xử tiêu hoặc riêng hành vi bị hà tì, hoặc một phần hay tất cả thủ tục kế tiếp.

Đương sự có thể minh thị từ khước quyền nại dẫn sự vô hiệu nếu sự vô hiệu được qui định để bảo vệ quyền lợi riêng của họ.

Phòng luận tội thụ lý và phán xử theo thể thức ấn định nơi điều trên.

Điều thứ 176 - Những văn kiện liên quan đến hành vi bị tuyên bố vô hiệu phải được rút ra khỏi hồ sơ thẩm vấn và lưu tại phòng lục sự tòa thượng thẩm. Không ai được khai thác những văn kiện ấy để làm tài liệu đối kháng với các đương sự trong cuộc tranh luận trước tòa án. Vi phạm điều cấm chỉ này, luật sư sẽ bị trừng phạt về kỷ luật và thẩm phán về tội nịch chức.

Điều thứ 177 - Tòa tiểu hình hay vi cảnh có thẩm quyền xác nhận những vô hiệu theo điều 173 cùng những vô hiệu do sự vi phạm điều 187 đoạn 1.

Trong cả hai trường hợp, và riêng trường hợp nói ở điều 187 đoạn 1, chỉ khi nào án lệnh chuyển tống ra trước tòa bị vô hiệu, các tòa án mới phải phát hoàn hồ sơ cho công tố viên để chuyển giao dự thẩm thẩm vấn lại. Nếu tòa án xét xử là phòng kháng cáo tiểu hình tòa thượng thẩm thì sẽ áp dụng điều 497.

Tuy nhiên, tòa tiểu hình hay vi cảnh không quyền xử tiêu các thủ tục thẩm vấn, nếu các thủ tục này đã được phòng luận tội chuyển tống ra tòa.

Đương sự cũng có thể khước từ nại sự vô hiệu định ở điều này. Trong mọi trường hợp, khước biện vô hiệu phải được nêu trước khi tranh luận về nội dung như dự liệu nơi điều 375.

TIẾT XI: Án lệnh thanh quyết cuộc thẩm vấn

Điều thứ 178 - Ngay khi xét thấy cuộc thẩm vấn đầy đủ, dự thẩm phải báo thị cho luật sư của bị can và của dân sự nguyên cáo rõ để họ tham khảo hồ sơ trong vòng ba (3) ngày kể từ ngày nhận được báo thị.

Điều thứ 179 - Mãn hạn trên, dự thẩm phải thông tri ngay hồ sơ cho biện lý. Trong hạn ba (3) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thông tri, biện lý phải phát hoàn hồ sơ với quyết tố lệnh trạng.

Điều thứ 180 - Dự thẩm chỉ có thể ra án lệnh thanh quyết cuộc thẩm vấn sau khi nhận được quyết tố lệnh trạng của biện lý.

Nếu quá hạn ba (3) ngày nói tại điều 179 mà biện lý không phát hoàn hồ sơ kèm theo quyết tố lệnh trạng, dự thẩm phải yêu cầu chương lý can thiệp.

Điều thứ 181 - Dự thẩm cứu xét xem có hay không có tội chứng cấu thành tội trạng.

Nếu các sự kiện không cấu thành trọng tội, khinh tội, hay tội vi cảnh, hoặc nếu không đủ tội chứng, dự thẩm ra án lệnh miễn tố. Bị can bị tạm giam phải được phóng thích.

Đồng thời, dự thẩm cũng quyết định việc giao hoàn đồ vật bị sai áp, thanh toán lệ phí và buộc dân sự nguyên cáo, nếu có, phải chịu án phí. Tuy nhiên, bằng án lệnh có viện dẫn lý

do, dự thẩm có thể miễn cho dân sự nguyên cáo ngay tình tất cả hoặc một phần án phí.

Điều thứ 182 - Nếu xét thấy sự kiện cấu thành tội vi cảnh, dự thẩm ký án lệnh chuyển tổng nội vụ ra trước tòa vi cảnh và trả tự do cho bị can.

Điều thứ 183 - Nếu xét thấy sự kiện cấu thành khinh tội, dự thẩm ký án lệnh chuyển tổng nội vụ ra trước tòa tiểu hình. Trong trường hợp bị can có thể bị phạt giam, trát tổng giam của dự thẩm vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Điều thứ 184 - Trong trường hợp chuyển tổng ra trước tòa vi cảnh hay tòa tiểu hình, dự thẩm chuyển giao biện lý hồ sơ kèm theo án lệnh để biện lý đưa thẳng ra tòa xét xử. Nếu là tòa tiểu hình thụ lý, biện lý phải truyền gọi trát đòi bị can đến một phiên tòa hàn nhất, và phải tôn trọng các thời hạn luật định.

Điều thứ 185 - Nếu xét thấy sự kiện cấu thành trọng tội, dự thẩm ra án lệnh chuyển giao hồ sơ và bản kê khai tang vật sang biện lý, để gửi ngay lên chương lý hầu đưa ra phòng luận tội.

Trát tổng giam hay bắt giam bị can giữ nguyên hiệu lực cho đến khi phòng luận tội quyết định.

Tang vật được lưu giữ tại phòng lục sự biện lý cuộc trừ phi luật định khác, nhưng trong mọi trường hợp, tang vật này sẽ không được đem ra xử dụng.

Điều thứ 186 - Trong khi tiền hành cuộc thẩm vấn, dự thẩm có thể ra án lệnh miễn tố một phần.

Điều thứ 187 - Trong hạn hai mươi bốn (24) giờ, sau khi dự thẩm ký án lệnh có tính cách

tài phán, lục sự phòng dự thẩm phải thông báo luật sư của bị can và của dân sự nguyên cáo.

Cũng trong thời hạn ấy, lục sự phòng dự thẩm phải thông báo án lệnh thanh quyết cho bị can và dân sự nguyên cáo.

Lục sự phòng dự thẩm phải thông báo cho chương lý và biện lý tất cả những án lệnh, ngay trong ngày ký, nếu không sẽ bị phạt vạ năm ngàn (5.000\$) đồng cho mỗi sự sơ xuất, do chánh thẩm phòng luận tội tuyên theo lời yêu cầu của công tố viện. Số tiền phạt vạ này không được câu phát.

Điều thứ 188 - Án lệnh do dự thẩm tuyên, chiếu theo những điều khoản của tiết này phải ghi rõ lý lịch, cư sở và nghề nghiệp của bị can, tội danh pháp định, điều luật áp dụng trong trường hợp án lệnh chuyển tống ra tòa, cùng những lý do suy định có hay không có đủ tội chứng.

TIẾT XII: Kháng cáo án lệnh của dự thẩm

Điều thứ 189 - Biện lý có quyền kháng cáo trước phòng luận tội mọi án lệnh của sự thẩm.

Biện lý phải khai kháng cáo tại phòng lục sự tòa án trong thời hạn hai (2) ngày kể từ ngày nhận được tống đạt án lệnh do phòng dự thẩm.

Chương lý cũng có quyền kháng cáo tất cả các án lệnh của dự thẩm trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được tống đạt án lệnh do phòng dự thẩm. Sự kháng cáo này của chương lý phải được tống đạt cho đương sự ngay sau khi kháng cáo.

Điều thứ 190 - Bị can có quyền kháng cáo những án lệnh của dự thẩm nói ở các điều 82, 133, 140, 142, 160 khoản 2, 170 khoản 2 và 183.

Dân sự nguyên cáo có quyền kháng cáo án lệnh khước từ thẩm vấn, án lệnh miễn tố và những án lệnh làm thiệt hại quyền lợi dân sự. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, dân sự nguyên cáo không thể kháng cáo án lệnh hay một điều khoản của án lệnh tạm giam bị can.

Bị can và dân sự nguyên cáo cũng có thể kháng cáo những án lệnh mà dự thẩm đã, hoặc đương nhiên, hoặc theo đơn khiếu nại, quyết định về thẩm quyền.

Các đương sự phải khai kháng cáo tại phòng lục sự tòa án trong hạn ba (3) ngày kể từ ngày được tống đạt án lệnh. Nếu bị can bị giam, lời khai kháng cáo sẽ được chánh giám thị chuyển đến phòng lục sự theo những điều kiện dự liệu nơi điều 483.

Hồ sơ thẩm vấn (hoặc bản sao được lập chiếu điều 76) sẽ được biện lý chuyển đến chương lý cùng với bản ý kiến có viện dẫn lý do; chương lý sẽ hành sử chiếu điều 198 và kế tiếp.

Trong trường hợp biện lý kháng cáo án lệnh cho tại ngoại hoặc án lệnh bác khước thỉnh trạng của biện lý xin duy trì dự tạm giam, bị can được giữ lại trong nhà giam cho đến khi sự kháng cáo được thanh quyết và trong mọi trường hợp cho đến khi mãn hạn kháng cáo của biện lý, trừ trường hợp biện lý thỏa thuận phóng thích tức thời bị can.

Trong trường hợp biện lý kháng cáo án lệnh thu hồi hoặc sửa đổi quyết định về biện pháp kiểm soát tư pháp, quyết định nguyên thủy

vẫn tiếp tục có hiệu lực cho đến khi sự kháng cáo được thanh quyết. Quyết định nguyên thủy, trong mọi trường hợp, vẫn được duy trì hiệu lực cho đến khi mãn hạn kháng cáo của biện lý, ngoại trừ trường hợp án lệnh thu hồi hoặc sửa đổi đã được quyết định chiếu theo thỉnh cầu của biện lý hay biện lý thỏa thuận cho chấp hành ngay án lệnh đã tuyên.

Điều thứ 191 - Trong trường hợp kháng cáo án lệnh khác hơn án lệnh thanh quyết, dự thẩm vẫn tiếp tục cuộc thẩm vấn, nếu hồ sơ được thiết lập song bản, trừ phi có quyết định khác của phòng luận tội.

TIẾT XIII: Tái thẩm vấn vì có tội chứng mới

Điều thứ 192 - Không thể tái truy tố bị can về sự kiện mà y đã được miễn tố nếu không có tội chứng mới.

Điều thứ 193 - Được coi là tội chứng mới lời khai của nhân chứng, tài liệu và biên bản chưa được xuất trình trước dự thẩm mà có thể hoặc làm vững thêm tội chứng hoặc giúp cho việc tìm kiếm sự thật có thể tiến triển thêm được.

Điều thứ 194 - Chỉ công tố viện mới có quyền yêu cầu tái thẩm vấn vì có tội chứng mới.

CHƯƠNG THỨ II

Phòng luận tội tòa thượng thẩm

TIẾT I; Điều khoản tổng quát

Điều thứ 195 - Mỗi tòa thượng thẩm có ít nhất một phòng luận tội.

Phòng luận tội gồm một chánh thẩm và hai hội thẩm. Chánh thẩm phòng luận tội do một chánh án phòng chuyên biệt đảm nhiệm.

Hội thẩm phòng luận tội có thể kiêm nhiệm, nếu cần, chức vụ hội thẩm của các phòng khác.

Đối với tòa thượng thẩm có dưới hai (2) chánh án phòng, chánh nhất có thể quyết định cử chánh thẩm phòng luận tội đặc trách một phòng khác cùng tòa thượng thẩm.

Điều thứ 196 - Chủ tọa, phó chủ tọa hay thẩm lý giữ chức vụ công tố tại phòng luận tội. Chức vụ lục sự do một lục sự tòa thượng thẩm đảm nhiệm.

Điều thứ 197 - Phòng luận tội nhóm ít nhất mỗi tuần một lần hay mỗi khi cần, theo lời yêu cầu của chủ tọa.

Điều thứ 198 - Chủ tọa hoàn bị hồ sơ trong vòng bốn mươi tám (48) giờ sau khi nhận được đối với những vụ có tạm giam và trong hạn mười (10) ngày đối với vụ khác; chủ tọa kết luận rồi chuyển hồ sơ đến phòng luận tội.

Đối với những vụ có tạm giam, phòng luận tội phải quyết định trong thời hạn ngắn nhất và trễ lắm là trong hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày thụ lý và nhận được hồ sơ; quá hạn này, bị can bị tạm giam đương nhiên được tự do tạm trừ trường hợp phòng luận tội ra lệnh điều tra về thỉnh cầu của đương đơn hoặc vì trường hợp bất khả kháng không thể phán định trong thời hạn dự liệu nơi điều luật này.

Đối với những vụ không tạm giam, phòng luận tội phải quyết định trong thời hạn tối đa là hai (2) tháng.

Điều thứ 199 - Trong những vụ do tòa tiểu hình hay tòa vi cảnh thụ lý và cho đến khi mở cuộc tranh luận, nếu xét thấy có thể định danh tội trạng nặng hơn là tội đã bị truy tố, chương lý truyền thu nạp tài liệu, hoàn bị hồ sơ, kết luận và đưa nội vụ ra phòng luận tội.

Điều thứ 200 - Sau khi phòng luận tội tuyên án miễn tố, chương lý cũng có thể hành động như trên nếu nhận được những tài liệu xét ra có thể đem lại tội chứng mới chiếu điều 193. Trong trường hợp đó và trong khi chờ đợi phiên nhóm, chánh thẩm phòng luận tội có thể chiếu lời yêu cầu của chương lý, hạ trát tống giam hay trát bắt giam.

Điều thứ 201 - Chương lý thông báo bằng mọi cách ngày giờ nội vụ được đăng đường cho mỗi đương sự tại cư sở tuyển định hay địa chỉ cuối cùng, đồng thời luật sư cũng được thông báo.

Phải thông báo trước ngày xử lý nhất là bốn mươi tám (48) giờ đối với những vụ có tạm giam và năm (5) ngày đối với các vụ khác.

Trong thời hạn ấy, hồ sơ có kèm theo kết luận của chương lý được lưu tại phòng lục sự phòng luận tội để luật sư của các đương sự tham khảo.

Điều thứ 202 - Cho đến ngày đăng đường, các đương sự và luật sư có thể nạp biện minh trạng; biện minh trạng này phải được thông tri cho công tố viện và đối phương.

Lục sự phòng luận tội kiểm nhận các biện minh trạng và ghi ngày giờ kí nạp.

Điều thứ 203 - Cuộc tranh luận diễn tiến và phúc quyết được tuyên nơi phòng thẩm nghị.

Sau khi hội thẩm đã thuyết trình, chương lý và luật sư của các đương sự, nếu họ yêu cầu, sẽ vấn tất khẩu biện.

Phòng luận tội có thể truyền các đương sự đích thân xuất đình cũng như có thể ra lệnh xuất nạp tang vật.

Điều thứ 204 - Sau khi cuộc tranh luận chấm dứt, phòng luận tội nghị án ngoài sự hiện diện của chương lý, các đương sự, luật sư và lục sự.

Điều thứ 205 - Trong mọi trường hợp, phòng luận tội có thể hoặc đương nhiên hoặc theo lời yêu cầu của chương lý hay của một đương sự, truyền điều tra bổ túc.

Phòng luận tội cũng có thể, sau khi hỏi ý kiến công tố viện, đương nhiên truyền trả tự do, cho bị can.

Điều thứ 206 - Phòng luận tội có thể đương nhiên hay do lời yêu cầu của chương lý truyền thẩm vấn đối với bị can được đưa ra trước phòng này về mọi yếu khoản trọng tội, kinh tội hay tội vi cảnh, chánh yếu hay liên hệ thấy trong hồ sơ mà không được đề cập tới trong án lệnh của dự thẩm hay đã được dự thẩm trích xuất khỏi thủ tục bằng án lệnh miễn tố một phần, bằng án lệnh phân tách hồ sơ hoặc bằng án lệnh chuyển tống ra trước tòa tiểu hình hay tòa vi cảnh.

Phòng luận tội có thể quyết định khỏi cần truyền mở cuộc thẩm vấn mới, nếu các tội phạm nói ở đoạn trên đã được bao gồm trong sự xét tội của dự thẩm.

Điều thứ 207 - Tội phạm liên hệ là:

1) Những tội do nhiều người hợp lại phạm pháp cùng một lúc.

2) Những tội do nhiều người đồng ý phạm pháp mặc dầu ở nhiều nơi và trong thời gian khác nhau;

3) Những tội do thủ phạm gây ra, để có phương tiện phạm tội khác, để việc phạm tội khác được dễ dàng hay hoàn tất, để dễ bề trốn tránh sự trừng phạt;

4) Những tội oa trử đồ vật do trọng tội hay khinh tội mà có.

Điều thứ 208 - Phòng luận tội cũng có thể truyền truy tố, theo điều kiện dự liệu nơi điều 209, những người không bị chuyển tống ra trước phòng này về những tội phạm mà hồ sơ thẩm vấn đã thấy phát hiện, trừ phi những người ấy đã được miễn tố do một án lệnh đã trở thành nhứt định.

Quyết định này của phòng luận tội không thể bị thượng tố.

Điều thứ 209 - Hội thẩm phòng luận tội hoặc dự thẩm được phòng này ủy thác sẽ đảm trách cuộc thẩm vấn bổ túc theo những thể thức áp dụng cho cuộc thẩm vấn tiên khởi.

Bất cứ lúc nào chương lý cũng có thể yêu cầu thông tri hồ sơ với điều kiện phải chuyển hoàn trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.

Điều thứ 210 - Phòng luận tội kiểm soát sự hợp lệ của các thủ tục trong những hồ sơ thụ lý.

Khi xét thấy có sự vô hiệu, phòng luận tội xử tiêu hành vi bị hà hi và nếu cần, tất cả hay một phần thủ tục kế tiếp.

Sau khi xử tiêu phòng luận tội có thể, hoặc di thẩm theo điều kiện dự liệu nơi điều 205, 206, 208, hoặc chuyển hoàn hồ sơ cho dự thẩm đã

chuyển vấn hay dự thẩm khác để tiếp tục cuộc thẩm vấn.

Điều thứ 211 - Khi phòng luận tội đã thanh quyết vụ kháng cáo án lệnh của dự thẩm về việc tạm giam hoặc chuẩn y án lệnh hoặc xử tiêu án lệnh đó, phòng luận tội hoặc truyền phóng thích hoặc duy trì sự tạm giam hoặc ra trát tống giam hay bắt giam; chương lý sẽ thi hành phúc quyết phòng luận tội rồi hoàn ngay hồ sơ cho dự thẩm.

Đối với các vụ khác, khi xử tiêu án lệnh của dự thẩm, phòng luận tội có thể hoặc di thẩm và hành xử như định trong các điều 205, 206, 208, 209 hoặc chuyển hoàn hồ sơ cho dự thẩm hay dự thẩm khác để tiếp tục cuộc thẩm vấn.

Án lệnh dự thẩm bị kháng cáo, được phòng luận tội chuẩn y, có đầy đủ hiệu lực.

Điều thứ 212 - Khi phòng luận tội ra lệnh thẩm vấn bổ túc và cuộc thẩm vấn này kết thúc, hồ sơ phải nạp tại phòng lục sự phòng luận tội, đồng thời thông báo ngay việc nạp hồ sơ cho chương lý, đương sự và luật sư.

Điều thứ 213 - Hồ sơ thẩm vấn được lưu tại phòng lục sự tối đa bốn mươi tám (48) giờ nếu là vụ có tạm giam và tối đa năm (5) ngày nếu là các vụ khác.

Các thể thức dự liệu nơi các điều 201, 202, và 203 sẽ được áp dụng.

Điều thứ 214 - Phòng luận tội ra phúc quyết duy nhất về mọi sự kiện liên hệ với nhau.

Điều thứ 215 - Phòng luận tội xét coi có hay không có đủ tội chứng đối với bị can.

Điều thứ 216 - Nếu xét thấy các sự kiện không cấu thành trọng tội, khinh tội hay tội vi cảnh, hoặc nếu chưa tìm được thủ phạm hoặc không đủ tội chứng phòng tội luận tuyên phúc quyết miễn tố.

Bị can bị tạm giam phải được phòng thích.

Trong bản phúc quyết miễn tố, phòng luận tội cũng quyết định việc giao hoàn tang vật, và lâm thời, vẫn có thẩm quyền về vấn đề này, mặc dầu đã tuyên phúc quyết trên.

Điều thứ 217 - Nếu xét thấy các sự kiện cấu thành khinh tội hay tội vi cảnh, phòng luận tội truyền chuyển tổng ra trước tòa tiểu hình trong trường hợp đầu, tòa vi cảnh trong trường hợp sau.

Trong trường hợp chuyển tổng ra trước tòa tiểu hình, nếu có dự liệu hình phạt giam cho tội phạm, trát tổng giam sẽ giữ nguyên hiệu lực, ngoại trừ trường hợp dự liệu nơi điều 138.

Nếu bị chuyển tổng ra trước tòa vi cảnh, bị can phải được phòng thích và biện pháp kiểm soát tư pháp sẽ được thu hồi.

Điều thứ 218 - Nếu xét thấy các sự kiện cấu thành trọng tội, phòng luận tội chuyển tổng bị can ra trước tòa đại hình.

Phòng luận tội cũng có thể đồng thời đưa các tội phạm liên hệ ra trước tòa này.

Điều thứ 219 - Phúc quyết trong luận tội truyền đưa bị can ra tòa đại hình phải trần thuật sự kiện và định danh tội trạng theo luật; nếu không, sẽ vô hiệu.

Phúc quyết phòng luận tội cũng truyền câu lưu bị can sau khi xác định lý lịch của y.

Điều thứ 220 - Bị can không bị tạm giam hoặc được tự do tạm phải nạp mình tại biện lý cuộc sở tại trễ lắm là một ngày trước phiên xử. Cho đến ngày bị can nạp mình, biện pháp kiểm soát tư pháp vẫn được duy trì.

Lệnh câu lưu sẽ được thi hành nếu bị can được phòng lục sự tòa đại hình đòi hợp lệ mà không trình diện vào đúng ngày ấn định để chánh thẩm tòa đại hình hỏi cung, trừ phi viện dẫn được lý do khoan miễn chánh đáng. Điều luật này cũng áp dụng trong trường hợp dự liệu nơi điều 136.

Điều thứ 221 - Phúc quyết phòng luận tội do chánh thẩm, hội thẩm và lục sự ký, phải ghi tên các thẩm phán, việc thuyết trình và ký nạp tài liệu biện minh trạng, kết luận của công tố viện và nếu cần, cuộc tranh luận của các đương sự hay luật sư.

Phòng luận tội dành án lại án phi nếu chưa thanh quyết tố quyền.

Trong những trường hợp khác cũng như trong trường hợp trả tự do cho bị can, phòng luận tội thanh toán án phí và buộc đương sự thật kiện phải gánh chịu.

Tuy nhiên, phòng luận tội có thể ra quyết định riêng có viện dẫn lý do để miễn cho dân sự nguyên cáo ngay tình tất cả hoặc một phần án phí.

Điều thứ 222 - Ngoại trừ trường hợp dự liệu dự liệu nơi điều 200, trong vòng ba (3) ngày, chủ căn phúc quyết phòng luận tội phải được lục sự phòng luận tội cáo tri cho luật sư của bị can và dân sự nguyên cáo.

Cũng phải cáo tri trong thời hạn trên cho bị can chủ văn phúc quyết phòng luận tội miễn

tố, cho bị can và dân sự nguyên cáo chủ văn quyết phòng luận tội chuyển tống ra tòa tiểu hình hay tòa vi cảnh.

Các phúc quyết nào mà bị can hay dân sự nguyên cáo có thể thượng tố được sẽ do lục sự phòng luận tội cáo tri cho đương sự trong thời hạn ba(3) ngày theo lời yêu cầu của chưởng lý.

Điều thứ 223 - Những điều 173, 175 khoản 1 và 3, 176 liên quan đến sự vô hiệu của cuộc thẩm vấn đều được áp dụng cho tiết này.

Riêng tối cao pháp viện có quyền chuyên độc kiểm soát tính cách hợp thức của các phúc quyết phòng luận tội cùng thủ tục thẩm vấn đã được phòng này thẩm định.

TIẾT II: Quyền hạn chuyên biệt của chánh thẩm phòng luận tội

Điều thứ 224 - Chánh thẩm phòng luận tội sử dụng các quyền hạn chuyên biệt dự liệu trong các điều luật sau. Đối với tòa thượng thẩm có nhiều phòng luận tội, chánh nhất tòa thượng thẩm sẽ chỉ định một trong các chánh thẩm này đảm trách công tác đó.

Nếu vì một lí do nào chánh thẩm phòng luận tội không thể hành sử chức vụ, chánh nhất tòa thượng thẩm sẽ chỉ định một thẩm phán đồng tòa thay thế.

Chánh thẩm có thể ủy quyền cho một hội thẩm phòng luận tội hành sử những hành vi được ấn định rõ trong những trường hợp đặc biệt.

Điều thứ 225 - Chánh thẩm phòng luận tội kiểm soát, đốc biện việc điều hành các phòng dự thẩm trong quản hạt tòa thượng thẩm.

Điều thứ 226 - Để tiện việc kiểm soát, mỗi tháng các phòng dự thẩm phải lập bản kê khai các vụ đương hành trong đó có ghi ngày thực hiện hành vi thẩm vấn sau cùng cho mỗi vụ. Đối với những vụ có tạm giam, dự thẩm phải lập bản kê khai riêng.

Bản kê khai phải được gửi trong bảy (7) ngày đầu của tháng kế tiếp đến chánh thẩm phòng luận tội cũng như đến chưởng lý.

Điều thứ 227 - Mỗi khi xét cần và ít nhất ba (3) tháng một lần, chánh thẩm phòng luận tội phải xét các trại giam thuộc quản hạt và phải kiểm soát sự giam giữ các bị can.

Điều thứ 228 - Phòng luận tội kiểm soát hoạt động của các sĩ quan và nhân viên cảnh sát tư pháp cùng các công chức dân chính và quân nhân thi hành nhiệm vụ hình cảnh lại về các tác vụ do các dự thẩm giao phó.

QUYỀN II

Cơ quan tài phán

THIÊN THỨ NHỨT

Tòa đại hình

CHƯƠNG THỨ NHỨT

Thẩm quyền tòa đại hình

Điều thứ 230 - Tòa đại hình được thiết lập tại mỗi khi hành chánh có thể gồm một hay nhiều tỉnh, Tổng thống, sau khi hội ý với tối cao pháp viện sẽ ra sắc lệnh ấn định tổng số tòa đại hình, quản hạt và trụ sở của mỗi tòa.

Nếu cần, chánh nhất tòa thượng thẩm, sau khi hội ý với chương lý, có thể ra quyết định có viện dẫn lý do để tòa đại hình nhóm họp tại một nơi khác hơn nơi đặt trụ sở.

Điều thứ 231 - Mỗi tam cá nguyệt, tòa đại hình họp một khóa. Tuy nhiên, chánh nhất tòa thượng thẩm sau khi hội ý với chương lý, có thể truyền mở khóa họp bất thường.

Điều thứ 232 - Chánh nhất tòa thượng thẩm, sau khi hội ý với chương lý, ra định lệnh ấn định ngày khai mạc các khóa học thường lệ hay bất thường của tòa đại hình.

Định lệnh phải được chương lý thông báo cho tòa án nơi đặt trụ sở tòa đại hình, ít nhất mười lăm (15) ngày trước khóa họp.

Điều thứ 233 - Sổ đăng đường khóa họp do chánh thẩm tòa đại hình thiết lập, chiếu đề nghị của công tố viện.

Điều thứ 234 - Công tố viện phải thông báo bị can ngày phải xuất định.

CHƯƠNG THỨ III

Thành phần tòa đại hình

Điều thứ 235 - Tòa đại hình gồm thành phần thẩm phán chuyên nghiệp và thành phần phụ thẩm nhân dân.

Thành phần thẩm phán chuyên nghiệp gồm một chánh thẩm và hai phụ thẩm thẩm phán; thành phần phụ thẩm nhân dân gồm bốn phụ thẩm.

Điều thứ 236 - Chức vụ công tố trước tòa đại hình do chương lý hoặc phó chương lý hoặc thẩm lý tòa thượng thẩm đảm trách.

Tuy nhiên, chương lý cũng có thể cử một thẩm phán khác để đại diện công tố viện trước tòa đại hình, nhưng thẩm phán này phải ở trật ngạch từ thẩm lý tòa thượng thẩm trở lên.

Điều thứ 237 - Thẩm phán xử án cũng như thẩm phán công tố tòa đại hình sẽ mặc sắc phục đại lễ nếu là thẩm phán tòa thượng thẩm.

Điều thứ 238 - Việc giữ but lục tại các phiên xử đại hình do chánh lục sự hay lục sự tòa án sở tại phụ trách.

Nếu tòa đại hình nhóm họp tại trụ sở tòa thượng thẩm chánh lục sự hay lục sự tòa này sẽ giữ bút lục tại phiên xử.

TIẾT I: Thành phần thẩm phán chuyên nghiệp

Điều thứ 239 - Thành phần thẩm phán chuyên nghiệp tòa đại hình gồm chánh thẩm và các phụ thẩm.

PHỤ TIẾT I: Chánh thẩm

Điều thứ 240 - Chánh án phòng hoặc hội thẩm tòa thượng thẩm chủ tọa các phiên tòa đại hình.

Điều thứ 241 - Cho mỗi tam cá nguyệt và cho mỗi tòa đại hình, chánh nhất tòa thượng thẩm sẽ cử chánh thẩm ngay trong định lệnh ấn định ngày khai mạc khóa đại hình.

Điều thứ 242 - Nếu có sự cản trở trước ngày khai mạc khóa đại hình, chánh nhất sẽ ra định lệnh cử thẩm phán khác ngồi ghế chánh thẩm.

Nếu sau ngày khai mạc khóa họp mới phát giác sự cản trở, thẩm phán phụ thẩm thâm niên nhất chủ tọa phiên tòa.

Điều thứ 243 - Chánh nhất toà thượng thẩm cũng có thể chủ tọa phiên tòa đại hình, nếu xét cần.

PHỤ TIẾT II: Phụ thẩm thẩm phán

Điều thứ 244 - Phụ thẩm gồm hai thẩm phán.

Tuy nhiên, nếu khoá họp có thể kéo dài hoặc vì có quá nhiều vụ đang đương, chánh nhất có thể ra định lệnh cử thêm một hoặc nhiều phụ thẩm dự khuyết.

Phụ thẩm dự khuyết có thể tham dự phiên tòa, nhưng nơi phòng nghị xử, thẩm phán này chỉ có thể biểu quyết nếu phụ thẩm thực thụ bị cản trở và được án lệnh có viện dẫn lý do của chánh thẩm tòa đại hình xác nhận.

Điều thứ 245 - Phụ thẩm được chọn trong hàng hoặc hội thẩm tòa thượng thẩm hoặc chánh án hay chánh án dự khuyết tòa sơ thẩm.

Điều thứ 246 - Chánh nhất tòa thượng thẩm cử phụ thẩm cho mỗi tam cá nguyệt và mỗi khóa đại hình theo thể thức cử chánh thẩm.

Điều thứ 247 - Nếu có sự cản trở trước ngày khai mạc khóa đại hình, chánh nhất sẽ ra định lệnh cử thẩm phán khác ngồi ghế phụ thẩm.

Nếu sau ngày khai mạc khóa họp mới phát giác sự cản trở, chánh thẩm tòa đại hình sẽ ra định lệnh cử thẩm phán khác thay thế, chọn trong hàng thẩm phán tòa thượng thẩm hoặc tòa án nơi đặt trụ sở của tòa đại hình.

Điều thứ 248 - Khi đã khai mạc khóa họp, chánh thẩm tòa đại hình có thể, nếu cần, cử một hay nhiều phụ thẩm dự khuyết.

Điều thứ 249 - Những thẩm phán đã thực hiện một hành vi truy tố hay thẩm vấn hoặc đã thuộc thành phần phòng luận tội hay đã góp phần vào một quyết định về nội dung liên quan đến tội trạng của một bị can, đều không thể tham dự thành phần tòa đại hình xét xử bị can này.

Nguyên tắc trên cũng được áp dụng trước mọi tòa án hình sự, trừ trường hợp luật lệ qui định khác.

TIẾT II: Phụ thẩm nhân dân

Điều thứ 250 - Phụ thẩm nhân dân gồm những công dân được chỉ định theo thể thức dự liệu nơi điều khoản sau đây

PHỤ TIẾT I: Điều kiện để được chỉ định làm phụ thẩm nhân dân

Điều thứ 251 - Công dân nam hay nữ có thể được cử làm phụ thẩm nhân dân nếu:

- Trên 30 tuổi;
- Biết đọc và biết viết Tiếng Việt;
- Có đủ công quyền, dân quyền và gia quyền;
- Không ở trong trường hợp vô năng lực hay bất khả kiêm nhiệm dự liệu nơi các điều kế tiếp.

Điều thứ 252 - Không thể được làm phụ thẩm nhân dân:

- Những người đã bị kết án về trọng tội hay bị phạt giam về khinh tội;
- Những người đang bị truy tố hay là bị can khiếm diện trước tòa đại hình;

- Những người bị truy nã do trát bắt giam và trát dẫn giải;
- Những công chức và nhân viên công quyền bị cách chức;
- Những công lại bị bãi chức và những đoàn viên các đoàn thể nghề nghiệp bị cấm hành nghề do một quyết định hợp lệ;
- Những người bị tuyên án khánh tận mà chưa được phục quyền;
- Những người bị cấm quyền, những người có bảo tá tư pháp và những người điên bị giữ trong một dưỡng trị viện.

Điều thứ 253 - Chức vụ phụ thẩm nhân dân không thể kiêm nhiệm với các chức vụ sau đây:

- Thẩm phán Tối cao pháp viện;
- Nhân viên Chánh phủ, dân biểu và nghị sĩ, giám sát viên, hội viên hội đồng văn hóa giáo dục, hội viên hội đồng kinh tế xã hội, hội viên hội đồng các sắc tộc;
- Thẩm phán tư pháp hoặc hành chánh, tổng thư ký một Bộ, tỉnh trưởng, phó tỉnh trưởng, quận trưởng, phó quận trưởng;
- Luật sư và các công lại cùng tất cả nhân viên cùng giúp việc cho họ;
- Nhân viên cảnh sát, quan thuế, thuế vụ, thủy lâm;
- Quân nhân tại ngũ;
- Tu sĩ;

Ngoài ra những người đã tham dự vào cuộc điều tra sơ khởi hay thẩm vấn, hoặc đã làm nhân chứng, thông ngôn, giám định viên hay đương sự trong một vụ án, đều không thể ngồi ghế phụ thẩm nhân dân để xét xử vụ đó nữa.

Điều thứ 254 - Được miễn làm phụ thẩm nhân dân;

- Những người đã quá 65 tuổi;
- Những người đã là phụ thẩm nhân dân trong năm nay hoặc năm trước trừ trường hợp áp dụng điều 263.

PHỤ TIẾT II: Thiết lập đoàn phụ thẩm nhân dân

Điều thứ 255 - Hàng năm sẽ được lập tại địa hạt của mỗi tòa đại hình một danh sách phụ thẩm nhân dân.

Điều thứ 256 - Danh sách trên gồm ba trăm sáu mươi (360) phụ thẩm nhân dân cho tòa đại hình Sài Gòn, trong số này có hai trăm (200) phụ thẩm nhân dân dành riêng cho đô thành Sài Gòn.

Đối với quản hạt của các tòa đại hình khác, số phụ thẩm nhân dân được tính theo tổng số cư dân với tỷ lệ hai ngàn (2000) cư dân một phụ thẩm nhân dân; tuy nhiên, số phụ thẩm nhân dân này không thể dưới tám mươi (80) cũng không quá một trăm sáu mươi (160).

Danh sách chỉ có thể gồm các công dân cư trú hoặc trú ngụ thường xuyên trong quản hạt tòa đại hình.

Lượng số phụ thẩm nhân dân trên danh sách hàng năm được chia cho quản hạt của mỗi tòa sơ thẩm theo tỷ lệ dân số địa phương.

Hàng năm, vào tháng tư dương lịch, Tổng trưởng Bộ nội vụ sẽ ra nghị định quân phân như trên.

Điều thứ 257 - Tại mỗi tòa sơ thẩm sẽ được thiết lập một ủy ban lập bản danh sách tạm thời phụ thẩm nhân dân Ủy ban gồm chánh án tòa sở tại làm chủ tịch, quận trưởng hoặc phó quận trưởng hành chánh và các hội viên hội đồng đô, tỉnh, thị, làm ủy viên.

Hàng năm vào thượng tuần tháng bảy (7), chánh án tòa sơ thẩm sẽ triệu tập ủy ban lập bản danh sách tạm thời phụ thẩm nhân dân với tổng số gấp đôi tổng số phụ thẩm nhân dân mà quản hạt tòa sở tại được quyền chỉ định chiếu điều 256.

Danh sách này được lập thành song bản, một lưu giữ tại phòng lục sự tòa sơ thẩm sở tại, một chuyển đến phòng lục sự tòa đại hình.

Điều thứ 258 - Tại trụ sở mỗi tòa đại hình sẽ được thiết lập một ủy ban lập bản danh sách phụ thẩm nhân dân. Đối với tòa đại hình Sài Gòn và Huế, ủy ban này gồm chánh nhất tòa thượng thẩm hay thẩm phán được ủy thác làm chủ tịch và các ủy viên gồm có đô, tỉnh, thị trưởng hoặc phó đô, tỉnh, thị trưởng thuộc quản hạt tòa đại hình và các dân biểu mà đơn vị cũng nằm trong quản hạt này. Đối với các tòa đại hình khác, ủy ban sẽ do chánh án tòa sơ thẩm nơi đặt trụ sở tòa đại hình chủ tọa.

Điều thứ 259 - Ủy ban lập bản danh sách hàng năm phụ thẩm nhân dân sẽ họp tại trụ sở của tòa đại hình theo sự triệu tập của chủ tịch ủy ban, chậm nhất là vào tháng chín.

Ủy ban có thể ghi vào danh sách phụ thẩm nhân dân các công dân không có tên trong danh sách tạm thời, nhưng tổng số công dân

này không thể quá một phần năm (1/5) phụ thẩm nhân dân ấn định nơi điều 256.

Ủy ban sẽ quyết định theo đa số, trong trường hợp đồng số phiếu, chủ tịch có quyền tài quyết.

Danh sách chung quyết phụ thẩm nhân dân thuộc địa hạt tòa đại hình được thiết lập theo thứ tự A, B, C với chữ ký của các ủy viên và được ký nạp tại phòng lục sự tòa đại hình.

Điều thứ 260 - Ngoài danh sách hàng năm phụ thẩm nhân dân sẽ có danh sách đặc biệt phụ thẩm nhân dân dự khuyết gồm các phụ thẩm cư ngụ ngay tại đô thành, thị xã hoặc tỉnh lỵ nơi đặt trụ sở của tòa đại hình.

Danh sách này gồm năm mươi (50) phụ thẩm cho đô thành Sài Gòn, và mười (10) cho các thị xã hay tỉnh lỵ nơi đặt trụ sở của các tòa đại hình khác và sẽ do ủy ban dự liệu nơi điều 258 thiết lập.

Điều thứ 261 - Chánh án tòa sơ thẩm phải cấp thời báo cáo chánh nhất tòa thượng thẩm hoặc chánh án tòa sơ thẩm nơi đặt trụ sở tòa đại hình mỗi khi có người nào có tên trong danh sách hàng năm phụ thẩm nhân dân mà quá vắng hoặc trở thành vô năng hay bất khả kiêm nhiệm như luật định.

Danh sách các phụ thẩm nhân dân đã xin cáo bãi trước khi khai mạc khóa đại hình mà nguyên nhân cáo bãi đã được tòa đại hình chấp nhận cho riêng khóa đó cũng như danh sách phụ thẩm nhân dân bị xử phạt và lần thứ nhứt hoặc lần thứ nhì đều phải được cấp thời, ngay sau khi bế mạc khóa đại hình, thông báo chánh nhất tòa thượng thẩm hay chánh án tòa sơ thẩm nơi đặt trụ sở tòa đại hình, để các

thẩm phán này ghi chú các điểm trên vào danh sách hàng năm phụ thẩm nhân dân.

Điều thứ 262 - Chậm nhất mười lăm ngày (15) ngày trước khi khai mạc khóa đại hình, chánh nhất tòa thượng thẩm hay chánh án tòa sơ thẩm nơi đặt trụ sở tòa đại hình mà không phải là nơi đặt trụ sở tòa thượng thẩm, sẽ rút thăm tại phiên tòa công khai, trong danh sách hàng năm, hai mươi bảy (27) phụ thẩm nhân dân thực thụ, để lập danh sách khóa họp. Ngoài ra, cũng sẽ rút thăm sáu (6) phụ thẩm nhân dân dự khuyết trong danh sách đặc biệt dự liệu nơi điều 260.

Mỗi khi rút thăm trúng tên một hoặc nhiều phụ thẩm nhân dân đã tham dự thành phần tòa đại hình năm nay hoặc năm trước, sẽ rút thăm chọn một phụ thẩm khác.

Cũng phải hành động như trên nếu trong số phụ thẩm nhân dân rút trúng tên mà từ ngày lập danh sách hàng năm đã mãn phần hoặc vì theo luật định đã bị tước quyền làm phụ thẩm nhân dân hoặc đã được cử vào chức vụ bất khả kiêm nhiệm với chức đó.

Điều thứ 263 - Đô trưởng, thị trưởng hoặc tỉnh trưởng sẽ tổng đạt cho mỗi phụ thẩm nhân dân bản trích lục danh sách phụ thẩm khóa họp liên quan đến họ, chậm nhất tám (8) ngày trước khi khóa đại hình khai mạc.

Trong bản tổng đạt phải ghi rõ ngày khai mạc kể trên cùng lời căn dặn đương sự đúng hẹn phải ra tòa nếu không sẽ bị trừng trị như Bộ luật này dự liệu.

Nếu không tổng đạt được cho đích thân, sẽ tổng đạt tại nơi trú quán và cho quận trưởng sở tại để viên chức này phải tìm cách thông báo cho phụ thẩm nhân dân đã được chỉ định.

Ngoài trường hợp khóa đại hình bất thường, mỗi phụ thẩm nhân dân chỉ phải tham dự một khóa đại hình.

Nếu có khóa đại hình bất thường thì đương sự cũng chỉ phải tham dự thêm một khóa này mà thôi.

Điều thứ 264 - Phụ thẩm nhân dân được đề cập tại các điều 262, 284, 288 và 291 mà thực sự có tham dự khóa họp sẽ được hưởng một khoản phụ cấp khoán định. Giá ngạch khoản phụ cấp này sẽ do một bản văn lập quy của chủ tịch tối cao pháp viện ấn định nhưng không thể dưới ba ngàn (3.000) đồng cho mỗi ngày công tác.

Cũng được hưởng khoản phụ cấp trên các thẩm phán chuyên nghiệp thuộc thành phần tòa đại hình và thẩm phán công tố.

CHƯƠNG THỨ IV

Thủ tục dự bị khóa đại hình

TIẾT I: Thủ tục bắt buộc

Điều thứ 265 - Phúc quyết chuyển tống của phòng luận tội phải được tống đạt tận tay cho bị can bị tạm giam; bản sao phúc quyết phải được giao cho y.

Nếu bị can không bị giam hoặc được tự do tạm, việc tống đạt được thi hành theo thể thức ấn định nơi thiên IV quyền này.

Điều thứ 266 - Liên sau khi phúc quyết chuyển tống trở thành nhất định, bị can bị tạm giam sẽ được di chuyển tới trại tạm giam nơi tòa đại hình nhóm họp.

Điều thứ 267 - Nếu không bắt được bị can hoặc y không đến trình diện, sẽ áp dụng thủ tục khuyết tịch đại hình đối với y.

Điều thứ 268 - Nếu vụ án được xử tại một nơi khác hơn nơi đặt trụ sở tòa thượng thẩm, chương lý sẽ chuyển hồ sơ cùng tang vật đến tòa sơ thẩm nơi tòa đại hình nhóm họp.

Điều thứ 269 - Sau khi bị can được di chuyển tới trại tạm giam nơi tòa đại hình nhóm họp và phòng lục sự đã nhận được hồ sơ, chánh thẩm tòa đại hình sẽ lấy lời khai của bị can trong thời hạn tối thiểu.

Nếu bị can không bị giam hoặc được tự do tạm, sẽ áp dụng điều 220 khoản 2.

Chánh thẩm tòa đại hình có thể ủy thác cho thẩm phán phụ thẩm hoặc chánh án tòa sơ thẩm nơi đặt trụ sở tòa đại hình lấy lời khai của bị can.

Nếu bị can không nói hoặc không hiểu Tiếng Việt, sẽ có thông ngôn trợ giúp.

Điều thứ 270 - Chánh thẩm tòa đại hình hỏi lý lịch của bị can cùng kiểm soát xem y đã được tổng đạt phúc quyết phòng luận tội chuyển tổng ra tòa đại hình chưa.

Điều thứ 271 - Bị can được báo có quyền chọn luật sư biện hộ.

Nếu bị can không chọn luật sư, chánh thẩm hoặc thẩm phán thừa ủy sẽ yêu cầu luật sư đoàn chỉ định luật sư để biện hộ cho y.

Sự chỉ định sẽ hết hiệu lực nếu sau này, bị can đã tự mình chọn luật sư nhiệm cách.

Điều thứ 272 - Sẽ lập biên bản về việc thi hành các thủ tục dự liệu trong các điều 269

đến 271; biên bản phải có chữ ký của chánh thẩm hoặc thẩm phán thừa ủy, lục sự, bị can và thông nếu có.

Nếu bị can không biết ký hoặc không chịu ký, phải ghi điểm này vào biên bản.

Điều thứ 273 - Bị can chỉ có thể đưa ra tòa đại hình xét xử sớm nhất là năm (5) ngày sau khi được lấy lời khai. Bị can và luật sư của y có thể khước từ việc áp dụng thời hạn này.

Điều thứ 274 - Bị can vẫn được tiếp xúc với luật sư của y. Luật sư được quyền tham khảo hồ sơ tại chỗ.

Điều thứ 275 - Bị can, dân sự nguyên cáo hoặc luật sư có thể xin phòng lục sự tòa đại hình sao lục tất cả văn kiện hồ sơ, tổn phí do họ gánh chịu.

Điều thứ 276 - Công tố viên và dân sự nguyên cáo, phải tổng đạt cho bị can cũng như bị can phải tổng đạt cho nguyên tố viên và nếu cần, dân sự nguyên cáo, chậm nhất là hai mươi bốn (24) giờ trước ngày đăng đường, danh sách nhân chứng mà họ yêu cầu tòa chấp cung.

Cũng được thông báo như trên, danh sách các giám định viên được gọi ra tòa để thuyết trình về công tác mà họ đã đảm trách trong cuộc thẩm vấn.

Trát tổng đạt phải ghi lý lịch, nghề nghiệp và địa chỉ của các nhân chứng hoặc giám định viên ấy.

Phí tổn liên quan đến việc đòi nhân chứng do các đương sự đã yêu cầu gánh chịu, ngoại trừ trường hợp công tố viên cho đòi các nhân chứng xét ra cần thiết cho việc phát huy sự thật, chiếu đơn xin của bị can.

Điều thứ 277 - Danh sách phụ thẩm nhân dân của khóa đại hình, đã được thiết lập chiếu điều 262, phải được tổng đạt cho từng bị can chấm nhứt bốn mươi tám (48) giờ trước ngày đăng đường.

TIẾT II: Thủ tục nhiệm ý hoặc đặc biệt

Điều thứ 278 - Chánh thẩm tòa đại hình, nếu xét cuộc thẩm vấn còn thiếu sót hoặc từ sau ngày cuộc thẩm vấn kết thúc thấy phát giác những tội chứng mới, có thể truyền mở cuộc điều tra bổ túc.

Công tác này sẽ do chánh thẩm hoặc một trong các thẩm phán phụ thẩm hoặc một dự thẩm được ủy thác đảm trách. Trong trường hợp này, các điều khoản của chương I, thiên III, quyển I sẽ được áp dụng, ngoài trừ điều 170.

Điều thứ 279 - Biên bản và mọi tài liệu thu thập được trong cuộc điều tra bổ túc phải được ký nạp tại phòng luật sự và kèm theo hồ sơ thủ tục.

Lục sự phải thông báo sự ký nạp này cho công tố viện cùng các đương sự để tùy nghi tham khảo.

Chường lý lúc nào cũng có thể yêu cầu thông tri hồ sơ nhưng phải phát hoàn hai mươi bốn (24) giờ sau đó.

Điều thứ 280 - Nếu có nhiều phúc quyết chuyển tổng đối với các bị can, nhưng cùng liên quan đến một trọng tội, chánh thẩm có thể, hoặc đương nhiên hoặc chiếu lời yêu cầu của công tố viện, truyền liên nhập hồ sơ; chánh thẩm cũng có thể truyền liên nhập hồ sơ, nếu có nhiều phúc quyết chuyển tổng đã

được ban hành đối với một bị can nhưng liên quan đến nhiều tội trạng.

Điều thứ 281 - Nếu phúc quyết chuyển tổng được tuyên đối với nhiều tội trạng không liên hệ với nhau, chánh thẩm có thể, hoặc đương nhiên hoặc chiếu lời yêu cầu của công tố viện, truyền phân tách hồ sơ và chỉ giữ lại để xét xử ngay một hay một vài tội trạng kể trên.

Điều thứ 282 - Chánh thẩm có thể, hoặc đương nhiên hoặc chiếu lời yêu cầu của công tố viện, truyền đình hoãn đến khóa sau các vụ kiện xét ra chưa hoàn tất.

CHƯƠNG THỨ V

Khai mạc khóa đại hình

TIẾT I: Hiệu duyệt danh sách phụ thẩm nhân dân

Điều thứ 283 - đúng nơi, ngày và giờ đã định cho việc khai mạc khóa họp, tòa đại hình khởi nhóm.

Lục sự tuyên đọc danh sách phụ thẩm nhân dân đã được thiết lập chiếu điều 262.

Phụ thẩm nhân dân nhận được giấy báo mà không đến dự phiên tòa, sẽ bị tòa đại hình phạt như sau: lần thứ nhứt một ngàn đồng (1.000\$), lần thứ nhì hai ngàn đồng (2.000\$), lần thứ ba năm ngàn đồng (5.000\$).

Phụ thẩm nhân dân khiếm diện lần thứ ba còn có thể bị tuyên bố sẽ không bao giờ được chọn làm phụ thẩm nhân dân nữa.

Phụ thẩm nhân dân nào chứng minh đã bị cản trở không tới dự được phiên tòa sẽ được tòa đại hình miễn phạt nếu phiên xử chưa bế

mạc, hoặc do phòng luận tội nếu khóa xử đã bế mạc.

Những khoản trừng phạt nói trên cũng được áp dụng cho phụ thẩm đã đến dự phiên tòa rồi tự ý bỏ về không lý do chánh đáng, trước khi mãn khóa họp.

Điều thứ 284 - Nếu trong số phụ thẩm nhân dân hiện diện có người không hội đủ điều kiện để đảm trách chức vụ như định nơi điều 251 và kế tiếp hoặc ở một trong các trường hợp vô năng bất khả kiêm nhiệm miễn trách như định nơi điều 252 đến 254, tòa đại hình sẽ truyền xóa bỏ tên các đương sự khỏi danh sách.

Cũng bị xóa tên các phụ thẩm nhân dân đã từ trần.

Nếu vì vắng mặt cũng như xóa tên mà chỉ còn dưới hai mươi ba (23) phụ thẩm nhân dân trên danh sách, thì để cho đủ số hai mươi bảy (27) người, danh sách này sẽ được bổ túc bởi phụ thẩm nhân dân dự khuyết, theo thứ tự đã được ghi trong danh sách. Nếu vẫn chưa đủ, thì ngay phiên tòa công khai sẽ rút thăm trong danh sách đặc biệt phụ thẩm nhân dân phụ quyết; nếu vẫn còn chưa đủ, sẽ rút thăm trong số phụ thẩm nhân dân có tên trong danh sách hàng năm dự liệu nơi điều 255 và kế tiếp, hiện đang cư ngụ ngay tại thị xã hay tỉnh lỵ nơi tòa đại hình đặt trụ sở.

Gặp trường hợp tòa đại hình nhóm họp tại một nơi khác hơn nơi đặt trụ sở, tổng số phụ thẩm thực thụ sẽ được bổ túc bằng cách rút thăm, nơi phiên tòa công khai trong số phụ thẩm nhân dân có tên trong danh sách hàng năm cư ngụ ngay tại thị xã hay tỉnh lỵ nơi tòa đại hình nhóm họp.

Điều thứ 285 - Để thanh quyết các vấn đề trên đây, tòa đại hình sẽ ban hành phúc quyết duy nhất có viện dẫn lý do, sau khi hội ý với công tố viện.

Phúc quyết này chỉ có thể bị thượng tố đồng thời với phúc quyết về nội dung.

Điều thứ 286 - Trước khi xét xử một vụ án, tòa đại hình nếu cần, sẽ thi hành các biện pháp dự liệu trong các điều 283, 284.

Điều thứ 287 - Lục sự phải thông tri cho bị can mọi phúc quyết sửa đổi danh sách phụ thẩm nhân dân được thiết lập chiếu điều 262 chậm nhất là một (1) giờ trước tòa mở cuộc tranh luận. Bị can phải ký nhận sự thông tri này

TIẾT II: Thành lập đoàn phụ thẩm nhân dân tọa xử

Điều thứ 288 - Đúng ngày đã ấn định để xét xử vụ án, tòa đại hình khởi nhóm và truyền cho dẫn bị can ra trước tòa.

Đoàn phụ thẩm nhân dân tọa xử được thành lập ngay trong phiên tòa công khai.

Nếu luật sư của bị can vắng mặt, thủ tục không vì vậy mà vô hiệu.

Điều thứ 289 - Chánh thẩm hỏi bị can tên họ, ngày nơi sanh, nghề nghiệp và nơi cư ngụ của y.

Điều thứ 290 - Lục sự đọc danh tánh các phụ thẩm nhân dân không xin khiếu từ hoặc không được miễn trách.

Các phiếu có ghi danh tánh từng vị một sẽ được bỏ vào thùng thăm.

Điều thứ 291 - Đoàn phụ thẩm nhân dân tòa xử gồm 4 người.

Nếu nhận thấy cuộc tranh luận một vụ việc có thể kéo dài, tòa đại hình có thể, trước khi rút thăm chọn bốn (4) phụ thẩm nhân dân, ra phúc quyết truyền rút thăm chọn thêm một hoặc nhiều phụ thẩm nhân dân dự khuyết để cùng dự cuộc tranh luận.

Trong trường hợp một hoặc nhiều phụ thẩm nhân dân bị cản trở không thể theo đuổi cuộc tranh luận cho đến lúc tòa đại hình tuyên phúc quyết, phụ thẩm nhân dân dự khuyết sẽ thay thế họ; theo thứ tự ai rút thăm được chọn trước thì thay trước.

Điều thứ 292 - Bị can hoặc luật sư trước hết, sau đến công tố viện muốn cáo tội phụ thẩm nhân dân nào tùy ý ngay khi tên người này vừa được chọn xong, nhưng phải tuân theo giới hạn định trong điều 293.

Bị can, luật sư cũng như công tố viện không được trình bày lý do xin cáo tội.

Đoàn phụ thẩm nhân dân tọa xử được thành lập ngay sau khi đã chọn đủ bốn (4) phụ thẩm nhân dân không bị cáo tội và, nếu cần, các phụ thẩm nhân dân dự khuyết như định trong điều 291.

Điều thứ 293 - Bị can không được các tội quá năm (5) phụ thẩm nhân dân, công tố viện không quá bốn (4).

Điều thứ 294 - Nếu có nhiều bị can, các bị can có thể, hoặc đồng tình hoặc riêng rẽ, sử dụng quyền cáo tội.

Trong cả hai thể thức trên đây, các bị can không được cáo tội quá năm (5) phụ thẩm nhân dân.

Điều thứ 295 - Nếu các bị can không đồng tình cáo tội, chánh thẩm sẽ rút thăm giữa các bị can để chọn các người sử dụng quyền lợi luật định này cùng phân chia giữa họ số lượng phụ thẩm nhân dân mà các y được quyền cáo tội. Trong trường hợp đó, các phụ thẩm nhân dân do một bị can cáo tội được coi như bị toàn thể bị can cáo tội, cứ như vậy cho đến khi đủ túc số phụ thẩm nhân dân có thể bị cáo tội theo luật định.

Điều thứ 296 - Các bị can có thể đồng tình một phần sử dụng quyền cáo tội, phần còn lại sẽ có cuộc rút thăm để lựa chọn bị can có quyền xin cáo tội.

Điều thứ 297 - Lục sự lập biên bản về các thủ tục thiết lập đoàn phụ thẩm nhân dân tòa xử.

Điều thứ 298 - Chỗ ngồi của phụ thẩm nhân dân được xếp theo thứ tự cuộc rút thăm bên cạnh thẩm phán.

Điều thứ 299 - Chánh thẩm đọc cho các phụ thẩm nhân dân văn thức lời tuyên thệ như sau, những phụ thẩm này phải đứng dậy và đầu để trần.

"Tôi xin lấy danh dự thề sẽ xét xử một cách cẩn trọng những vụ án đang đương trong khóa đại hình này; tôi sẽ không phản bội quyền lợi của bị can cũng như quyền lợi của xã hội, không vì tư thù, vì ác tâm, vì sợ hãi, hau vì cảm tình mà bình vực hay hãm hại ai; tôi sẽ xin hoàn toàn căn cứ vào tội trạng của bị can và lời bào chữa của họ theo đúng lương tâm và trí sáng suốt của tôi mà xét định một cách vô tư, cương quyết và tự do; tôi cũng xin giữ hoàn toàn bí mật những điều bàn cãi trong lúc nghị án, ngay cả sau khi không còn giữ chức vụ này nữa."

Chánh thẩm lần lượt xướng danh từng phụ thẩm, và mỗi phụ thẩm đưa tay mặt lên nói: "Tôi xin thề" rồi vào ngồi tại vị trí ấn định nơi điều 298.

Điều thứ 300 - Chánh thẩm tuyên bố đoàn phụ thẩm nhân dân tọa xử đã được chánh thức tọa thành.

CHƯƠNG THỨ VI

Cuộc tranh luận

TIẾT I: Điều khoản tổng quát

Điều thứ 301 - Cuộc tranh luận trước tòa đại hình phải công khai, trừ phi tòa đại hình xét cuộc tranh luận công khai phương hại đến trật tự công cộng hoặc thuần phong mỹ tục. Trong trường hợp này, tòa sẽ tuyên xử kín hoặc toàn phần hoặc một một phần; tuy nhiên, phúc quyết về nội dung phải được công khai tuyên đọc.

Điều thứ 302 - Cuộc tranh luận phải liên tục và tiếp diễn cho đến khi tuyên phán kết thúc vụ án; cuộc tranh luận chỉ có thể được ngưng trong những khoản thời gian cần thiết để cho tòa và bị can tạm nghỉ.

Điều thứ 303 - Ngoại trừ trường hợp đặc biệt được chánh thẩm cho phép, ngay khi phiên tòa khai mạc, cấm không được xử dụng máy ghi âm hoặc phát thanh, máy truyền hình, chiếu bóng, máy chụp hình; nếu không, sẽ có thể bị phạt vạ từ bốn ngàn (4.000\$) đồng đến mười ngàn (10.000\$) đồng trong điều kiện dự liệu nơi thiên VIII quyển IV.

Điều thứ 304 - Chánh thẩm giữ gìn trật tự phiên tòa và điều kiện cuộc tranh luận.

Chánh thẩm bác bỏ tất cả những gì có phương hại đến sự tôn nghiêm của phiên tòa và kéo dài vô ích cuộc tranh luận.

Điều thứ 305 - Chánh thẩm có quyền chuyên quyết để áp dụng mọi biện pháp xét ra cần thiết cho việc phát huy sự thật.

Trong khi cuộc tranh luận tiếp diễn, chánh thẩm có thể ra lệnh đòi thêm nhân chứng bằng trát dẫn giải, nếu cần, truyền xuất trình những văn kiện và đồ vật xét ra có thể làm sáng tỏ thêm vụ đang được xét xử.

Những nhân chứng được đòi trong trường hợp nói trên sẽ không tuyên thệ và chỉ khai với tính cách chỉ dẫn.

Điều thứ 306 - Các phụ thẩm muốn hỏi bị can và nhân chứng phải qua chánh thẩm và không được phát biểu ý kiến riêng của mình.

Bị can hay dân sự nguyên cáo hoặc luật sư của họ cũng phải theo thể thức trên.

Điều thứ 307 - Công tố viện có quyền hỏi thẳng bị can và nhân chứng, nhưng phải tôn trọng quyền của chánh thẩm dự liệu nơi điều 304.

Điều thứ 308 - Công tố viện có quyền, nhân danh luật pháp trình bày mọi kết luận thích nghi mà tòa phải truyền ghi vào sổ bút ký và phải nghị bàn.

Điều thứ 309 - Nếu tòa không chấp nhận kết luận của công tố viện thì cuộc tranh luận lại tiếp tục.

Điều thứ 310 - Bị can, dân sự nguyên cáo và luật sư có thể đệ trình kết luận viết và tòa phải quyết định về các kết luận này.

Điều thứ 311 - Mọi đờn tranh về thủ tục đầu do chánh thẩm và phụ thẩm thẩm phán giải quyết, sau khi nghe công tố viện, đưong sự hay luật sư trình bày ý kiến.

Những phúc quyết về đờn tranh không thể tuyên phán về nội dung, và chỉ có thể đưong thượng tố cùng một lượt với phúc quyết về nội dung.

TIẾT II: Bị can xuất đĩnh

Điều thứ 312 - Tại phiên xử, luật sư biện hộ cho bị can phải có mặt.

Nếu luật sư đưong lựa chọn hoặc chỉ đĩnh vắng mặt, chánh thẩm sẽ chỉ đĩnh một luật sư khác.

Điều thứ 313 - Bị can xuất đĩnh thông thả, không bị công tay, nhưng phải đưong canh giữ để phòng ngừa trốn thoát.

Nếu bị can từ chối ra trước tòa, một thừa phát lại do chánh thẩm ủy nhiệm và đưong công lực trợ giúp, sẽ nhân danh luật pháp đốc thúc y xuất đĩnh; Thừa phát lại sẽ lập vi bằng đốc thực và ghi câu trả lời của bị can.

Điều thứ 314 - Nếu bị can không tuân lệnh đốc thúc chánh thẩm có thể truyền công lực dẫn giải y ra trước tòa.

Mặc dầu bị can vắng mặt, chánh thẩm cũng có thể truyền mở ngay cuộc tranh luận sau khi tuyên đọc vi bằng chứng nhận sự kháng cự của y.

Ngay sau mỗi phiên xử, lục sự phải đọc cho bị can không chịu xuất đĩnh biên bản cuộc tranh luận và phải tổng đặ cho y kết luận của công tố viện cùng phúc quyết của tòa đặ hình. Phúc quyết này đưong coi như đưong tịch.

Điều thứ 315 - Trong phiên xử, khi có người dự kiến làm mất trật tự, chánh thẩm truyền trực xuất ra khỏi phòng xử.

Nếu người bị trực xuất kháng cự hay gây náo đợng, chánh thẩm sẽ lập tức hạ trát tổng giam; tòa sẽ xét xử ngay và có thể phạt giam y từ hai (2) tháng đến hai (2) năm không kể hình phạt dự liệu nơi Bộ hình luật về tội nhục mạ và bạo hành thẩm phán.

Chánh thẩm ra lệnh cho công lực dẫn y ra khỏi phòng xử.

Điều thứ 316 - Điều khoản kể trên cũng đưong áp dụng cho bị can nếu y làm mất trật tự tại phiên tòa.

Sau khi bị trực xuất khỏi phòng xử, bị can sẽ đưong công lực canh giữ cho đến khi cuộc tranh luận chấm dứt để tòa có thể hỏi cung nếu cần.

Sau mỗi phiên xử, sẽ áp dụng thể thức dự liệu nơi điều 314 đợng 3.

TIẾT III: Dẫn chứng

Điều thứ 317 - Chánh thẩm nhắc các luật sư khi biện hộ không nên nói điều gì trái với lương tâm, trát với luật pháp và phải luôn luôn có lễ đợ và mực thước.

Điều thứ 318 - Chánh thẩm truyền cho lục sự đọc danh sách các nhân chứng mà danh tánh đã đưong tổng đặ theo thể thức qui đĩnh nơi điều 276. Thừa phát lại đĩnh danh các nhân chứng.

Điều thứ 319 - Chánh thẩm ra lệnh cho các nhân chứng vào trong phòng dành riêng cho họ. Nhân chứng chỉ đưong ra khỏi phòng để cung khai trước tòa.

Nếu cần, chánh thẩm sẽ thi hành mọi biện pháp thích nghi để ngăn cấm nhân chứng bàn luận với nhau trước khi cung khai.

Điều thứ 320 - Khi một nhân chứng đã được mời nhưng không đến, tòa đại hình có thể, hoặc đương nhiên, hoặc chiếu kết luận của công tố viện, truyền cho công lực dẫn giải ngay nhân chứng đến trước tòa để cung khai, hoặc cho đình việc xét xử đến cuối khóa hay đến khóa sau.

Trong trường hợp sau này, nhân chứng khiếm diện phải gánh chịu mọi phí tổn về việc đòi lại các nhân chứng khác, cùng những kinh phí về việc di chuyển và lưu trú của những người này và chánh thẩm có thể, chiếu kết luận của công tố viện, truyền câu thúc thân thể y trong phúc quyết đình hoãn đến khóa sau.

Trong mọi trường hợp, nhân chứng không xuất diện hoặc không chịu tuyên thệ hay công khai, có thể bị tòa đại hình, chiếu lời yêu cầu của công tố viện, kết phạt chiếu điều 103.

Nhân chứng bị kết phạt có thể kháng tố trong thời hạn năm (5) ngày kể từ ngày tổng đạt phúc quyết đến tận tay hay tại cư sở của y. Tòa đại hình xét xử việc kháng tố trong khóa đương hành hay khoá sau.

Điều thứ 321 - Chánh thẩm lưu ý bị can nên chăm chú nghe phúc quyết phòng luận tội chuyển tổng ra trước tòa đại hình do lục sự tuyên đọc, và truyền lục sự đọc to phúc quyết ấy.

Điều thứ 322 - Chánh thẩm hỏi cung bị can nhưng không được tỏ ra có tiên kiến về tội trạng của y.

Trong mọi trường hợp, chánh thẩm, công tố viện, lục sự, dân sự nguyên cáo phải tôn trọng quyền bào chữa của bị can. Bị can phải được tự do cung khai, không thể bị áp lực hay hăm dọa bất cứ dưới hình thức nào.

Điều thứ 323 - Nhân chứng do công tố viện hoặc các đương sự mời đến sẽ được chấp cung, dù trước đây tại phòng dự thẩm họ chưa hề cung khai hoặc không nhận được trát đòi, miễn là danh tánh của họ đã được tổng đạt theo thể thức qui định nơi điều 276.

Điều thứ 324 - Công tố viện và các đương sự có thể phản đối sự công khai của một nhân chứng mà danh tánh không được tổng đạt, hoặc đã được tổng đạt bất hợp lệ.

Tòa đại hình phán định ngay về việc phản đối ấy.

Dù việc phản đối được chấp cung có được tòa đại hình chấp nhận đi nữa, chánh thẩm có thể xử dụng quyền chuyên quyết để nghe nhân chứng với tính cách chỉ dẫn.

Điều thứ 325 - Nhân chứng khai riêng từng người, theo thứ tự do chánh thẩm ấn định.

Chánh thẩm hỏi tên tuổi, nghề nghiệp, cư sở hoặc trú sở của nhân chứng và phải chất vấn họ có phải là bà con, thân thuộc hay thích thuộc hay người làm công của bị can và dân sự nguyên cáo hay không.

Trước khi cung khai, nhân chứng tuyên thệ sẽ nói tất cả sự thật, chỉ nói sự thật mà thôi, không vì thù oán hay sợ hãi. Nhân chứng cung khai miệng, không được đọc giấy tờ viết sẵn.

Không ai được ngắt lời nhân chứng, trừ trường hợp chánh thẩm xử dụng quyền chuyên quyết dự liệu nơi điều 304

Nhân chứng chỉ được cung khai hoặc về tội chứng của bị can hoặc về cá nhân và phẩm hạnh của người này mà thôi.

Điều thứ 326 - Chánh thẩm có thể chất vấn nhân chứng sau khi cung khai.

Công tố viện, luật sư, bị can và dân sự nguyên cáo cũng có quyền ấy, theo những điều kiện dự liệu nơi điều 306 và 307.

Điều thứ 327 - Chánh thẩm hoặc đương nhiên, hoặc theo lời yêu cầu của công tố viện hay các đương sự, truyền lục sự lập biên bản về các điểm thêm bớt, sửa đổi hay biến đổi giữa lời khai của nhân chứng và những lời khai trước của y. Biên bản này phải được kèm với biên bản cuộc tranh luận.

Điều thứ 328 - Nhân chứng sau khi khai xong, phải ở lại trong phòng xử cho đến khi tòa ngự án, trừ trường hợp chánh thẩm truyền lệnh khác thì không kể.

Điều thứ 329 - Những người có mối liên hệ sau đây với một bị can không thể bị bắt buộc tuyên thệ để cung khai:

- 1) Cha mẹ hay tôn thuộc;
- 2) Con và ti thuộc;
- 3) Anh chị em;
- 4) Thích thuộc đồng đảng;
- 5) Chồng hay vợ mặc dầu đã li dị

Cũng không thể bắt buộc những người sau đây tuyên thệ để cung khai:

- 1) Dân sự nguyên cáo;
- 2) Thiếu nhi dưới 16 tuổi

Tuy nhiên, nếu không ai phản đối, thì sự nghe cung những người này với tư cách nhân chứng không phải là vô hiệu.

Nếu có sự phản đối của công tố viện hay của một đương sự, chánh thẩm vẫn có thể xử dụng quyền chuyên quyết để nghe cung những người kể trên với tính cách chỉ dẫn.

Điều thứ 330 - Những người tố giác vì nhiệm vụ luật định hoặc tự ý, có thể cung khai với tư cách nhân chứng, nhưng chánh thẩm phải cho tòa biết nhân chứng là người đã tố giác.

Những người tố giác được thưởng tiền do luật định có thể cung khai với tư cách nhân chứng, trừ phi có sự phản đối của một trong các đương sự hay công tố viện.

Điều thứ 331 - Sau khi nhân chứng khai xong, công tố viện, luật sư, bị can và dân sự nguyên cáo có thể yêu cầu chánh thẩm cho nhân chứng ra khỏi phòng xử, để sau đó trở lại cung khai, có hay không đối chất.

Chánh thẩm cũng có thể đương nhiên hành động như trên.

Điều thứ 332 - Trước khi, trong khi hay sau khi nghe một nhân chứng khai, chánh thẩm có thể truyền dẫn một hay nhiều bị can ra khỏi phòng xử để sau đó thẩm vấn riêng từng người, nhưng phải nói lại cho mỗi bị can biết những gì đã xảy ra trong khoảng thời gian y ở ngoài phòng xử.

Điều thứ 333 - Trong khi tòa hỏi cung, các phụ thẩm có thể ghi chép những điểm xét thấy quan trọng, miễn là cuộc tranh luận không bị gián đoạn.

Điều thứ 334 - Trong lúc lấy cung hay sau đó, nếu xét cần, chánh thẩm đưa cho bị can, nhân chứng, phụ thẩm xem tang vật để những người này phát biểu ý kiến.

Điều thứ 335 - Nếu theo cuộc tranh luận, lời khai của một nhân chứng xét ra gian dối, chánh thẩm có thể hoặc đương nhiên hoặc chiếu lời yêu cầu của công tố viện hay một đương sự, truyền nhân chứng ấy phải ở lại phòng xử cho đến khi tuyên án.

Nếu nhân chứng không tuân lệnh, chánh thẩm sẽ hạ lệnh tạm giam.

Sau khi tòa đại hình tuyên án hoặc đình hoãn đến khóa sau, chánh thẩm truyền công lực dẫn ngay nhân chứng đến biện lý cuộc để biện lý ra lệnh mở cuộc thẩm vấn về tội làm chứng gian.

Lục sự phải lập biên bản sự vi phạm chiếu điều 327 và bản sao chuyển đến biện lý.

Điều thứ 336 - Trong mọi trường hợp, tòa đại hình có thể đương nhiên, hoặc theo lời yêu cầu của công tố viện hoặc một trong các đương sự, đình hoãn việc đang xét xử đến khóa sau.

Điều thứ 337 - Nếu bị can hay nhân chứng không nói rành tiếng Việt hoặc cần phiên dịch một tài liệu xuất trình trong phiên xử mà không có sẵn thông ngôn hữu thệ, chánh thẩm sẽ đương nhiên chỉ định một thông ngôn có ít nhất hai mươi mốt (21) tuổi; thông ngôn phải tuyên thệ thi hành nhiệm vụ chu đáo.

Công tố viện, bị can và dân sự nguyên cáo có thể viện dẫn lý do để cáo tị thông ngôn. Tòa sẽ xét xử ngay sự cáo tị và phán quyết không thể bị thượng cầu.

Dẫu có sự đồng ý của bị can hay công tố viện, thông ngôn không thể được lựa chọn trong số các phụ thẩm, lục sự tại phiên xử, các đương sự hoặc luật sư và các nhân chứng.

Điều thứ 338 - Nếu bị can câm và điếc và không biết viết, chánh thẩm đương nhiên chỉ định một người đã quen đàm thoại với bị can để làm thông ngôn.

Biện pháp này cũng được áp dụng cho nhân chứng câm và điếc và không biết viết.

Nếu người câm và điếc biết viết, lục sự viết và đưa cho họ xem những câu hỏi và những điều cần cho họ biết. Những người này sẽ viết câu trả lời hay lời khai, và lục sự sẽ đọc lên tất cả những câu ấy.

Điều thứ 339 - Sau khi cuộc thẩm vấn tại phiên tòa kết thúc, tòa lần lượt nghe dân sự nguyên cáo hay luật sư kết luận, công tố viện buộc tội và bị can hay luật sư bào chữa. Dân sự nguyên cáo và công tố viện có quyền trả lời, nhưng bị can hay luật sư của bị can luôn luôn được nói lời sau cùng.

TIẾT IV: Kết thúc cuộc tranh luận và đọc câu hỏi

Điều thứ 340 - Chánh thẩm tuyên bố kết thúc cuộc tranh luận, nhưng không được tóm tắt những phương chước buộc tội hay bào chữa.

Chánh thẩm tuyên đọc những câu hỏi mà tòa đại hình sẽ phải trả lời. Thủ tục này không bắt buộc khi câu hỏi nêu đúng theo phúc quyết

phòng luận tội hoặc nếu bị can hay luật sư thỏa thuận miễn cho tòa.

Điều thứ 341 - Câu hỏi về việc chánh được đặt như sau: "Bị cáo có phạm tội đã ghi trong phúc quyết phòng luận tội hay không?".

Các câu hỏi khác được đặt như sau: "Vụ phạm pháp có xảy ra trong trường hợp này hoặc trường hợp nọ hay không?".

Điều thứ 342 - Nếu theo cuộc tranh luận:

1) Có trường hợp gia trọng không được đề cập trong phúc quyết phòng luận tội;

2) Sự kiện bị truy tố thuộc về một tội danh khác với tội danh ghi trong phúc quyết phòng luận tội;

3) Nếu bị can nại một sự kiện được luật pháp kể như một trường hợp khoan miễn, chánh thẩm đặt thêm câu hỏi phụ.

Điều thứ 343 - Bị can, dân sự nguyên cáo, luật sư và công tố viên có thể trình bày ý kiến thích nghi về những câu hỏi đã được đặt ra. Nếu công tố viên, bị can, dân sự nguyên cáo hay luật sư phản đối việc đặt một câu hỏi nào, tòa sẽ phán định trong những điều dự liệu nơi điều 311.

Điều thứ 344 - Trước khi tòa đại hình lui vào phòng nghị xử, chánh thẩm sẽ tuyên đọc lời khuyên dụ sau đây:

"Luật pháp không đòi hỏi thẩm phán phải cho biết lý do luận tội, không buộc thẩm phán phải thẩm lượng bằng chứng theo những qui tắc cố định. Thẩm phán chỉ phải, trong suy tư, trầm lặng và trong sự thành thực đối với lương tâm, tự xét xem mình đã có cảm tưởng như thế nào trước những bằng chứng buộc tội

bị can và những phương pháp bào chữa đã trình bày. Thẩm phán chỉ có bốn phận duy nhất là nói lên thâm tín của mình về tội phạm buộc cho bị can".

Lời khuyên dụ trên, in theo khổ chữ lớn, còn phải được niêm yết nơi dễ thấy nhất trong phòng nghị xử.

Điều thứ 345 - Khi câu hỏi đã đặt xong, chánh thẩm ra lệnh dẫn bị can ra khỏi phòng xử, và truyền nhân viên công lực canh giữ, cấm không ai được vào phòng nghị án nếu không được chánh thẩm cho phép.

Chánh thẩm tuyên bố phiên xử tạm ngưng đề nghị án.

CHƯƠNG THỨ VII

Phán quyết

TIẾT I: Hội bàn

Điều thứ 346 - Chánh thẩm và các phụ thẩm vào phòng nghị án và chỉ được ra khỏi phòng này sau khi quyết định xong về dự án.

Điều thứ 347 - Chánh thẩm và các phụ thẩm hội bàn, sau đó biểu quyết, bằng cách ghi quan điểm của mình trên tám phiếu trong các cuộc đầu phiếu riêng biệt và tuần tự, bắt đầu từ việc chánh và, nếu có, đến từng trường hợp gia trọng, tiếp theo đến các vấn đề dự sung, kể đến về mỗi trường hợp khoan miễn luật định và sau cùng về những trường hợp giảm khinh mà chánh thẩm phải nêu ra, khi tội trạng của bị can được xác nhận.

Điều thứ 348 - Chánh thẩm và các phụ thẩm lấy tám phiếu có in tiêu đề tòa đại hình cùng hàng chữ: "Tôn trọng danh dự, thành thực với

lượng tâm, ý thức trách nhiệm trước nhân loại, chúng tôi xin trả lời như sau câu hỏi đã được đặt ra".

Các vị trên sẽ ghi trên phiếu chữ "có" hoặc "không" một cách thật kín đáo khiến không để lộ sự biểu quyết của mình. Sau đó, các tấm phiếu được gấp lại làm tư và trao cho chánh thẩm để vào thùng phiếu.

Điều thứ 349 - Mỗi lần biểu quyết xong, chánh thẩm kiểm phiếu trước các mặt phụ thẩm cùng xác nhận tức thời kết quả.

Những phiếu trắng, hoặc bị đa số tuyên bố vô hiệu, được tính như phiếu có lợi cho bị can.

Ngay sau khi hoàn tất sự kiểm phiếu, các phiếu phải bị tiêu hủy.

Đối với câu hỏi về trường hợp giảm khinh, chánh thẩm và phụ thẩm phải đưa ra phúc đáp khẳng định hoặc phủ định.

Điều thứ 350 - Mọi quyết định của tòa đại hình có hậu quả bất lợi cho bị can kể cả quyết định bác bỏ trường hợp giảm khinh, đều phải hội đủ đa số tối thiểu năm (5) phiếu.

Điều thứ 351 - Khi về một câu hỏi tòa trả lời là "có" tức là xác nhận đã hội đủ đa số tối thiểu năm (5) phiếu. Bên cạnh chữ "có", chánh thẩm phải ghi chữ "đa số tối thiểu năm (5) phiếu" và không quyền để phát giác tổng số phiếu đã phát biểu ý kiến.

Điều thứ 352 - Nếu có sự mâu thuẫn giữa hai hoặc nhiều câu trả lời, chánh thẩm có thể cho biểu quyết lại.

Điều thứ 353 - Nếu cuộc hội bàn xác nhận bị can có phạm tội thì sẽ nghị bàn về hình phạt áp dụng. Chánh thẩm cho biết theo kết quả

những câu hỏi hình phạt nặng nhất và hình phạt nhẹ nhất mà tòa có thể xử phạt.

Sau đó cuộc bỏ thăm hình phạt bắt đầu; nếu không hình phạt nào được đa số tuyệt đối bốn (4) phiếu trong hai vòng đầu thì sẽ bỏ thăm lần thứ ba; bắt đầu từ vòng thứ ba, sẽ loại bớt hình phạt nặng nhất đã đề nghị trong vòng trước, về cứ thế mà loại lần lần các hình phạt cho tới khi được đa số tuyệt đối bốn (4) phiếu chấp thuận một hình phạt đã được đề nghị.

Trong trường hợp tòa đại hình tuyên một hình phạt tiểu hình, tòa có thể theo đa số như trên cho bị can hưởng huyền án.

Tòa đại hình cũng nghị bàn về những hình phạt phụ thuộc và bổ túc.

Điều thứ 354 - Nếu sự kiện không bị hay không còn bị luật hình trừng phạt hoặc nếu bị can được xác nhận không phạm tội, tòa tha bổng bị can.

Nếu bị can được hưởng trường hợp khoan miễn, tòa sẽ cho miễn nghị.

Điều thứ 355 - Phải ghi rõ các quyết định của cuộc nghị án trên bảng kê các câu hỏi.

Chánh thẩm và các phụ thẩm phải ký vào bản kê này.

TIẾT II: Quyết định về công tố quyền

Điều thứ 356 - Sau khi nghị án, tòa trở ra phòng xử.

Chánh thẩm truyền dẫn bị can ra trước tòa, và tuyên đọc những câu trả lời các câu hỏi, phán quyết kết phạt, miễn nghị hay tha bổng bị can cùng những điều luật được áp dụng.

Trong trường hợp kết phạt hay miễn nghị, phán quyết buộc bị can phải chịu án phí và quyết định về câu thúc thân thể.

Trong trường hợp bị can không bị kết phạt về tất cả những tội trạng này đã bị truy tố hoặc chỉ bị kết phạt về những tội trạng đã được cải tội danh trong khi thẩm vấn hay vào lúc tuyên án hoặc trong trường hợp nhiều bị can được đặt ra ngoài vụ, tòa đại hình, trong phán quyết có viện dẫn lý do phải miễn cho người bị kết phạt phần án phí không liên hệ trực tiếp tới tội trạng mà y bị kết phạt. Tòa sẽ tự vấn định tổng số lệ phí được giải trừ; lệ phí này, tùy trường hợp, sẽ do ngân khố hoặc dân sự nguyên cáo gánh chịu.

Nếu tòa không có quyết định về việc áp dụng điều khoản trên, vấn đề sẽ được phòng luận tội thanh quyết.

Điều thứ 357 - Bị can được miễn nghị hay tha bổng, sẽ lập tức được trả tự do nếu không bị giam giữ vì một lý do khác.

Điều thứ 358 - Người nào đã được tha bổng thì không thể bị bắt hay truy tố lại về sự kiện cũ, dầu dưới một tội danh mới.

Điều thứ 359 - Nếu trong cuộc tranh luận xét thấy có tội chứng liên quan đến sự kiện khác mà công tố viện dành quyền truy tố, chánh thẩm quyền công lực dẫn bị can được tha bổng đến trước biện lý nơi đặt trụ sở tòa đại hình để mở ngay cuộc truy tố.

Điều thứ 360 - Sau khi tuyên án, chánh thẩm báo cho bị can biết y có quyền thượng tố phán quyết của tòa đại hình trong thời hạn luật định là năm (5) ngày tròn.

TIẾT III: Quyết định về dân tố quyền

Điều thứ 361 - Sau khi quyết định về công tố quyền, tòa đại hình, không có phụ thẩm nhân dân tham dự, sẽ xét các khoản bồi thường mà hoặc dân sự nguyên cáo đòi nơi bị can hoặc bị can được tha bổng đòi nơi dân sự nguyên cáo. Tòa quyết định về dân tố quyền sau khi nghe các đương sự và công tố viện kết luận.

Tòa có thể ủy thác một hội viên của tòa nghe các đương sự trình bày, thu thập tài liệu cùng thuyết trình trước tòa và sau đó các đương sự cùng công tố viện vẫn còn có thể kết luận.

Điều thứ 362 - Nếu các bị can được tha bổng hay được miễn nghị, dân sự nguyên cáo vẫn có quyền đòi bồi thường về những thiệt hại gây ra do quá thất của bị can theo những hành vi đã hài rõ trong phúc quyết phòng luận tội.

Tòa đại hình chỉ có thể buộc bị can được tha bổng phải bồi thường thiệt hại cho dân sự nguyên cáo với điều kiện là trong phán quyết phải minh thị xác định các sự kiện cấu thành một quá thất khác biệt với tội trạng đã được tha bổng. Quá thất này phải là căn bản duy nhất cho công tố quyền đòi bồi thường thiệt hại.

Điều thứ 363 - Tòa có thể truyền hoàn lại tang vật cho chân chánh sở hữu chủ. Tuy nhiên, nếu tòa kết phạt, việc giao hoàn tang vật chỉ được thi hành khi nào sở hữu chủ chứng minh rằng kẻ bị kết án đã để quá hạn không thượng tố, hay có thượng tố nhưng việc đã được thanh quyết.

Trong trường hợp phán quyết tòa đại hình đã trở thành nhất định, nếu cần, phòng luận tội có thẩm quyền xét về việc giao trả tang vật đã bị sai áp. Phòng luận tội phán quyết theo đơn

xin của người hữu quyền đối với tang vật hay lời yêu cầu của công tố viện.

Điều thứ 364 - Bị can bị kết phạt phải trả án phí cho dân sự nguyên cáo.

Điều thứ 365 - Dân sự nguyên cáo đã được hưởng tiền bồi thường không phải chịu án phí. Dân sự nguyên cáo bị thất kiện chỉ phải chịu án phí nếu chính y đã phát động quyền công tố. Tuy nhiên, ngay trong trường hợp sau này, chiếu theo nội vụ sự kiện, tòa có thể ra phán quyết đặc biệt có viện dẫn lý do miễn cho dân sự nguyên cáo toàn thể hoặc một phần án phí.

TIẾT IV: Phán quyết và biên bản hội bản

Điều thứ 366 - Lục sự thảo phán quyết và chép vào đó các điều luật áp dụng.

Nguyên bản phán quyết do chánh thẩm, các phụ thẩm và lục sự ký mỗi trang. Phán quyết phải ghi rõ sự hiện diện của công tố viện.

Điều thứ 367 - Lục sự lập biên bản có chữ ký của chánh thẩm và lục sự để xác nhận sự chấp hành các nghi thức luật định.

Biên bản phải được lập và ký tên chậm nhất là ba (3) ngày sau khi tòa tuyên án.

Điều thứ 368 - Trừ trường hợp chánh thẩm hoặc tự ý hoặc theo lời yêu cầu của công tố viện hay đương sự đã có quyết định khác thì không kể, biên bản không được ghi các câu trả lời của bị can cũng như nội dung các lời cung khai trước tòa. Tuy nhiên, lục sự phải chấp hành điều 327 liên quan đến sự thâm bót, sửa đổi hay biến đổi trong những lời khai của nhân chứng.

Điều thứ 369 - Nguyên bản phán quyết tòa đại hình được lưu trữ tại phòng lục sự tòa án nơi đặt trụ sở tòa đại hình.

Tuy nhiên, nếu tòa đại hình nhóm họp tại trụ sở tòa thượng thẩm, nguyên bản phán quyết sẽ được lưu trữ tại phòng lục sự tòa thượng thẩm đó.

THIÊN THỨ II

Tòa tiểu hình

CHƯƠNG THỨ NHỨT

Tòa sơ thẩm tiểu hình

TIẾT I: Thẩm quyền

PHỤ TIẾT I: Nguyên tắc tổng quát

Điều thứ 370 - Tòa tiểu hình xét xử những khinh tội như được định nghĩa trong Bộ hình luật.

Điều thứ 371 - Có thẩm quyền xét xử khinh tội, tòa án nơi xảy ra vụ phạm pháp, tòa án nơi bị can cư ngụ hoặc tòa án nơi bị can bị bắt, ngay cả trong trường hợp bị bắt vì một lý do khác.

Tòa án nơi giam giữ một tội nhân chỉ có thẩm quyền trong trường hợp dự liệu nơi thiên VI quyền IV.

Điều thứ 372 - Thẩm quyền tòa tiểu hình bao gồm những khinh tội và tội vi cảnh được tòa thụ lý cùng trong một vụ án và hợp thành một toàn thể bất khả phân.

Tòa tiểu hình cũng có thẩm quyền về các khinh tội và tội vi cảnh liên hệ theo định nghĩa của điều 207.

Điều thứ 373 - Tòa tiểu hình có thẩm quyền đối với một bị can, cũng có quyền xét xử tất cả các đồng phạm và tóng phạm.

Điều thứ 374 - Tòa tiểu hình, thụ lý vụ truy tố, có thẩm quyền thanh quyết mọi khước biện do bị can nêu ra, ngoại trừ trường hợp luật định khác, hoặc trường hợp bị can viện dẫn một quyền đối vật bất động sản.

Điều thứ 375 - Khước biện về sự vô hiệu của trát đòi hoặc của thủ tục đã thực hiện trước đó phải được nêu lên trước khi tranh luận về nội dung, bằng không sẽ bị tiêu quyền.

Sự vô hiệu của trát đòi chỉ có thể được tuyên phán trong những điều kiện dự liệu nơi điều 539.

Điều thứ 376 - Khước biện về vấn đề tiên quyết phải được nêu lên trước khi tranh luận về nội dung.

Khước biện này chỉ có thể được chấp thẩm nếu có hậu quả làm cho sự kiện bị truy tố mất tính chất một tội phạm.

Khước biện ấy chỉ được chuẩn chấp nếu căn cứ vào những sự kiện hoặc những văn kiện khả dĩ chứng minh lời khiếu nại của bị can là xác đáng.

Trong trường hợp khước biện có thể được chấp nhận, tòa tiểu hình ấn định cho bị can một thời hạn để khiếu tố nơi cơ quan tài phán có thẩm quyền. Nếu trong thời hạn ấy, bị can bất động, tòa sẽ bỏ qua khước biện nại dẫn.

Nếu khước biện bị bác khước, tòa sẽ tiếp tục xét xử.

Điều thứ 377 - Tòa án thụ lý nhiều vụ liên hệ có thể đương nhiên hoặc theo lời yêu cầu của công tố viện hay của một trong các đương sự, truyền liên nhập hồ sơ.

Điều thứ 378 - Tòa tiểu hình thụ lý các tội phạm thuộc thẩm quyền hoặc do án lệnh chuyển tống của cơ quan thẩm vấn, hoặc do thủ tục quả tang như dự liệu trong các điều 382 đến 385, hoặc do trát trực tố của công tố viện bay trực tố triệu hoán trạng của dân sự nguyên cáo.

Tuy nhiên, dân sự nguyên cáo không thể dùng triệu hoán trạng để trực tố Tổng thống, Phó Tổng thống.

Điều thứ 379 - Trát đòi phải được lập trong thời hạn và theo những thể thức dự liệu nơi điều 527 và kế tiếp.

Điều thứ 380 - Công tố viện phải báo cho người nạp trực tố triệu hoán trạng biết ngày tòa xử.

Điều thứ 381 - Dân sự nguyên cáo trực tố một bị can, nếu không cư ngụ trong địa hạt tòa án thụ lý vụ kiện, phải nêu rõ trong trát trực tố, cư sở tuyển định nơi địa hạt tòa ấy.

PHỤ TIẾT II: Thủ tục xử phạm pháp quả tang

Điều thứ 382 - Can phạm bị bắt quả tang và được dẫn trình biện lý chiếu điều 64 Bộ luật này, phải được tức thời đưa ra trước tòa tiểu hình xét xử ngay trong ngày ký trát tống giam.

Nếu trong ngày đó không có phiên xử, bị can phải được đưa ra phiên tòa ngày hôm sau, hoặc phiên tòa gần nhất.

Điều thứ 383 - Nhân chứng trong vụ phạm pháp quả tang có thể được hình cảnh lại hay nhân viên công lực triệu dụng bằng khẩu lệnh ngay tại phạm trường. Nếu nhân chứng này không chịu xuất diện, có thể bị kết phạt chiếu theo các điều 418 đến 421.

Điều thứ 384 - Bị can bị đưa ra xét xử theo thủ tục quả tang phải được chánh án cho biết y có quyền xin một thời hạn để chuẩn bị cuộc bào chữa. Báo thị của chánh án và câu trả lời của bị can phải được ghi vào án văn.

Nếu bị can xử dụng quyền nói trên, tòa án phải cho y một thời hạn ít nhất là ba (3) ngày.

Điều thứ 385 - Nếu hồ sơ nội vụ chưa hoàn tất để được xét xử, tòa sẽ truyền đình hoãn đến một phiên xử gần nhất để thẩm vấn thêm; trong trường hợp này, tòa sẽ xác nhận trát giam hoặc cho bị can tự do tạm có hay không có kiểm soát tư pháp hay tiền bảo chứng.

Biện lý có quyền kháng cáo bản án cho bị can tự do tạm.

TIẾT II: Thành phần tòa tiểu hình

Điều thứ 386 - Tòa tiểu hình gồm một thẩm phán xử án ngồi ghế chánh thẩm, một thẩm phán công tố ngồi ghế biện lý và một lục sự giữ bút lục phiên tòa.

TIẾT III: Tánh cách công khai và trật tự các phiên xử

Điều thứ 387 - Các phiên xử đều công khai, trừ phi tòa xét rằng sự công khai có thể làm

phương hại đến trật tự công cộng hay thuần phong mỹ tục. Trong trường hợp tòa truyền xử kín, bản án về nội dung phải được công khai tuyên đọc.

Phiên tòa sẽ nhóm họp tại trụ sở của tòa án.

Điều thứ 388 - Chánh thẩm giữ gìn trật tự phiên tòa và điều khiển cuộc tranh luận.

Chánh thẩm có thể cấm không cho vị thành niên vào phòng xử.

Điều thứ 389 - Ngoại trừ trường hợp đặc biệt được chánh thẩm cho phép, tại phiên xử cấm dùng máy ghi âm, thu thanh, phòng thanh, chụp ảnh, quay phim, vô tuyến truyền hình. Vi phạm sẽ bị phạt vạ từ bốn ngàn đồng (4.000\$) đến mười ngàn đồng (10.000\$) theo thủ tục dự liệu nơi thiên VIII - Quyển IV.

Điều thứ 390 - Trong phiên xử, người nào làm mất trật tự sẽ bị chánh thẩm truyền trục xuất ra khỏi phòng xử.

Nếu người bị trục xuất kháng cự hay gây náo động, chánh thẩm sẽ lập tức ký trát tống giam; tòa sẽ xét xử ngay và có thể phạt giam từ hai (2) tháng đến hai (2) năm, không kể hình phạt dự liệu nơi Bộ hình luật đối với tội nhục mạ và bạo hành thẩm phán.

Chánh thẩm ra lệnh cho công lực dẫn y ra khỏi phòng xử.

Điều thứ 391 - Điều 390 kể trên cũng áp dụng cho bị can nếu y làm mất trật tự tại phiên tòa.

Sau khi bị trục xuất khỏi phòng xử, bị can dù không bị tạm giam trong nội vụ cũng sẽ được công lực canh giữ cho đến khi cuộc tranh luận chấm dứt. Khi ấy bị can sẽ được dẫn vào phòng xử để nghe tuyên đọc án văn.

TIẾT IV: Tranh luận

PHỤ TIẾT I: Bị can xuất đình

Điều thứ 392 - Chánh thẩm kiểm soát lý lịch bị can, tuyên đọc văn kiện đưa nội vụ ra tòa, cùng xác nhận, nếu cần, sự hiện diện hay khiếm diện của người đảm nhiệm hộ trách, dân sự nguyên cáo, nhân chứng, giám định viên và thông ngôn.

Điều thứ 393 - Trong trường hợp bị can hay nhân chứng không nói rành tiếng Việt hoặc cần phiên dịch một tài liệu, tòa sẽ áp dụng điều 337.

Nếu bị can câm và điếc và không biết viết, tòa sẽ áp dụng điều 338.

Điều thứ 394 - Bị can bị tạm giam sẽ được nhân viên công lực dẫn ra phòng xử, tay không bị còng.

Điều thứ 395 - Bị can, được tổng đạt trát đòi hợp lệ đến tận tay, phải xuất đình, trừ trường hợp có lý do khoan miễn chánh đáng.

Trong trường hợp kể trên, nếu khiếm diện mà không lý do khoan miễn chánh đáng, bị can sẽ được xét xử khuyết tịch coi như đương tịch.

Điều thứ 396 - Bị can bị truy tố về tội trạng mà hình phạt dự liệu phạt vạ hay phạt tù dưới hai (2) năm có thể gửi đơn xin chánh thẩm xét xử ngoài dự hiện diện của y.

Đơn này phải được thị thực chữ ký và lưu trong hồ sơ.

Bị can cư ngụ cách trụ sở tòa án hơn hai trăm (200) cây số cũng có thể xin được hưởng quyền như trên.

Trong trường hợp này, luật sư của bị can được quyền biện hộ và bị can được xét xử khuyết tịch coi như đương tịch.

Tuy nhiên, nếu xét xử thấy sự hiện diện của bị can cần thiết, tòa tiểu hình sẽ quyết định đòi bị can đích thân xuất đình vào một phiên xử khác được tòa ấn định.

Nếu lần này không xuất đình, bị can sẽ bị xử khuyết tịch coi như đương tịch.

Điều thứ 397 - Bị can không xuất đình sẽ bị xử khuyết tịch nếu trát đòi không được tổng đạt đến tận tay y.

Điều thứ 398 - Người đảm nhiệm hộ trách luôn luôn có thể nhờ luật sư biện hộ, hoặc người hôn phối, tôn thuộc hay ti thuộc, anh chị em, có ủy quyền hợp lệ đại diện. Trong trường hợp này, án văn sẽ được tuyên đương tịch đối với y.

Điều thứ 399 - Bị can xuất đình có thể nhờ luật sư biện hộ. Trong trường hợp bị can tàn tật không thể tự hào chữa được, hoặc bị can có thể bị phạt lưu xứ, chánh thẩm phải chỉ định luật sư cho y.

PHỤ TIẾT II: Thể thức đứng dân sự nguyên cáo

Điều thứ 400 - Người nào bị thiệt hại về một khinh tội, có thể xin đứng dân sự nguyên cáo ngay tại phiên tòa, nếu chưa đứng dân sự nguyên cáo từ trước, bằng cách nạp lý đoán hoặc khai trình để lục sự sự ghi nhận.

Nếu thực hiện trước ngày đăng đường, đơn xin đứng dân sự nguyên cáo phải nạp tại phòng lục sự.

Dân sự nguyên cáo có quyền xin bồi thường thiệt hại về sự tổn thất gây ra cho y và cũng có thể xin chánh án tòa sơ thẩm dân sự cho thực hiện các biện pháp sai áp bảo toàn luật định để bảo đảm quyền lợi của mình.

Điều thứ 401 - Tại phiên tòa, thỉnh cầu đứng dân sự nguyên cáo phải được nêu lên trước khi công tố viện kết luận về nội dung, bằng không, sẽ không được chấp thẩm.

Lời khai xin một số tiền bồi thường thiệt hại có ngạch số xác định được xem như thỉnh cầu đứng dân sự nguyên cáo.

Điều thứ 402 - Người nào đã xin đứng dân sự nguyên cáo không thể cung khai với tư cách nhân chứng.

Điều thứ 403 - Tòa tiểu hình thẩm định về tính cách khả chấp của đơn xin đứng dân sự nguyên cáo, và nếu cần tuyên bố đơn xin này bất khả chấp.

Công tố viện, bị can, người đảm nhiệm hộ trách, hoặc một dân sự nguyên cáo khác đều có thể nại tính cách bất khả chấp của một đơn xin đứng dân sự nguyên cáo.

Điều thứ 404 - Dân sự nguyên cáo có quyền nhờ luật sư đại diện trước tòa. Trong trường hợp này án văn sẽ được tuyên đương tịch đối với y.

Điều thứ 405 - Dân sự nguyên cáo được đòi hợp lệ mà không xuất đình, hoặc không được đại diện trước phiên tòa, sẽ được coi như tự ý bãi nại.

Trong trường hợp đó, và nếu công tố quyền đã được phát động do trát trực tố của dân sự nguyên cáo chánh tố, tòa án chỉ xét xử về công tố quyền nếu có lời yêu cầu của công tố

viện, không kể bị can có thể xin tòa phạt dân sự nguyên cáo trả cho mình tiền bồi thường thiệt hại vì lạm dụng quyền trực tố theo thể thức ấn định nơi điều 453.

Điều thứ 406 - Sự bãi nại của dân sự nguyên cáo không phương hại đến việc hành sự tố quyền dân sự trước tòa án có thẩm quyền.

PHỤ TIẾT III: Dẫn chứng

Điều thứ 407 - Trừ phi luật định khác, những vi phạm luật hình có thể được chứng minh bằng mọi phương cách và thẩm phán quyết định theo tâm tín của mình. Để làm căn bản cho tâm tín, thẩm phán chỉ có thể dựa vào những bằng chứng đã được trình bày và tranh luận đối tịch trước tòa.

Điều thứ 408 - Thẩm phán có tòa quyền ước định giá trị của sự thú nhận như mọi bằng chứng khác.

Điều thứ 409 - Biên bản hay phúc trình chỉ có hiệu lực chứng cứ nếu hợp lệ về hình thức, được viên chức có thẩm quyền lập ra trong khi hành sự, để xác nhận những điều mắt thấy tai nghe.

Điều thứ 410 - Trừ phi luật định khác, biên bản và phúc trình xác nhận khinh tội chỉ có hiệu lực chỉ dẫn.

Điều thứ 411 - Đối với những biên bản hay phúc trình vi chứng những khinh tội do hình cảnh lại, nhân viên cảnh sát tư pháp và viên chức đảm nhiệm chức vụ hình cảnh lại lập chiếu những điều khoản riêng biệt mà luật dành cho họ quyền ấy, sự phản chứng chỉ có thể được chuẩn chấp nếu có tài liệu hoặc nhân chứng.

Điều thứ 412 - Không thể dùng thư từ trao đổi giữa bị can và luật sư của y để làm bút chứng.

Điều thứ 413 - Những loại vụ được kiểm chứng bằng các biên bản có tín lực cho tới khi đăng cáo giả mạo đều phải được qui định trong những luật đặc biệt. Nếu những luật đặc biệt không minh thị qui định khác, thủ tục đăng cáo giả mạo dự liệu nơi thiên II, quyền IV Bộ luật này sẽ được áp dụng.

Điều thứ 414 - Nếu tòa tiểu hình xét cần phải giám định sẽ áp dụng các điều 160 đến 169, 171 và 172.

Điều thứ 415 - Nhân chứng được đòi ra tòa theo thể thức dự liệu nơi điều 527 và kế tiếp.

Điều thứ 416 - Sau khi thi hành các thể thức dự liệu nơi điều 392, chánh thẩm truyền nhân chứng lui vào phòng riêng. Nhân chứng chỉ được ra khỏi phòng để cung khai trước tòa. Nếu cần, chánh thẩm có thể áp dụng những biện pháp thích nghi để ngăn cản nhân chứng bàn tính với nhau trước khi cung khai.

Điều thứ 417 - Nhân chứng, có trát đòi, phải xuất đình, tuyên thệ và cung khai.

Điều thứ 418 - Nhân chứng không xuất đình, hoặc từ khước tuyên thệ hay cung khai có thể bị kết phạt chiếu điều 103, theo lời yêu cầu của công tố viện.

Điều thứ 419 - Khi một nhân chứng được đòi mà không đến và không có lý do khoan miễn chánh đáng, tòa tiểu hình có thể hoặc đương nhiên, hoặc theo lời yêu cầu của công tố viện, truyền công lực dẫn giải ngay đương sự đến trước tòa để cung khai hoặc cho đình nội vụ đến phiên xử khác. Trong trường hợp sau này, nhân chứng khiếm diện phải gánh chịu

tất cả các phí tổn về việc đòi lại các nhân chứng khác cùng những kinh phí về việc di chuyển về lưu trú của những người này.

Điều thứ 420 - Nhân chứng khiếm diện bị kết phạt chiếu điều 418 và 419 có thể kháng tố chậm nhất trong vòng năm (5) ngày kể từ ngày quyết định kết phạt được tống đạt đến tận tay y hay tại cư sở của y.

Nhân chứng chỉ có thể kháng cáo khi đã có án văn xử về việc kháng tố.

Điều thứ 421 - Nhân chứng, bị kết phạt vì từ khước tuyên thệ hay cung khai, có thể kháng cáo.

Điều thứ 422 - Trước khi nghe nhân chứng khai trình, chánh thẩm hỏi cung bị can. Công tố viện có thể trực tiếp chất vấn bị can. Dân sự nguyên cáo và luật sư cũng có quyền này, nhưng phải yêu cầu chánh thẩm đặt câu hỏi.

Điều thứ 423 - Khi có nhân chứng câm và điếc, hay không nói rành tiếng Việt, Tòa sẽ áp dụng điều 337 và 338.

Điều thứ 424 - Nhân chứng khai riêng từng người hoặc về nhân cách và hạnh kiểm của bị can, hoặc về những hành vi qui trách y.

Điều thứ 425 - Trong các nhân chứng được đòi, những nhân chứng do công tố viện và dân sự nguyên cáo sai ra được nghe cung trước nhất, trừ phi chánh thẩm xử dụng quyền chuyên quyết để ấn định tự tự hỏi cung nhân chứng.

Điều thứ 426 - Những nhân chứng hiện diện khi cuộc tranh luận bắt đầu, tuy không có trát đòi hợp lệ, cũng có thể được tòa cho phép cung khai nếu các đương tụng yêu cầu.

Điều thứ 427 - Nhân chứng phải khai rõ lý lịch, nghề nghiệp, cư sở, mối liên hệ thân thuộc và thích thuộc hoặc mối liên hệ giữa chủ nhân và người làm công với bị can, với người đảm nhiệm hộ trách và với dân sự nguyên cáo.

Điều thứ 428 - Trước khi cung khai, các nhân chứng phải tuyên thệ nói tất cả sự thật và chỉ nói sự thật.

Điều thứ 429 - Sẽ được hỏi cung mà không có tuyên thệ những người sau đây:

- Cha mẹ hay tôn thuộc khác của bị can hay của một trong những bị can khác trong cùng một vụ;
- Con và ti thuộc khác;
- Anh, chị, em;
- Thích thuộc đồng đảng;
- Chồng hay vợ mặc dầu đã ly dị;
- Thiếu nhi dưới mười sáu tuổi.

Tuy nhiên, nếu công tố viện không phản đối hay không có đương sự nào phản đối, các người kể trên có thể tuyên thệ trước khi cung khai.

Điều thứ 430 - Trong suốt phiên tòa, nhân chứng đã tuyên thệ khỏi phải tuyên thệ lại khi cung khai lần thứ nhì.

Nếu cần, chánh thẩm sẽ nhắc lại nhân chứng lời tuyên thệ của y.

Điều thứ 431 - Những người tự mình tố giác hay đã tố giác vì nhiệm vụ luật định, có thể cung khai với tư cách nhân chứng, nhưng

chánh thẩm phải báo cho tòa biết nhân chứng là người đã tố giác.

Điều thứ 432 - những người đã tố giác và được thưởng tiền theo luật, cũng có thể cung khai với tư cách nhân chứng, trừ phi công tố viện hay một đương tụng phản đối.

Điều thứ 433 - Nhân chứng cung khai miệng, nhưng không được dùng tài liệu để cung khai, ngoại trừ trường hợp chánh thẩm cho phép đặc biệt.

Điều thứ 434 - Dưới sự điều khiển của chánh thẩm, lục sự ghi chép mọi diễn tiến của cuộc tranh luận, nhất là các lời khai của nhân chứng và câu trả lời của bị can.

Bút ký phiên tòa do lục sự ký tên phải được chánh thẩm kiến thị, chậm nhất là mười (10) ngày sau phiên tòa.

Điều thứ 435 - Mỗi lần nhân chứng cung khai xong, chánh thẩm hỏi thêm những câu xét thấy cần thiết và những câu do các đương tụng nêu ra nếu có.

Nhân chứng khai xong có thể ra về, trừ phi chánh thẩm định khác.

Công tố viện, luật sư, dân sự nguyên cáo và bị can có thể yêu cầu chánh thẩm cho nhân chứng tạm thời ra khỏi phòng xử, sau khi cung khai để rời lại trở vào khai thêm hoặc đối chất.

Điều thứ 436 - Trong khi tranh luận, nếu cần, chánh thẩm cho bị can hay nhân chứng xem các tang vật để họ phát biểu ý kiến.

Điều thứ 437 - Tòa án có thể, hoặc tự ý, hoặc theo lời yêu cầu của công tố viện, dân sự

nguyên cáo hay bị can truyền thực hiện mọi cuộc di chuyển cần thiết để phát huy sự thật.

Các đương tụng và luật sư phải được mời dự kiến và tòa phải lập biên bản ghi nhận các tác vụ được thực hiện.

Điều thứ 438 - Nếu theo cuộc tranh luận lời cung khai của một nhân chứng tỏ ra gian dối, chánh thẩm hoặc tự ý, hoặc theo lời yêu cầu của công tố viện hay một đương tụng, truyền ghi rõ trong bút ký phiên tòa lời cung khai này.

Chánh thẩm có thể truyền nhân chứng đợi lệnh tòa để cung khai lại, nếu cần.

Nếu án văn được tuyên trong cùng ngày, chánh thẩm có thể truyền công lực giữ nhân chứng ngay trong phòng xử hay ngoài phòng xử.

Sau khi án văn về nội dung được tuyên, chánh thẩm truyền dẫn nhân chứng đến trước biện lý để yêu cầu mở cuộc thẩm vấn về tội làm chứng gian. Lục sự phải lập ngay biên bản ghi rõ các sự kiện và lời khai của nhân chứng cấu thành tội làm chứng gian.

Biên bản có đính theo sao lục bút ký phiên tòa để cấp thời chuyển đến biện lý.

PHỤ TIẾT IV: Tranh luận

Điều thứ 439 - Biện lý nhân danh pháp luật, tùy nghi kết luận miệng hay nạp luận trạng viết để làm sáng tỏ công lý.

Trong trường hợp có luận trạng viết, lục sự phải ghi rõ vào bút ký và chánh thẩm phải trả lời luận trạng ấy.

Điều thứ 440 - Bị can các đương sự khác và luật sư của họ có thể nạp biện minh trạng.

Bút lục này phải được chánh thẩm và lục sự kiến thị ngoài ra, lục sự phải ghi chú việc này vào bút ký phiên tòa.

Tòa tiểu hình phải trả lời các biện minh trạng đã đệ nạp hợp lý về phải liên nhập khước biện và đối tranh với nội dung để phán xét bằng một án văn duy nhất.

Án văn này phải tuyên xử trước tiên về khước biện, sau đó xét về nội dung.

Điều thứ 441 - Khi cuộc thẩm vấn tại phiên tòa kết thúc, dân sự nguyên cáo trình bày thỉnh cầu, công tố viện kết luận, bị can và người đảm nhiệm hộ trách, nếu có, trình bày phương chước bào chữa.

Dân sự nguyên cáo và công tố viện có thể trả lời, nhưng bị can hay luật sư của y luôn luôn được nói lời sau cùng.

Điều thứ 442 - Nếu cuộc tranh luận không thể kết thúc ngay trong một phiên xử, chánh thẩm truyền đình qua một ngày khác.

Các đương tụng và nhân chứng chưa cung khai phải xuất đình vào ngày ấy khởi cần có trát đòi mới.

TIẾT V: Án văn

Điều thứ 443 - Án văn được tuyên ngay trong phiên xử hay vào một ngày khác.

Trong trường hợp này, chánh thẩm báo cho các đương tụng hiện diện biết ngày tòa sẽ tuyên án.

Điều thứ 444 - Nếu cần, tòa tiểu hình tuyên một án tiên thẩm ủy thác thẩm phán tọa xử đồng tòa mở cuộc thẩm vấn bổ túc.

Thẩm phán được ủy thác hành sử những quyền hạn ấn định nơi các điều 155 đến 159 và phải tuân theo những thể thức dự liệu nơi các điều 111 đến 114.

Biện lý có thể yêu cầu thông tri hồ sơ trong bất cứ giai đoạn nào của cuộc thẩm vấn bổ túc với điều kiện phải hoàn lại hồ sơ trong hạn bốn mươi tám (48) giờ.

Điều thứ 445 - Nếu xét thấy sự kiện cấu thành một khinh tội, tòa tiểu hình sẽ tuyên một hình phạt.

Lâm thời tòa tiểu hình sẽ xét xử về dân tố quyền và có thể truyền kỳ nạp tạm thời tất cả hay một phần tiền bồi thường.

Tòa tiểu hình cũng có thể ban cho dân sự nguyên cáo một bồi khoản tạm, nếu chưa có thể quyết định về đơn xin bồi thường theo hiện trạng hồ sơ. Bồi khoản này được thi hành tạm mặc dầu có kháng tố hay kháng cáo.

Điều thứ 446 - Trong trường hợp bị can tại ngoại bị tòa tuyên án kết phạt về một khinh tội thường luật từ một năm tù giam trở lên, tòa tiểu hình có thể ra quyết định đặc biệt có viện dẫn lý do, hạ trát tổng giam, hay bắt giam bị can.

Trát bắt giam vẫn có hiệu lực, dù tòa tiểu hình xử việc kháng tố hay tòa thượng thẩm xử việc kháng cáo giảm hình phạt giam xuống dưới một năm.

Trát tổng giam vẫn giữ nguyên hiệu lực nếu do sự kháng cáo, tòa thượng thẩm giảm hình phạt giam xuống dưới một (1) năm.

Tuy nhiên, tòa tiểu hình xử việc kháng tố hay tòa thượng thẩm xử việc kháng cáo, có thể

thâu hồi các trát ấy bằng một quyết định đặc biệt có viện dẫn lý do.

Trong mọi trường hợp, các trát nói trên vẫn giữ nguyên hiệu lực mặc dầu có thượng tố.

Nếu có kháng tố án văn, theo những thể thức dự liệu nơi các điều 472 và 473, nội vụ phải đưa ra xét xử tại phiên tòa gần nhất, hay chậm nhất là trong hạn mười lăm (15) ngày kể từ khi kháng tố, bằng không, bị can đương nhiên được trả tự do. Nếu cần đình hoãn, tòa phải tuyên án có viện dẫn lý do để quyết định giữ nguyên hiệu lực hay thâu hồi trát bắt giam, sau khi công tố viện kết luận. Dù sao, bị can vẫn có quyền xin tự do tạm theo điều kiện dự liệu nơi điều 143 và 144.

Điều thứ 447 - Nếu một sự kiện mặc dầu bị truy tố như khinh tội nhưng theo kết quả cuộc tranh luận xét thấy chỉ cấu thành tội vi cảnh, tòa án vẫn tuyên hình phạt và nếu cần phán quyết về dân tố quyền.

Điều thứ 448 - Nếu sự kiện cấu thành một tội vi cảnh liên hệ với một khinh tội tòa án sẽ xét xử cả hai tội này tong cùng một bản án, và bị can có thể kháng cáo toàn thể bản án đó.

Điều thứ 449 - Nếu bị can được hưởng trường hợp khoan miễn giải tội, tòa tiểu hình sẽ tuyên miễn nghị, và lâm thời có thể xét xử về dân tố quyền, theo thể thức ấn định tại điều 445 đoạn 2 và 3.

Điều thứ 450 - Nếu một sự kiện mặc dầu bị truy tố như một khinh tội nhưng xét thấy có thể cấu thành một tội đại hình, tòa tiểu hình tuyên bố vô thẩm quyền và để công tố viện tùy nghi khiếu cáo.

Trong trường hợp này và cùng một phán quyết, tòa tiểu hình có thể hạ trát tổng giam hay trát bắt giam bị can, sau khi nghe công tố viện kết luận.

Điều thứ 451 - Nếu xét thấy sự kiện bị truy tố không cấu thành một vi phạm luật hình, hay sự kiện ấy không được chứng minh, hoặc không thể qui trách bị can, tòa tiểu hình truyền tha bổng bị can.

Điều thứ 452 - Bị can bị tạm giam được tha bổng miễn nghị, được hưởng án treo hay bị phạt vạ phải được trả tự do ngay sau khi tuyên án, mặc dầu có kháng cáo.

Biện pháp này cũng phải được áp dụng cho bị can bị tòa tiểu hình tuyên phạt giam một thời hạn bằng hay ngắn hơn thời hạn mà y đã bị tạm giam.

Trong những trường hợp nêu trên, biện pháp kiểm soát, tư pháp sẽ đương nhiên chấm dứt.

Điều thứ 453 - Trong trường hợp dự liệu nơi điều 451, khi chính dân sự nguyên cáo đã phát động công tố quyền, tòa tiểu hình xét xử luôn trong cùng một án văn đơn xin bồi thường thiệt hại của người được tham bổng đối với dân sự nguyên cáo đã lạm dụng quyền đứng dân sự nguyên cáo chánh tố.

Điều thứ 454 - Án văn kết phạt bị can và người đảm nhiệm hộ trách, nếu có, buộc họ phải trả cho công khổ mọi khoản án phí tụng lệ. Án văn ấn định thời gian câu thúc thân thể đối với bị can.

Điều khoản trên cũng được áp dụng cho trường hợp công tố quyền bị tiêu diệt do sự điều đình, như đã dự liệu nơi điều 6 đoạn 3 và trường hợp miễn nghị, trừ phi tòa tiểu hình ra

quyết định đặc biệt, có viện dẫn lý do, miễn cho bị can hay người đảm nhiệm hộ trách tất cả hay một phần án phí.

Dân sự nguyên cáo sẽ khỏi phải chịu án phí nếu đơn chánh tố của đương sự đã được chấp thẩm và nếu bị can bị kết phạt về một trong những thỉnh cầu của y nêu trong đơn.

Điều thứ 455 - Bị can được tha bổng khỏi phải chịu án phí.

Tuy nhiên, nếu bị can được tha bổng vì lúc phạm pháp bị thác loạn tinh thần, tòa có thể buộc y phải chịu tất cả hay một phần án phí.

Điều thứ 456 - Dân sự nguyên cáo thật kiện hoặc ở trong trường hợp dự liệu nơi điều 405 đều phải chịu án phí.

Điều thứ 457 - Trong trường hợp bị can không bị kết phạt về tất cả tội trạng mà y đã bị truy tố hoặc chỉ bị kết phạt về những tội trạng đã được cải tội danh trong khi thẩm vấn hay vào lúc tuyên án, hoặc trong trường hợp nhiều bị can được đặt ra ngoài vụ, tòa có thể, bằng một quyết định có viện dẫn lý do, miễn cho người bị kết phạt phần án phí không liên hệ trực tiếp tới tội trạng mà y bị kết phạt.

Tòa sẽ tự ấn định tổng số lệ phí mà người bị kết phạt được giải trừ lệ phí này, tùy trường hợp, sẽ do ngân khố hoặc dân sự nguyên cáo gánh chịu.

Điều thứ 458 - Án văn quyết định việc thanh toán các án phí.

Trong trường hợp án văn không có quyết định về việc quân phân án phí như đề cập tại các điều 454 và kế tiếp hoặc trong trường hợp có sự khó khăn nhân khi chấp hành án văn liên quan đến án phí, tòa đã xét xử nội dung sẽ

thụ lý lời thỉnh cầu của mọi người quan thiết theo các thể thức dự liệu để thanh quyết các đối tranh nhân khi chấp hành án văn.

Điều thứ 459 - Bị can, dân sự nguyên cáo hay người đảm nhiệm hộ trách có thể xin tòa hoàn lại các đồ vật bị sai áp.

Tòa có thể đương nhiên ra lệnh hoàn lại các đồ vật ấy.

Điều thứ 460 - Ngoài bị can, dân sự nguyên cáo hay người đảm nhiệm hộ trách, người nào tự cho mình có quyền lợi đối với đồ vật bị sai áp cũng có thể xin tòa hoàn lại. Ý chỉ được thông tri những biên bản liên quan đến việc sai áp các đồ vật mà thôi.

Do một án văn riêng biệt, tòa sẽ quyết định sau khi nghe các đương sự trình bày lý lẽ.

Điều thứ 461 - Nếu chấp nhận hoàn trả các đồ vật bị sai áp, tòa có thể cho thi hành mọi biện pháp cần thiết để bảo đảm việc xuất trình các đồ vật ấy nếu cần, cho đến khi nội dung vụ việc được chung quyết.

Điều thứ 462 - Nếu xét thấy các đồ vật bị sai áp cần ích cho việc phát huy sự thật hay sẽ có thể bị truyền tịch thu tòa sẽ hoãn quyết định về khoản này cho đến khi có quyết định về nội dung vụ kiện.

Án văn truyền đình hoãn trả tang vật không thể bị thượng cầu.

Điều thứ 463 - Nguyên đơn xin hoàn trả đồ vật bị sai áp có thể kháng cáo án văn bác đơn của y.

Bị can, người đảm nhiệm hộ trách hay dân sự nguyên cáo có thể kháng cáo án văn chấp nhận hoàn trả đồ vật bị sai áp, nếu án văn này

gây thiệt hại cho họ. Công tố viện cũng có quyền này.

Tòa thượng thẩm chỉ có thể được thụ lý sau khi tòa sơ thẩm đã xét xử về nội dung vụ kiện.

Điều thứ 464 - Tòa đã xét xử nội dung vụ kiện vẫn có thẩm quyền truyền trao trả tang vật bị sai áp, nếu án văn của tòa ấy không bị thượng cầu.

Trong trường hợp trên, tòa sẽ thụ lý đơn xin của mọi người hữu quyền hoặc của công tố viện và án văn có thể bị kháng cáo chiếu theo điều 463.

Điều thứ 465 - Tòa thượng thẩm xét về nội dung vụ kiện có thẩm quyền để phán quyết về đồ vật bị sai áp theo thể thức dự liệu nơi điều 459 đến 462.

Sau khi chung quyết nội dung vụ kiện, tòa thượng thẩm vẫn có thẩm quyền để truyền trả đồ vật bị sai áp theo thể thức dự liệu nơi điều 464.

Điều thứ 466 - Mỗi án văn phải có phần lý do và phần chủ văn.

Phần lý do là căn bản của án văn.

Phần chủ văn phải nêu những tội trạng mà đương sự đã bị xử phạt hay buộc phải chịu trách nhiệm, hình phạt, điều luật áp dụng và các khoản bồi thường dân sự.

Án văn do chánh thẩm tuyên đọc.

Điều thứ 467 - Nguyên bản án văn có nhật ký phải nêu danh tánh chánh thẩm phiên tòa và ghi nhận sự hiện diện của công tố viện.

Sau khi thẩm phán tọa xử và lục sự ký tên, nguyên bản án văn được ký nạp tại phòng lục sự chậm nhất là mười lăm (15) ngày kể từ ngày tuyên án. Sự ký nạp phải được ghi vào một sổ riêng lưu trữ tại phòng lục sự.

TIẾT VI:Án khuyết tịch và sự kháng tố

PHỤ TIẾT I:Án văn khuyết tịch

Điều thứ 468 - Trừ trường hợp dự liệu nơi các điều 395, 396, 398 và 404, người được trát đòi hợp lệ mà không xuất đình vào ngày giờ ấn định nơi trát đòi, sẽ bị xử khuyết tịch như đã qui định nơi điều 397.

Điều thứ 469 - Án văn khuyết tịch sẽ được tổng đạt theo thể thức dự liệu nơi điều 527.

PHỤ TIẾT II:Sự kháng tố

Điều thứ 470 - Toàn bộ án văn khuyết tịch sẽ mất hết hiệu lực nếu bị can kháng tố.

Tuy nhiên, bị can có thể giới hạn sự kháng tố vào những khoản tuyên xử về quyền lợi dân sự.

Điều thứ 471 - Phòng lục sự sẽ thông báo sự kháng tố cho công tố viện để công tố viện đăng đường lại vụ án và cho đòi bị can cùng dân sự nguyên cáo ra trước phiên xử.

Trong trường hợp sự kháng tố chỉ giới hạn vào những khoản tuyên xử về quyền lợi dân sự, bị can phải thông báo trực tiếp cho dân sự nguyên cáo.

Điều thứ 472 - Nếu án văn được tổng đạt đến tận tay bị can, sự kháng tố phải được thực hiện trong thời hạn như sau kể từ ngày tổng đạt:

- Mười (10) ngày tròn đối với bị can cư ngụ tại Việt Nam;

- Hai (2) tháng đối với bị can cư ngụ ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Điều thứ 473 - Nếu án văn không được tổng đạt đến tận tay bị can, thời hạn kháng tố cũng được ấn định như trên, nhưng khởi lưu kể từ ngày tổng đạt án văn tại cư sở bị can, tại tòa hành chánh đô, thị, tỉnh, trụ sở xã hay tại biện lý cuộc.

Điều thứ 474 - Người đảm nhiệm hộ trách và dân sự nguyên cáo có thể kháng tố án văn khuyết tịch trong thời hạn ấn định nơi điều 472; thời hạn này khởi lưu kể từ ngày tổng đạt án văn, bất kể thể thức tổng đạt nào.

PHỤ TIẾT III:Sự tái kiểm

Điều thứ 475 - Sự kháng tố không thể được chấp thẩm nếu người kháng tố không xuất đình vào ngày giờ ấn định trong trát đòi để xét xử sự kháng tố.

Điều thứ 476 - Trong mọi trường hợp, sở phi về việc tổng đạt án văn khuyết tịch và về sự kháng tố có thể do người kháng tố gánh chịu.

CHƯƠNG THỨ II

Tòa thượng thẩm xử việc kháng cáo tiểu hình

TIẾT I:Hành sử quyền kháng cáo

Điều thứ 477 - Án văn xử việc tiểu hình có thể bị những người kể sau đây kháng cáo để được phúc xử trước tòa thượng thẩm;

- Bị can;

- Người đảm nhiệm hộ trách;
- Dân sự nguyên cáo, chỉ riêng đối với quyền lợi dân sự mà thôi;
- Biện lý;
- Các công sở trong trường hợp cơ quan này hành sử công tố quyền do luật định;
- Chương lý tòa thượng thẩm.

Điều thứ 478 - Trừ trường hợp dự liệu nơi điều 484, sự kháng cáo phải được thực hiện trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày tuyên án đương tịch.

Tuy nhiên, thời hạn kháng cáo chỉ khởi lưu kể từ ngày tổng đạt án văn bất kể thể thức tổng đạt nào;

- Đối với đương sự, sau cuộc tranh luận đối tịch, đã không hiện diện hay không được đại diện vào ngày tuyên án, nhưng với điều kiện là chính đương sự hay người đại diện của y đã không được thông báo ngày tuyên án;
- Đối với bị can xin được xử ngoài sự hiện diện của y, trong những điều kiện dự liệu nơi điều 396 đoạn 1;
- Đối với bị can không xuất đình mặc dầu có trát đòi hợp lệ, như đã dự liệu nơi điều 396 đoạn cuối.

Thời hạn kháng cáo trên đây cũng được áp dụng đối với trường hợp dự liệu nơi điều 395.

Điều thứ 479 - Nếu án văn được tuyên xử khuyết tịch hay tái khiếm, thời hạn kháng cáo chỉ khởi lưu kể từ ngày tổng đạt án văn, bất kể thể thức tổng đạt nào.

Điều thứ 480 - Nếu một đương sự kháng cáo trong thời hạn nói trên, các đương sự khác được thêm một thời hạn, năm (5) ngày tròn để kháng cáo.

Điều thứ 481 - Việc kháng cáo án văn xét về đơn xin tại ngoại chiếu điều 143, 144 cũng như về đơn xin thu hồi hoặc sửa đổi biện pháp kiểm soát tư pháp phải được thực hiện trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ lúc tuyên án.

Bị can bị tạm giam phải được giữ lại cho đến khi xét xử sự kháng cáo của biện lý, và trong mọi trường hợp cho đến khi hết hạn kháng cáo của biện lý trừ trường hợp biện lý thỏa thuận phòng thích ngay bị can.

Mặc dù có án văn thu hồi hoặc sửa đổi một quyết định kiểm soát tư pháp đang áp dụng, bị can vẫn phải tuân hành các biện pháp kiểm soát tư pháp đang áp dụng này cho tới khi xét xử sự kháng cáo của biện lý, và trong mọi trường hợp, cho tới khi hết hạn kháng cáo của biện lý, trừ phi án văn thu hồi hoặc sửa đổi được tuyên đúng theo kết luận của biện lý hoặc án văn được thẩm phán này thuận cho thi hành ngay.

Điều thứ 482 - Sự kháng cáo phải khai tại phòng lục sự tòa án đã tuyên bản án bị kháng.

Tờ khai kháng cáo phải được ghi vào quyển sổ kháng cáo hình sự và phải được lục sự cùng nguyên kháng hay người được ủy nhiệm đặc định ký tên. Trong trường hợp cô ủy nhiệm, giấy ủy nhiệm phải được đính kèm vào chứng thư kháng cáo do lục sự lập. Nếu nguyên kháng không biết ký hay không thể ký tên, lục sự phải ghi rõ điểm này.

Mọi người đều có quyền xin cấp bản sao chứng thư kháng cáo.

Điều thứ 483 - Nguyên kháng đang bị tạm giam cũng có thể hành sử quyền kháng cáo bằng cách nộp đơn cho quản đốc trung tâm cải huấn và viên chức này phải cấp cho y biên nhận.

Quản đốc trung tâm cải huấn chứng nhận trên đơn kháng cáo ngày giờ nộp đơn này, sau đó, chuyển ngay đến phòng sự để chuyển tả vào sổ kháng cáo, rồi đính kèm vào chứng thư kháng cáo do sự tập.

Điều thứ 484 - Chương lý kháng cáo bằng cách thông báo sự kháng cáo cho bị can hoặc người đảm nhiệm hộ trách trong thời hạn hai (2) tháng kể từ ngày tuyên án.

Điều thứ 485 - Trong thời hạn kháng cáo và trong thời gian xét xử vụ kháng cáo, việc thi hành án vẫn bị đình hoãn, ngoại trừ những trường hợp dự liệu nơi các điều 445 khoản 2 và 3, điều 452 và 670.

Điều thứ 486 - Sự kháng cáo án tiên thẩm xét xử các đối tranh và khước biện, kể cả khước biện về thẩm quyền, chỉ có thể được chấp thẩm cùng một lượt với sự kháng cáo án văn xét xử về nội dung.

Điều thứ 487 - Tòa thượng thẩm được phó giữ quyền phúc thẩm trong giới hạn chứng thư kháng cáo và tùy theo tư cách của nguyên kháng nói tại điều 492.

TIẾT II:Thành phần

Điều thứ 488 - Phòng kháng cáo tiểu hình gồm có một (1) chánh thẩm và hai (2) hội

thẩm; chánh thẩm có thể do chánh án phòng hay hội thẩm đảm trách.

Chương lý, phó chương lý hay thẩm lý ngồi ghé công tố viện; lục sự tòa thượng thẩm giữ bút lục.

Điều thứ 489 - Cuối mỗi năm, chánh nhất tòa thượng thẩm, sau khi hội ý với chương lý, ấn định các phiên xử tiểu hình cho năm tới.

Nếu cần chánh nhất với sự thỏa hiệp của chương lý có thể sửa đổi các phiên xử trong năm.

TIẾT III:Thủ tục

Điều thứ 490 - Những qui tắc thủ tục trước tòa sơ thẩm tiểu hình cũng được áp dụng trước tòa thượng thẩm; ngoài ra còn phải tôn trọng những điều khoản sau:

- Phòng kháng cáo tiểu hình tòa thượng thẩm nhóm họp tại trụ sở của cơ quan tài phán này, trừ những trường hợp đặc biệt do chánh nhất và chương lý thỏa hiệp định khác;

- Vụ án được phúc xử sau khi chánh thẩm hay một hội thẩm thuyết trình và bị can được nghe cung.

- Các nhân chứng nào không do chương lý đòi đến chỉ có thể được khai trước tòa nếu chánh thẩm chấp thuận, sau khi hỏi ý kiến chương lý;

- Các đương sự được trình bày trước tòa theo thứ tự sau đây: nguyên kháng, bị kháng, nếu có nhiều nguyên kháng hay bị kháng, họ sẽ cung khai theo thứ tự do chánh thẩm ấn định;

- Bị can hay luật sư của bị can được nói sau cùng.

Điều thứ 491 - Nếu xét thấy sự kháng cáo quá hạn hay không hợp thức, tòa thượng thẩm tuyên sự kháng cáo bất khả chuẩn chấp.

Nếu xét thấy sự kháng cáo hợp lệ về hình thức, nhưng vô căn cứ về nội dung, tòa thượng thẩm chuẩn y án văn bị kháng cáo.

Trong hai trường hợp trên, tòa thượng thẩm buộc nguyên kháng phải chịu án phí; nếu nguyên kháng là công tố viện, án phí sẽ do công khổ đài thọ.

Điều thứ 492 - Nếu công tố viện kháng cáo, tòa thượng thẩm có thể hoặc chuẩn y án văn sơ thẩm, hoặc sửa đổi tất cả hay một phần án ấy, bất kể là có lợi hay không cho bị can.

Nếu chỉ có bị can hay người đảm nhiệm hộ trách kháng cáo, phúc quyết không thể làm cho nguyên kháng thua thiệt hơn.

Nếu chỉ có dân sự nguyên cáo kháng cáo, tòa không thể phúc xử một cách bất lợi cho dân sự nguyên cáo.

Trước tòa thượng thẩm, dân sự nguyên cáo không thể trình bày thỉnh cầu mới. Tuy nhiên, dân sự nguyên cáo có thể xin thêm số tiền bồi thường về những thiệt hại đã gia tăng từ ngày có án sơ thẩm.

Điều thứ 493 - Nếu xét thấy sự kiện bị truy tố hoặc không cấu thành một trọng tội, một khinh tội hay một tội vi cảnh, hoặc không thể chứng minh được hay nếu xét thấy không thể qui trách bị can, tòa cải sửa án văn sơ thẩm và truyền tha bổng bị can.

Trong trường hợp này, nếu bị can muốn đòi bồi thường thiệt hại vi phạm tố theo điều 453 thì phải trình bày bằng thỉnh cầu trước tòa thượng thẩm.

Điều thứ 494 - Nếu án văn sơ thẩm bị cải sửa vì bị can được hưởng trường hợp khoan miễn giải tội, tòa sẽ áp dụng điều 449.

Điều thứ 495 - Nếu án văn sơ thẩm bị tiêu hủy vì sự kiện bị truy tố chỉ cấu thành một tội vi cảnh, tòa sẽ tuyên hình phạt và lâm thời, xét xử về dân tố quyền.

Điều thứ 496 - Nếu án văn sơ thẩm bị tiêu hủy vì sự kiện bị truy tố có thể cấu thành một trọng tội, tòa thượng thẩm tuyên tố vô thẩm quyền, và chuyển hoàn hồ sơ để công tố viện tùy nghi khiếu cáo.

Trong trường hợp này sau khi nghe công tố viện, tòa có thể, ngay trong phúc quyết, hạ trát tổng giam bắt giam bị can.

Điều thứ 497 - Nếu án văn sơ thẩm bị tiêu hủy vì lẽ vi phạm những thể thức luật định mà hậu quả là sự vô hiệu của thủ tục, tòa thượng thẩm sẽ di thẩm và xét xử luôn về nội dung.

Điều khoản này cũng áp dụng trong trường hợp án văn sơ thẩm đã bỏ sót và không thể bổ khuyết được những thể thức luật định nói trên.

THIÊN THỨ III

Tòa vi cảnh

CHƯƠNG THỨ I

Thẩm quyền

Điều thứ 498 - Tòa vi cảnh xét xử tội vi cảnh như được định nghĩa trong Bộ hình luật.

Điều thứ 499 - Tòa vi cảnh có thẩm quyền chuyên độc xét xử những vụ phạm pháp vi cảnh xảy ra trong quản hạt.

Các điều 373 đến 377 được áp dụng cho việc xét tội vi cảnh.

Điều thứ 500 - Tòa vi cảnh gồm có một chánh thẩm, một đại diện công tố viện như đã dự liệu nơi điều 37 và một lục sự.

CHƯƠNG THỨ II

Tiền phạt điều đình

Điều thứ 501 - Trước khi gọi trát đòi ra tòa vi cảnh thẩm phán thụ lý một biện bản vi chứng tội phạm sẽ báo cho bị can biết y có thể đóng một số tiền phạt điều đình do thẩm phán ấn định theo giá biểu dự liệu trong một bản văn lập quy.

Điều thứ 502 - Nếu bị can đóng số tiền phạt điều đình đúng thời hạn và điều kiện dự liệu trong bản văn lập quy, công tố quyền sẽ bị tiêu diệt.

Khi đóng tiền phạt điều đình, sự vi phạm được xác nhận và được coi như vi phạm lần đầu tiên để tính khi có tái phạm.

Điều thứ 503 - Người vi phạm không thể thượng cầu quyết định về ngạch số tiền phạt điều đình.

Điều thứ 504 - Nếu bị can không đóng tiền phạt điều đình trong thời hạn ấn định, tòa vi cảnh sẽ xét xử chiếu các điều 507 và kế tiếp.

Điều thứ 505 - Các điều khoản dự liệu nơi điều 501 đến 504 không được áp dụng cho những trường hợp kể sau:

- Nếu bị can có thể bị tuyên xử một hình phạt khác hơn hình phạt vạ, hay bị tuyên xử bồi thường những thiệt hại gây cho thể nhân hay tài sản, hoặc bị kết phạt vì tài phạm;

- Nếu đã mở cuộc thẩm vấn;

- Nếu trong cùng một biên bản, hơn hai (2) tội phạm được xác nhận đối với cùng một bị can;

- Nếu vi phạm bị luật cấm phạt điều đình.

Điều thứ 506 - Trong những trường hợp được luật đặc biệt dự liệu, bị can có thể đóng ngay tiền phạt luật định cho viên chức lập biên bản bị can từ chối nộp phạt, sẽ bị tuy tố theo các điều 507 và kế tiếp.

Đoạn trên không được áp dụng cho những trường hợp kể nơi điều 505.

Nếu viên chức lập biên bản không được biết bị can đã tái phạm, thủ tục phạt điều đình vẫn hữu hiệu. Tuy nhiên, sau này, tòa vi cảnh vẫn có thể truy tố bị can.

CHƯƠNG THỨ III

Thụ lý

Điều thứ 507 - Tòa vi cảnh thụ lý các vi phạm thuộc thẩm quyền hoặc do án lệnh chuyển tống của cơ quan thẩm vấn, hoặc do trát trực tố bị can và người đảm nhiệm hộ trách ra trước tòa này.

Điều thứ 508 - Những điều 379 đến 381 được áp dụng trước tòa vi cảnh.

CHƯƠNG THỨ IV

Thẩm vấn tại phiên tòa

Điều thứ 509 - Trước ngày có phiên tòa, chánh thẩm có thể, theo lời yêu cầu của công tố viện hay dân sự nguyên cáo, ước lượng hay cho ước lượng những sự thiệt hại, lập hay truyền lập biên bản, thực hiện hay ra lệnh thực hiện mọi hành vi khẩn thiết.

Điều thứ 510 - Những điều 387 đến 393 đều được áp dụng trước tòa vi cảnh.

Tuy nhiên, những hình phạt dự liệu nơi điều 390 khoản 2 chỉ có thể do tòa tiểu hình tuyên xử, sau khi được công tố viện chuyển giao biên bản vi chứng sự phạm pháp tại phiên tòa mà chánh thẩm tòa vi cảnh đã thiết lập.

Điều thứ 511 - Cũng được áp dụng trước tòa vi cảnh:

- Những điều 400 đến 406 về việc đứng dân sự nguyên:

- Những điều 407 đến 438 về việc dẫn chứng, ngoại trừ những qui tắc của điều 512;

- Những điều 439 đến 442 về việc tranh luận trước tòa;

- Điều 443 về án văn.

Điều thứ 512 - Tội vi cảnh được chứng minh hoặc bằng biên bản hay phúc trình, hoặc bằng cả hai phương cách.

Trừ trường hợp luật định khác, sẽ có tin lực cho đến khi có phản chứng biên bản và phúc trình do những viên chức hữu quyền kể nơi điều 14 và 22 thiết lập để kiểm chứng tội vi cảnh.

Muốn phản chứng phải viện dẫn văn kiện hay nhân chứng.

Điều thứ 513 - Nếu cần thẩm vấn bổ túc, chánh thẩm tòa vi cảnh sẽ áp dụng những điều 111 đến 114 điều 444 khoản cuối.

Điều thứ 514 - Nếu xét thấy sự kiện bị truy tố cấu thành tội vi cảnh, tòa tuyên hình phạt và lâm thời xét xử về dân tố quyền theo thể thức dự liệu nơi điều 445 khoản 2 và 3.

Điều thứ 515 - Nếu xét thấy sự kiện bị truy tố cấu thành một trọng tội hay một khinh tội, tòa vi cảnh tuyên bố vô thẩm quyền và chuyển hoàn hồ sơ tới công tố viện để tùy nghi khiếu cáo.

Điều thứ 516 - Nếu xét thấy sự kiện bị truy tố hoặc không cấu thành một vi phạm luật hình, hoặc không chứng minh được hay nếu xét thấy không thể qui trách bị can, tòa vi cảnh truyền tha bổng người này.

Điều thứ 517 - Nếu bị can được hưởng trường hợp khoan miễn giải tội, tòa vi cảnh sẽ truyền miễn nghị và lâm thời có thể xét xử về dân tố quyền theo thể thức ấn định tại điều 514.

Điều thứ 518 - Những điều khoản dự liệu nơi điều 454 đến 467 về án phí tụng lệ, hoàn trả tang vật và hình thức án văn đều được áp dụng trước tòa vi cảnh.

CHƯƠNG THỨ V

Ấn khuyết tịch về sự kháng tố

Điều thứ 519 - Trước tòa vi cảnh, bị can hay người đảm nhiệm hộ trách phải xuất đình hay nhờ người đại diện theo thể thức dự liệu nơi điều 395 đến 398. Tuy nhiên, nếu tội vi cảnh chỉ bị phạt vạ, bị can có thể nhờ luật sư hoặc người được ủy quyền thay mặt.

Điều thứ 520 - Điều 468 và 469 về án văn khuyết tịch và điều 470 đến 476 về sự kháng tố đều được áp dụng trước tòa vi cảnh.

CHƯƠNG THỨ VI

Sự kháng cáo

Điều thứ 521 - Bị can, người đảm nhiệm hộ trách, biện lý hoặc đại diện công tố viện trước tòa vi cảnh đều có quyền kháng cáo án văn vi cảnh nếu có tuyên hình phạt giam, hoặc nếu hình phạt dự liệu là một hình phạt giam.

Bị can và người đảm nhiệm hộ trách cũng có quyền kháng cáo nếu án văn tuyên phạt trả tiền bồi thường thiệt hại.

Trong mọi trường hợp dân sự nguyên cáo đều có quyền kháng cáo, nhưng chỉ riêng quyền lợi dân sự mà thôi.

Điều thứ 522 - Chương lý có quyền kháng cáo mọi án văn xử việc vi cảnh.

Điều thứ 523 - Sự kháng cáo có hiệu lực đình chỉ việc thi hành án văn.

Điều thứ 524 - Tòa sơ thẩm tiểu hình phúc xử việc kháng cáo án văn vi cảnh. Sự kháng cáo được thực hiện trong thời hạn và theo thể thức dự liệu nơi các điều 478, 479, 482 và 484.

Điều thứ 525 - Những điều khoản về việc xét xử, lập án văn, giải quyết án phí tụng lệ áp dụng trước tòa tiểu hình được áp dụng cho việc phúc xử án văn vi cảnh.

Điều thứ 526 - Công tố viện và các đương sự có thể thượng tố chống án văn vi cảnh xử

chung thẩm và những án văn của tòa sơ thẩm tiểu hình phúc xử án vi cảnh.

THIÊN THỨ IV

Trát đòi và truyền phiếu

Điều thứ 527 - Trát đòi và truyền phiếu được tổng đạt do thừa phát lại hoặc xã trưởng hoặc trưởng cuộc cảnh sát hoặc chỉ huy trưởng cảnh sát quận hay tỉnh.

Tờ tổng đạt trát đòi hoặc truyền phiếu phải ghi ngày tháng tổng đạt, danh tánh và địa chỉ của những người kể sau:

- Người yêu cầu tổng đạt;
- Công lại hay viên chức thi hành việc tổng đạt;
- Người tiếp nhận.

Người nhận bản sao tờ tổng đạt phải ký tên nơi bản chánh. Nếu đương sự không biết ký hay không chịu ký, công lại hay viên chức thi hành việc tổng đạt phải ghi rõ điểm ấy nơi bản chánh.

Điều thứ 528 - Công tố viện và các cơ quan công quyền được luật pháp cho phép có thể lập trát đòi; dân sự nguyên cáo cũng có thể yêu cầu thừa phát lại lập triệu hoán trạng.

Trát đòi phải ghi:

- Sự kiện bị truy tố và điều luật viện dẫn;
- Tòa án thụ lý;
- Ngày giờ và nơi tòa xử;
- Tư cách của người được đòi.

Triệu hoán trạng được lập theo lời yêu cầu của dân sự nguyên cáo, ngoài những chi tiết như trong trát đòi, còn phải ghi danh tánh, nghề nghiệp, cư sở thực sự hay tuyển định của dân sự nguyên cáo.

Trát đòi nhân chứng còn phải ghi rõ nếu không xuất diện hoặc từ khước cung khai hoặc khai gian sẽ bị pháp luật trừng trị.

Điều thứ 529 - Trát phải được tổng đạt trước ngày tòa tiểu hình hoặc vi cảnh xử nhất là năm (5) ngày nếu người được đòi cư ngụ trong quần hạt tòa án, bảy (7) ngày nếu ở ngoài quần hạt tòa án và hai (2) tháng nếu ở ngoại quốc.

Điều thứ 530 - Nếu các thời hạn ấn định nơi điều trên không được tôn trọng, tòa án sẽ áp dụng những qui tắc sau đây:

1) Trường hợp người được đòi không xuất hiện, tòa sẽ tuyên bố trát đòi vô hiệu;

2) Trường hợp người được đòi đã xuất hiện, trát đòi không bị vô hiệu; tuy nhiên, nếu người này xin tòa đình, tòa phải chấp nhận thỉnh cầu của y lời thỉnh cầu này phải được trình bày trước khi tranh luận về nội dung.

Điều thứ 531 - Việc tổng đạt các phán quyết, trong những trường hợp cần thiết, sẽ được thực hiện do sự yêu cầu của công tố viện hoặc của dân sự nguyên cáo.

Điều thứ 532 - Các công lại và viên chức kể nơi điều 527 phải miễn cán tổng đạt giấy tờ đến tận tay đương sự và giao bản sao tờ tổng đạt cho y.

Nếu đương sự vắng mặt, bản sao sẽ được giao cho thân nhân, gia nhân hay một người

nào hiện diện cùng ngụ tại nơi cư sở của đương sự.

Công lại hay viên chức thi hành việc tổng đạt phải ghi nơi bản chánh tờ tổng đạt tư cách của người nhận trát...

Điều thứ 533 - Trong trường hợp bản sao tờ tổng đạt được giao cho một người cùng ngụ tại cư sở của người phải nhận trát, công lại hay viên chức thi hành việc tổng đạt sẽ báo ngay bằng thơ bảo đảm có hồi báo cho người phải nhận trát biết sự tổng đạt này.

Nếu hồi báo do chính người phải nhận trát ký tên, tức là đương sự đã nhận được thơ bảo đảm, và sự tổng đạt tại cư sở của đương sự có hiệu lực như là sự tổng đạt đến tận tay y.

Điều thứ 534 - Trong trường hợp không tìm được ai tại nơi cư sở của người phải nhận trát, công lại hay viên chức thi hành việc tổng đạt phải kiểm lại ngay xem nơi đó có đúng là cư sở của đương sự không.

Nếu đúng thì các chức việc này, sau khi ghi trên bản chánh tờ tổng đạt những nhận xét cùng những tác vụ miễn cán của họ gửi bản sao tờ tổng đạt tới văn phòng quận hành chánh hay trụ sở xã.

Công lại hay viên chức thi hành việc tổng đạt báo ngay bằng thơ bảo đảm có hồi báo cho người phải nhận trát biết sự tổng đạt này và yêu cầu y đến gấp văn phòng quận hành chánh hay công sở xã để nhận lãnh bản sao tờ tổng đạt.

Nếu hồi báo do chính người phải nhận trát ký tên, tức là đương sự đã nhận được thơ bảo đảm, và sự tổng đạt trát trao qua văn phòng

quận hành chánh hay trụ sở xã có hiệu lực như là sự tổng đạt đến tận tay y.

Riêng đối với trát đòi xuất đình, tờ tổng đạt chỉ có hiệu lực như nói ở đoạn trên nếu thời hạn giữa ngày đương sự ký tên vào hồi báo và phải xuất đình ít nhất bằng thời hạn luật định nói tại điều 529.

Điều thứ 535 - Nếu người phải nhận trát không có cư sở hay trú sở hoặc không biết cư sở hay trú sở của người phải nhận trát ở đâu, bản sao trát phải được niêm yết tại trụ sở tòa án thụ lý, sau khi trát được truyền rao cho biện lý cuộc.

Điều thứ 536 - Trong những trường hợp dự liệu nơi các điều 533 và 534, bản sao phải để vào phòng bì dán kín, một mặt chỉ đề tên và địa chỉ của đương sự, mặt kia có đề tên chữ ký và con dấu của công lại hay viên chức thi hành việc tổng đạt.

Điều thứ 537 - Trong mọi trường hợp, công lại hay viên chức thi hành việc tổng đạt phải ghi trên bản chánh tờ tổng đạt và dưới hình thức biên bản, những tác vụ miễn cán và những câu vấn đáp của họ.

Biện lý có thể ra lệnh cho công lại hay viên chức thi hành việc tổng đạt thực hiện những cuộc truy tầm mới nếu xét thấy chưa đủ.

Bản chánh tờ tổng đạt phải gửi cho người yêu cầu lập trát trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.

Điều thứ 538 - Các công lại và viên chức kể nơi điều 527 không thi hành đúng các điều khoản trên đây sẽ bị tòa án thụ lý chánh vụ phạt từ sáu trăm một đồng (601\$) đến năm ngàn đồng (5.000\$), không kể những chế tài khác vì kỷ luật.

Điều thứ 539 - Trát đòi hay truyền phiếu chỉ có thể bị tuyên vô hiệu khi có phương hại đến quyền lợi của đương sự, ngoại trừ các quy tắc định trong điều 530 đoạn 2.

Điều thứ 540 - Nếu tờ tổng đạt bị vô hiệu do hành vi của công lại hay viên chức thi hành việc tổng đạt, không những thủ tục bị hủy bỏ, mà các chức viên này còn có thể phải gánh chịu lệ phí tổng đạt và lâm thời bồi thường cho đương sự bị thiệt hại.

Cơ quan tài phán đã tuyên bố sự vô hiệu có thẩm quyền tuyên xử các khoản phạt nói trên.

QUYỀN III

Tố cầu bất thường

THIÊN THỨ NHẤT

Thượng tố

CHƯƠNG THỨ NHỨT

Phán quyết có thể bị thượng tố và điều kiện để hành sử tố quyền

Điều thứ 541 - Các phúc quyết của phòng luận tội và các phúc quyết cùng án văn chung thẩm về đại hình, tiểu hình và vi cảnh có thể bị xử tiêu nếu vi luật, chiếu đơn xin thượng tố của công tố viện hoặc đương sự bị thiệt hại.

Phòng hình Tối cao pháp viện xét xử đơn xin thượng tố

Điều thứ 542 - Công tố viện và tất cả các đương sự có năm (5) ngày tròn, sau ngày có phán quyết chung thẩm để thượng tố.

Tuy nhiên, thời hạn thượng tố chỉ khởi lưu kể từ ngày tổng đạt phán quyết, bất kể thể thức tổng đạt:

1) Đối với đương sự sau cuộc tranh luận đối tịch, đã không có mặt hoặc đại diện vào ngày tòa tuyên án và cũng không được thông báo như dự liệu nơi điều 443 khoản 2;

2) Đối với bị can đã có đơn xin xét xử ngoài sự hiện diện của y theo các điều kiện dự liệu nơi điều 396 khoản 1;

3) Đối với bị can đã không xuất庭 trong các trường hợp dự liệu nơi điều 395 và 396 khoản 4

4) Đối với bị can đã bị xử tái thẩm.

Thời hạn thượng tố chống phúc quyết hoặc án văn khuyệt tịch chỉ khởi lưu, đối với bị can, kể từ ngày mãn hạn tố.

Đối với công tố viện, thời hạn khởi lưu kể từ khi mãn hạn mười (10) ngày sau ngày tổng đạt.

Điều thứ 543 - Phải đình chỉ chấp hành phúc quyết tòa phúc thẩm trong thời hạn thượng tố và nếu có thượng tố và nếu có thượng tố, cho đến khi Tối cao pháp viện thanh quyết.

Tuy nhiên nguyên tắc này không áp dụng đối với khoản bồi thường thiệt hại cũng như trong trường hợp tòa thượng thẩm xử tiêu trát tổng giam mà tòa sơ thẩm đã ban hành chiếu điều 446 khoản 1, hoặc chính tòa thượng thẩm đã hạ trát tổng giam trong cùng điều kiện và cũng theo các thể thức kể trên.

Nếu được tha bổng, miễn nghị hoặc bị xử phạt tù treo hoặc phạt vạ, bị can bị giam sẽ được

tức thời phòng thích sau khi có phúc quyết, mặc dầu có thượng tố.

Bị tạm giam hoặc bị duy trì tạm giam trong các điều kiện dự liệu nơi khoản nhất trên đây mà có bị tòa xử phạt giam bị can cũng được phóng thích ngay sau khi thời gian tạm giam đã đủ bằng thời gian phải thụ hình chiếu án tòa.

Điều thứ 544 - Việc xin thượng tố những án văn tiên thẩm của tòa sơ thẩm và phúc quyết tiên thẩm của tòa thượng thẩm kể cả những án văn và phúc quyết về thẩm quyền chỉ được chấp nhận sau khi đã có án văn hay phúc quyết nhất định về nội dung. Đương sự không bao giờ vì có đã thi hành các án tiên thẩm mà má quyền xin thượng tố án ấy về sau này.

Điều thứ 545 - Các đương sự bị thiệt hại vì phúc quyết của tòa đại hình có thể thượng tố hoặc sau khi có phúc quyết tha bổng theo các điều kiện dự liệu nơi điều 361 hoặc sau khi có phúc quyết tha bổng hay miễn nghị theo điều kiện dự liệu nơi điều 362.

Cũng có thể thượng tố chống phúc quyết về khoản hoàn lại tang vật như định trong điều 363.

Điều thứ 546 - Chỉ có thể thượng tố phúc quyết phòng luận tội chuyển tổng ra trước tòa về tội đại hình, tiểu hình hay vi cảnh, khi phúc quyết ấy phán định về thẩm quyền hoặc có những điều khoản có tính cách chung quyết mà tòa án sau này xét xử không còn sửa đổi được nữa.

Điều thứ 547 - Dân sự nguyên cáo chỉ có thể thượng tố phúc quyết phòng luận tội nếu có sự thượng tố của công tố viện.

Điều thứ 548 - Tuy nhiên, dân sự nguyên cáo có thể đơn phương thượng tố trong các trường hợp sau đây.

- 1) Khi phúc quyết phòng luận tội khước từ thẩm vấn;
- 2) Khi phúc quyết tuyên bố bất khả chấp thẩm tố quyền của dân sự nguyên cáo;
- 3) Khi phúc quyết chấp nhận khước biện tiêu diệt công tố quyền;
- 4) Khi phúc quyết hoặc đương nhiên hoặc theo khước thẩm của các đương sự, đã tuyên phán cơ quan tài phán đương thụ lý vô thẩm quyền;
- 5) Khi phúc quyết đã bỏ sót không thanh quyết về một tội trạng;
- 6) Khi phúc quyết không hội đủ điều kiện về hình thức để hữu hiệu theo luật định.

CHƯƠNG THỨ II

Thế thức thượng tố

Điều thứ 549 - Phải khai thượng tố tại phòng lục sự tòa án đã tuyên phán quyết bị trích.

Biên bản thượng tố phải được lục sự và chính nguyên thượng tố hoặc luật sư hoặc thụ ủy đặc định ký tên. Trong trường hợp sau này, chứng thư ủy quyền phải đính kèm vào biên bản. Nếu đương sự không biết ký hay không muốn ký, lục sự sẽ ghi chú điều ấy.

Phải ghi việc khai thượng tố vào một quyển sổ mà bất cứ ai cũng được pháp xin trích lục.

Điều thứ 550 - Nếu bị giam, đương sự còn có thể thượng tố bằng đơn nạp quản đốc trung

tâm cải huấn, viên chức này sẽ cấp cho nguyên thượng tố giấy biên nhận.

Quản đốc trung tâm cải huấn, chứng nhận ngay trên đơn ngày giờ đương sự nạp đơn xin thượng tố.

Tài liệu này phải được cấp thời chuyển đến phòng lục sự tòa án đã phán quyết bị trích cùng được ghi trong quyển sổ do điều 549 khoản 3 thiết lập và đính kèm vào biên bản thượng tố.

Điều thứ 551 - Phòng lục sự tòa nguyên thẩm phải cáo tri cho các đương sự khác đơn là nguyên thượng tố trong hạn ba (3) ngày bằng thơ bảo đảm có hồi báo.

Điều thứ 552 - Đương sự phải đóng một số tiền dự phạt là năm ngàn đồng (5.000\$) và dự khoản lệ phí một ngàn đồng (1.000\$) bằng không đơn xin thượng tố sẽ không được chấp thẩm.

Điều thứ 553 - Những người kể sau đây được miễn khỏi phải đóng các ngân khoản ấn định nơi điều 552:

- 1) Người bị tuyên phạt giam về tội tiểu hình hay vi cảnh.
- 2) Vị thành niên mười tám (18) tuổi;
- 3) Người được hưởng tư pháp bảo trợ;
- 4) Người bị kết án về đại hình.
- 5) Viên chức đại diện quốc gia trong những vụ liên quan trực tiếp đến công sở và công sản.

Điều thứ 554 - Đơn xin thượng tố không được chuẩn chấp nếu đương sự đã bị kết phạt một hình phạt giam quá sáu (6) tháng mà

không nạp mình hay không được tòa nguyên thẩm cho miễn nạp mình.

Văn kiện chứng minh việc nạp mình hay miễn nạp mình phải được xuất trình tại Tối cao pháp viện chậm nhất là vào lúc nội vụ được đem ra xét xử.

Người xin thượng tố có thể xin nạp mình tại trung tâm cải huấn nơi đặt trụ sở Tối cao pháp viện hoặc tòa nguyên thẩm, sau khi xuất trình cho quản đốc trung tâm cải huấn bản sao đơn xin thượng tố được chương lý Tối cao pháp viện hoặc thẩm phán đứng đầu cơ quan công tố tòa nguyên thẩm kiến thị.

Điều thứ 555 - Lúc đệ đơn xin thượng tố hoặc trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau, đương sự có thể nạp tại phòng lục sự tòa đã tuyên án văn hay phúc quyết bị thượng tố biện minh trạng nêu rõ lý do đơn xin thượng tố Lục sự sẽ cấp biên nhận và trong thời hạn tối đa ba (3) tháng kể từ ngày tuyên án, phải chuyển biện minh trạng ấy cùng hồ sơ vụ kiện đến chương lý tòa thượng thẩm liên hệ.

Điều thứ 556 - Mười lăm (15) ngày sau khi nhận được và kiểm soát hồ sơ nội vụ, viện chương lý tòa thượng thẩm sẽ chuyển hồ sơ đến viện chương lý Tối cao pháp viện.

Đương sự xin phá án cũng có thể gửi thẳng đến viện chương lý Tối cao pháp viện biện minh trạng và các văn kiện cần thiết.

Điều thứ 557 - Trong hạn mười lăm (15) ngày sau khi nhận được hồ sơ, chương lý Tối cao pháp viện sẽ chuyển hồ sơ này đến chánh thẩm phòng hình Tối cao pháp viện.

Điều thứ 558 - Chánh thẩm phòng hình Tối cao pháp viện sẽ chỉ định thẩm phán Tối cao

pháp viện làm thuyết trình viên. Vị thẩm phán này phải nạp bản thuyết trình trong hạn hai (2) tháng.

Liên sau khi bản phúc trình và bút lục được giao cho phòng lục sự, hồ sơ phải được chuyển ngay đến chương lý Tối cao pháp viện.

Điều thứ 559 - Kể từ ngày bản thuyết trình được nạp vào hồ sơ, các biện minh trạng sẽ không được chấp nhận nữa.

Điều thứ 560 - Trong vòng một tháng sau khi được thông tri hồ sơ và bản thuyết trình, chương lý. Tối cao pháp viện phải kết luận.

Quá hạn trên, chánh thẩm phòng hình sẽ cho đăng đường vụ kiện và lục sự sẽ thông báo ngày xử cho các đương sự.

Điều thứ 561 - Kết luận xong, chương lý hoàn hồ sơ lại phòng lục sự chậm nhất là ba (3) ngày trước phiên xử.

Trong trường hợp chương lý đã lập xong bản kết luận và hoàn lại bút lục mà chánh thẩm phòng hình chưa cho ghi vụ kiện vào sổ đăng đường thì sau hạn hai (2) tháng, nội vụ sẽ được phòng lục sự ghi vào sổ đăng đường lệnh của Chủ tịch Tối cao pháp viện.

Điều thứ 562 - Sổ đăng đường do chánh thẩm phòng hình Tối cao pháp viện lập và ấn định.

CHƯƠNG THỨ III

Lý do xin thượng tố

Điều thứ 563 - Phúc quyết phòng luận tội cũng như phúc quyết và án văn chung thẩm,

nếu hội đủ thể thức luật định, chỉ có thể tiêu phá vì vi luật.

Điều thứ 564 - Các phán quyết này sẽ bị tiêu phá nếu không do số thẩm phán luật định tuyên án hoặc đã do thẩm phán không tham dự mọi phiên nhóm của vụ kiện tuyên phán. Nếu một vụ kiện kéo dài trong nhiều phiên nhóm, các thẩm phán đứng ra tuyên án được ước đoán đều đã tham dự mọi phiên tòa liên hệ.

Các phán quyết trên cũng bị tiêu phá nếu khi tuyên án không có sự tham dự của công tố viện.

Điều thứ 565 - Các phúc quyết phòng luận tội cũng như phúc quyết và án văn chung thẩm sẽ bị tiêu phá nếu không viện dẫn lý do hoặc lý do viện dẫn thiếu sót, khiến Tối cao pháp viện không thể kiểm soát xem tòa nội dung có tôn trọng luật pháp hay không. Sự mâu thuẫn lý do cũng như sự viện dẫn lý do không chính xác được coi như sự thiếu lý do làm duyên cớ cho sự thượng tố.

Cũng có thể bị thượng tố nếu tòa quên hoặc từ chối thẩm định về một hoặc nhiều thỉnh cầu, thỉnh trạng của các đương sự hoặc của công tố viện.

Điều thứ 566 - Về việc đại hình, phúc quyết chuyển tổng của phòng luận tội, trở thành nhất định, án định thẩm quyền của tòa đại hình và bao yếm, nếu có, mọi hà tì thủ tục trước đây.

Điều thứ 567 - Khi phòng luận tội thanh quyết về các đỏi tranh thủ tục khác hơn là đỏi tranh đã được dự liệu trong điều luật trên, mọi kháng chấp về sự vô hiệu của cuộc thẩm vấn đều phải được nêu lên bằng không bị can,

hoặc dân sự nguyên cáo bị tiêu quyền viện dẫn, trừ trường hợp các đương sự không thể biết các kháng chấp đó được hoặc Tối cao pháp viện hành sự quyền đương nhiên nêu các kháng chấp.

Điều thứ 568 - Về việc đại hình và trong trường hợp bị can bị xử phạt, nêu phúc quyết đã tuyên một hình phạt khác hẳn với hình phạt mà luật đã ấn định phải áp dụng với tội đại hình đã xảy ra, công tố viện cũng như bị can đều có thể xin tiêu phá phúc quyết trên.

Điều thứ 569 - Công tố viện cũng có quyền xin tiêu phá như trên chống phúc quyết tha bổng chiếu điều 354, nếu phán quyết đã dựa trên căn bản không có điều luật nào dự liệu sự trừng trị, mặc dầu điều luật hình sự đó có thực.

Điều thứ 570 - Nếu hình phạt đã tuyên cũng là hình phạt mà luật đã ấn định phải áp dụng với tội trạng, không ai được quyền xin tiêu phá phúc quyết viện lẽ có sự quy chiếu sai lầm điều luật.

Điều thứ 571 - Về việc tiểu hình, bị can không quyền nại dẫn lý do để thượng tố các sự vô hiệu thủ tục xảy ra trước tòa sơ thẩm nếu y đã không nêu trước tòa thượng thẩm, trừ trường hợp vô hiệu vì vô thẩm quyền mà có sự kháng cáo của công tố viện.

Điều thứ 572 - Bất kể trường hợp nào, không ai có quyền nại ra để chống kẻ bị truy tố, sự vi phạm hoặc quên không chấp hành các điều luật có tác dụng bảo đảm quyền biện hộ của chính kẻ bị truy tố.

CHƯƠNG THỨ IV

Sự thẩm định tố cầu và phiên tòa

Điều thứ 573 - Các qui tắc liên quan đến công khai tính, việc điều hành và trật tự phiên tòa đều phải được áp dụng trước Tối cao pháp viện.

Điều thứ 574 - Tối cao pháp viện căn cứ vào hồ sơ để xét xử, sau khi nghe hội thẩm thuyết trình viên, thuyết trình luật sư biện hộ và công tố viên kết luận.

Điều thứ 575 - Trong phòng nghị xử, chánh thẩm thu thập các ý kiến được phát biểu, khởi sự là ý kiến của hội thẩm thân niên nhất.

Hội thẩm thuyết trình viên bao giờ cũng phát biểu ý kiến trước tiên và sau cùng đến chánh thẩm.

Điều thứ 576 - Tối cao pháp viện xét xử đơn thượng tố ngay sau khi nội vụ đã được đăng đường.

Cấp thời và ưu tiên cùng chậm nhất là ba (3) tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tối cao pháp viện phải xét xử ngay trong các trường hợp sau đây:

- 1) Nếu có thượng tố chống phúc quyết chuyển tống ra tòa đại hình;
- 2) Nếu có sự thượng tố chống phúc quyết tòa đại hình tuyên án tử hình.

CHƯƠNG THỨ V

Phúc quyết của tối cao pháp viện

Điều thứ 577 - Trước khi xét về nội dung, Tối cao pháp viện thẩm định về sự hợp thức của đơn thượng tố. Nếu nhận thấy không hội đủ điều kiện luật định, cơ quan tài phán tối cao sẽ

tuyên phúc quyết bất khả chấp sự thượng tố về hình thức.

Điều thứ 578 - Tối cao pháp viện sẽ ra phúc quyết miễn thẩm nếu xét sự thượng tố không còn sở đích.

Điều thứ 579 - Chuẩn chấp về hình thức, tối cao pháp viện sẽ ra phúc quyết bác đơn thượng tố, nếu xét thấy tố cầu vô căn cứ.

Điều thứ 580 - Trừ trường hợp áp dụng điều 553, khi bác bỏ sự thượng tố về hình thức hoặc về nội dung, Tối cao pháp viện sẽ buộc nguyên thượng tố phải chịu tiền phạt và lệ phí.

Trong trường hợp miễn thẩm, Tối cao pháp viện sẽ quyết định có nên tịch thu tiền dự phạt của nguyên thượng tố hay không.

Trừ trường hợp Tối cao pháp viện có quyết định khác, đương sự đã xin bãi nại khỏi phải trả tiền dự phạt và phúc quyết ghi nhận sự bãi nại được trước bạ miễn phí.

Điều thứ 581 - Nếu án văn bị tiêu phá là phúc quyết của tòa thượng thẩm xử việc tiểu hình, Tối cao pháp viện sẽ truyền di giao nội vụ cho tòa nguyên thẩm xử lại với thành phần khác.

Nếu án văn bị tiêu hủy là án văn sơ thẩm xử việc tiểu hay vi cảnh. Tối cao pháp viện truyền di giao nội vụ cho một tòa án đồng hệ thống và đẳng cấp để xét xử lại.

Tuy nhiên, tối cao pháp viện truyền không di giao trong trường hợp xét thấy không cần xử lại, sau khi tiêu hủy phúc quyết hay án văn bị thượng tố.

Điều thứ 582 - Về việc đại hình, trong phúc quyết tiêu phá Tối cao pháp viện sẽ truyền di giao nội vụ cho:

- Phòng luận tội nguyên thẩm xử lại với thành phần khác, nếu phúc quyết bị tiêu phá là phán quyết của phòng luận tội;

- Tòa đại hình khác đơn là tòa đại hình nguyên thẩm nếu phúc quyết bị tiêu phá vì lý do vô hiệu của phúc quyết tòa đại hình;

- Tòa dân sự khác hơn là tòa án nơi đó đã mở cuộc thẩm vấn, nếu phúc quyết chỉ bị tiêu phá riêng về quyền lợi dân sự.

Điều thứ 583 - Khi được di giao nội vụ, phòng luận tội, nếu cần, sẽ chỉ định cơ quan tài phán thuộc quản hạt của mình để xét xử. Tuy nhiên, Tối cao pháp viện cũng có thể chỉ định từ trước cơ quan tài phán hình sự sẽ thụ lý bất kể thống thuộc quản hạt tòa thượng thẩm nào.

Điều thứ 584 - Trong tất cả các trường hợp mà Tối cao pháp viện được quyền chỉ định cơ quan tài phán để xét xử một vụ di giao, Tối cao pháp viện cần phải có ngay một cuộc biểu quyết riêng biệt về sự chỉ định đó nơi phòng thẩm nghị, điểm này phải được ghi trong phúc quyết.

Điều thứ 585 - Bản sao phúc quyết chấp đơn thượng tố và truyền di giao sẽ được thông tri cho chương lý Tối cao pháp viện. Bản sao phúc quyết trên cùng với hồ sơ vụ kiện sẽ được chuyển đến công tố viện tòa được di giao.

Thẩm phán công tố sau này phải truyền thừa phát lại tổng đạt cho các đương sự phúc quyết tiêu phá của Tối cao pháp viện.

Bản sao phúc quyết tiêu phá cũng sẽ do chánh thẩm phòng hình tối cao pháp viện thông tri công tố viện và cơ quan tài phán nguyên thẩm.

Điều thứ 586 - Nếu phúc quyết hoặc án văn bị tiêu phá vì vi phạm các thể thức căn bản luật định, bản sao phúc quyết sẽ do chánh thẩm phòng hình Tối cao pháp viện thông tri Chủ tịch Tối cao pháp viện và Tổng trưởng tư pháp.

Điều thứ 587 - Khi phúc quyết hoặc án văn bị tiêu phá, khoản tiền dự phạt sẽ được cấp thời giao hoàn cho người đứng đơn thượng tố, bất kể lời lẽ của phúc quyết tiêu phá là thế nào và dù cho phúc quyết này có quên không phán định về điểm đó.

Điều thứ 588 - Ba ngày sau khi tuyên án, bản sao phúc quyết bác đơn thượng tố hoặc tiêu phá mà không di giao sẽ được thông tri chương lý Tối cao pháp viện và công tố viện cơ quan tài phán đã tuyên phúc quyết hoặc án văn bị chỉ trích

Công tố viện này sẽ tổng đạt cho các đương sự bằng thư bảo đảm phúc quyết kể trên của Tối cao pháp viện.

Điều thứ 589 - Đương sự bị bác đơn xin phán án không thể thượng tố lại bất cứ vì lý do gì.

Điều thứ 590 - Tòa án được di giao để xét lại vụ kiện có thể tuân theo quan niệm pháp lý mà Tối cao pháp viện đã thừa nhận về vụ này.

Nếu tòa án di giao cũng xử theo quan điểm của tòa án nguyên thẩm, và nếu có thượng tố nữa, nội vụ sẽ được Tối cao pháp viện xử lại và lần này Tối cao pháp viện sẽ họp các phòng hình và hộ của ban phán án để xử dư sự chủ tọa của chủ tịch ban phán án.

Một thẩm phán Tối cao pháp viện không thuộc thành phần tọa xử phúc quyết tiêu phá trước

đây sẽ được chủ tịch ban phán chỉ định làm thuyết trình viên.

Nếu phúc quyết hoặc án văn của tòa án di giao bị tiêu phá cùng với lý do của phúc quyết hoặc án văn của tòa nguyên thẩm, tòa án được di giao sau này phải tuân theo quan điểm pháp lý của Tối cao pháp viện liên phòng họp lại.

CHƯƠNG THỨ VI

Thượng tố vì lợi ích của luật pháp

Điều thứ 591 - Khi có lệnh minh thị của Tổng trưởng tư pháp, chương lý Tối cao pháp viện sẽ đưa ra phòng hình Tối cao pháp viện thụ lý những hành vi hay những án văn vi luật, các hành vi và án văn ấy có thể bị xử tiêu.

Điều thứ 592 - Trong trường hợp tòa thượng thẩm phòng luận tội, tòa đại hình, tòa tiểu hình hay tòa vi cảnh đã tuyên một án văn chung thẩm có thể bị thượng tố, nhưng các đương sự không xin phá án trong thời hạn luật định, chương lý tối cao pháp lý Tối cao pháp viện có thể tự ý thượng tố mặc dầu thời hạn đã mãn; tuy nhiên các đương sự không thể viện dẫn hiệu lực của sự tiêu phá án văn để khước từ thi hành án văn ấy.

THIÊN THỨ II

Tái thẩm

Điều thứ 593 - Bất cứ người nào bị bắt kể cơ quan tài phán nào kết phạt về trọng tội hay khinh tội đều có thể xin tái thẩm, nếu ở vào một trong những trường hợp kể dưới đây.

1) Sau khi tòa án xử phạt về tội cố sát, có xuất trình được những văn kiện khiến có thể suy

luận rằng người được coi là nạn nhân vẫn còn sống;

2) Sau khi tòa án xử phạt về trọng tội hay khinh tội, có một phúc quyết hay án văn kết án một bị can về cùng một sự kiện như trong vụ án trước, và hai án phạt không thể dung hòa được, sự mâu thuẫn giữa hai án văn chứng tỏ trong hai người bị kết án có một người vô tội;

3) Sau khi tòa tuyên phạt trong một vụ án, một trong những nhân chứng đã được nghe cung bị truy tố và bị kết án về tội làm chứng gian chống bị can; nhân chứng ấy, không thể được nghe cung nữa trong những cuộc tranh luận sau này;

4) Sau khi có án xử phạt, có xảy ra hay phát giác một sự kiện, hoặc có xuất trình được văn kiện hay đồ vật không được biết trong cuộc tranh luận trước đây, khiến có thể xác định người bị kết án vô tội.

Điều thứ 594 - Trong ba trường hợp 1, 2 và 3 dự liệu nơi điều trên, những người kể sau đây có quyền xin tái thẩm:

- Tổng trưởng tư pháp;

- Người bị kết án hay đại diện pháp định nếu y vô năng cách;

- Người phối ngẫu, con cái, cha mẹ, người được minh thị, ủy nhiệm của người bị kết án, sau khi người này mệnh một hay thất tung.

Theo lệnh minh thị của Tổng trưởng tư pháp hành động đương nhiên hay chiếu đơn khiếu nại của các đương sự, chương lý Tối cao pháp viện yêu cầu phòng hình tòa này thụ lý đơn xin tái thẩm.

Trong trường hợp thứ tư, chỉ Tổng trưởng tư pháp mới có quyền xin tái thẩm, sau khi cho sưu tầm và phối kiểm cùng tham khảo ý kiến của một vụ ủy ban gồm ba (3) thẩm phán công tố tòa thượng thẩm được cử mỗi năm và giám đốc nha hình vụ Bộ tư pháp.

Nếu xét thấy đơn xin tái thẩm có thể được chấp nhận, Tổng trưởng tư pháp chuyển hồ sơ đến vụ hình lý Tối cao pháp viện để yêu cầu phòng hình tòa này thụ lý.

Điều thứ 595 - Nếu phúc quyết hay án văn kết phạt chưa được thi hành, sự chấp nhận hành đương nhiên được đình chỉ kể từ ngày có đơn xin tái thẩm của Tổng trưởng tư pháp gửi Tối cao pháp viện.

Trước khi chuyển hồ sơ đến Tối cao pháp viện, Tổng trưởng tư pháp có thể truyền đình chỉ việc thi hành án văn nếu người bị kết án đang bị giam. Kể từ khi đơn xin tái thẩm được chuyển đến Tối cao pháp viện, cơ quan tài phán này có thể tuyên phúc quyết đình chỉ việc thi hành án văn.

Điều thứ 596 - Nếu hồ sơ chưa hoàn bị, Tối cao pháp viện tính cách chấp về hình thức của đơn xin tái thẩm, và tự mình hoặc ủy thác mở cuộc điều tra về nội dung, kiểm nhân căn cước, thực hiện mọi việc đối chất và phương cách khả dĩ phát huy sự thật.

Khi hồ sơ đã hoàn bị, Tối cao pháp viện xét về nội dung tòa sẽ bác khước đơn xin tái thẩm nếu đơn này vô căn cứ, và trái lại, nếu đơn ấy hợp lý, tòa sẽ hủy án kết phạt.

Nếu xét có thể mở lại cuộc tranh luận đối tịch, Tối cao pháp viện sẽ truyền đưa bị can ra trước một tòa án khác đồng hệ thống và đẳng cấp với tòa án đã tuyên phạt quyết bị hủy bỏ.

Nếu không thể mở lại cuộc tranh luận vì lẽ một hay nhiều người bị kết án mệnh một, điên cuồng, khuyết tịch, vô trách nhiệm về hình hay ở vào trường hợp khoan miễn, hoặc vì có thời tiêu tố quyền hay thời tiêu hình phạt, Tối cao pháp viện sẽ xét xử về nội dung sau khi minh thị xác nhận một trong những trường hợp ấy. Tối cao pháp viện chỉ huy bỏ hình phạt nào xét ra vô căn cứ và miễn tội, nếu cần cho vong linh người quá cố.

Sau khi hủy bỏ phán quyết xử phạt và truyền di giao nội vụ, nếu xét thấy không thể mở lại cuộc tranh luận. Tối cao pháp viện chiếu kết luận của chương lý, sẽ truyền thu hồi sự di giao và quyết định như nói ở đoạn trên.

Đối với người bị kết án còn sống, nếu án văn bị hủy bỏ vì đã kết phạt người vô tội, Tối cao pháp viện khỏi phải truyền di giao hồ sơ.

Điều thứ 597 - Sau khi xác nhận người bị kết phạt vô tội, tòa có thể, theo đơn xin của đương sự ban cho y tiền bồi thường thiệt hại.

Nếu người bị kết phạt sai lầm mệnh một, quyền đòi bồi thường thiệt hại được chuyển cho người phối ngẫu, tôn thuộc và ti thuộc của y.

Những thân thuộc ở vào đẳng cấp xa hơn chỉ có thể đòi bồi thường nếu chứng minh án văn kết phạt đã gây thiệt hại vật chất của họ.

Đơn bồi thường thiệt hại được chấp thẩm bất cứ ở giai đoạn nào của thủ tục tái thẩm.

Quốc gia phải đài thọ tiền bồi thường thiệt hại, nhưng có quyền khởi tố dân sự nguyên cáo, người cáo giác hay người làm chứng gian để đòi lại tiền này, nếu vì lỗi của họ mà có án kết

phạt. Tiền bồi thường được trả như là lệ phí về việc đại hình.

Lệ phí về việc tái thẩm được công khổ ứng trước kể từ ngày đơn xin tái thẩm được chuyển đến Tối cáo pháp viện.

Phúc quyết hay án văn chung thẩm về việc tái thẩm, nếu kết phạt, sẽ buộc người bị kết án hay những người xin tái thẩm phải gánh chịu lệ phí mà công khổ có thể đòi bồi hoàn.

Nguyên đơn xin tái thẩm bị bác đơn phải chịu tất cả lệ phí.

Nếu có lời yêu cầu của nguyên đơn, phúc quyết hay án văn tại thẩm tuyên người bị kết án vô tội sẽ được niêm yết tại công sở nơi kết án, nơi xảy ra trọng tội hay khinh tội, nơi cư sở của các nguyên đơn xin tái thẩm, và nơi cư sở sau cùng của người bị kết án sai lầm; phúc quyết hay án văn tái thẩm phải được đăng trong Công báo, và trích lục được công bố trong ba (3) nhật báo do cơ quan tài phán tái thẩm chỉ định.

Lệ phí về việc công bố án văn do công khổ đài thọ.

QUYỀN IV

Một vài thủ tục đặc biệt

THIÊN THỨ NHỨT

Khuyết tịch đại hình

Điều thứ 598 - Nếu có phúc quyết chuyển tổng của phòng luận mà không bắt được bị can hoặc đã tổng đạt phúc quyết phòng luận tội tại cư sở của bị can mà y không xuất diện

trong hạn mười (10) ngày kể từ ngày tổng đạt, hoặc sau khi bị bắt hay xuất diện mà bị can đào tẩu, chánh thẩm tòa đại hình, hay nếu thẩm phán này vắng mặt, chánh án tòa án nơi tòa đại hình nhóm họp hay thẩm phán được chánh thẩm tòa đại hình ủy nhiệm, sẽ ra án lệnh truyền bị can phải xuất diện trong hạn mười (10) ngày kể từ ngày ký án lệnh.

Án lệnh ghi rõ nếu bị can không xuất diện, tòa sẽ xác nhận sự y bất tuân luật pháp, truyền đình chỉ việc hành sử công quyền và dân quyền của y, cho cung thác tài sản của y trong thời gian thủ tục khuyết tịch đại hình tiến hành, cấm y hành sử các tổ quyền trong thời hạn ấy và truyền ra lệnh bắt cứ ai nếu biết bị can ở đâu phải khai trình.

Án lệnh phải hải rõ trọng tội mà bị can bị truy tố và mệnh lệnh câu lưu.

Trong mọi trường hợp, chỉ được cung thác và tịch thu tài sản do chính bị can đứng bộ làm sở hữu chủ hoặc phần của y trong khối cộng đồng tài sản.

Điều thứ 599 - Án lệnh nói ở trên sẽ được phổ biến trên báo chí và niêm yết trong hạn tám (8) ngày tại cửa ngõ nơi cư sở của bị can, tại công sở hay quận hành chánh nơi cư sở của y và tại trụ sở tòa đại hình.

Chương lý sẽ gửi đến nha giám đốc công sản một bản sao án lệnh.

Điều thứ 600 - Hết hạn mười (10) ngày sau ngày công bố án lệnh, sẽ xử khuyết tịch bị can.

Điều thứ 601 - Luật sư không thể biện hộ cho bị can khuyết tịch. Tuy nhiên, nếu bị can ở vào tình trạng khiến không thể nào xuất diện

được, cha mẹ hay bạn hữu của y có thể trình bày lý do xin khoan miễn.

Điều thứ 602 - Nếu xét lý do khoan miễn chánh đáng, tòa đại hình truyền đình hoãn xét xử bị can và nếu cần, truyền ngưng cung thác tài sản của y trong một thời gian, tòa sẽ ấn định thời gian này căn cứ vào lý do khoan miễn và vị trí tài sản của bị can.

Điều thứ 603 - Ngoại trừ trường hợp dự liệu nơi điều 602, tòa đại hình cho đọc phúc quyết chuyển tống bị can ra trước tòa cùng biên bản tống đạt án lệnh truyền cho y xuất diện và biên bản niêm yết án lệnh ấy.

Sau khi công tố viện kết luận, tòa đại hình thẩm xét thủ tục khuyết tịch.

Nếu một trong những thể thức qui định nơi các điều 598 và 599 không được tôn trọng, tòa tuyên thủ tục vô hiệu và truyền làm lại thủ tục kể từ hành vi bất hợp lệ đầu tiên.

Trong trường hợp thủ tục hợp lệ, tòa xét xử tội trạng của bị can ngoài sự hiện diện của các phụ thẩm nhân dân và nếu kết phạt, không thể cho bị can khuyết tịch hưởng trường hợp giảm khinh. Tòa xét xử luôn về quyền lợi dân sự.

Điều thứ 604 - Nếu bị can khuyết tịch bị kết phạt và tài sản không bị tịch thu, việc cung thác tài sản vẫn được duy trì và sẽ được kết toán với người hữu quyền sau khi phúc quyết khuyết tịch trở thành nhất định vì đã mãn hạn thanh tiêu án khuyết tịch đại hình.

Điều thứ 605 - Chương lý phải cấp thời cho đăng vào một nhật báo nơi cư sở sau cùng của bị can bản trích lục phúc quyết kết phạt.

Bản trích lục cũng được niêm yết tại cửa ngõ nơi cư sở sau cùng của bị can, tại công sở xã hay quận hành chánh nơi phạm pháp và tại trụ sở tòa đại hình.

Đồng thời một bản trích lục được gửi cho nha giám đốc công sản.

Điều thứ 606 - Sau khi biện pháp phổ biến dự liệu nơi điều trên được thi hành, bị can phải chịu tất cả những sự thất quyền luật định.

Điều thứ 607 - Bị can bị kết án khuyết tịch không được quyền thượng tố.

Điều thứ 608 - Trong mọi trường hợp, thủ tục xử khuyết tịch một bị can không đương nhiên đình hoãn hoặc làm chậm trễ việc thẩm cứu các đồng phạm hiện diện.

Sau khi xét xử các đồng phạm này, tòa có thể truyền trao trả tang vật ký nạp tại phòng lục sự cho chân chánh sở hữu chủ. Tòa cũng có thể truyền giao hoàn tang vật với điều kiện phải xuất trình mỗi khi cần đến.

Lục sự phải lập biên bản mô tả các tang vật trước khi giao hoàn.

Điều thứ 609 - Trong thời gian cung thác tài sản, chánh án tòa án nơi cư sở của bị can sau khi hội ý giám đốc nha công sản, có thể ra án lệnh truyền ban những khoản nợ cấp cho vợ, con, tôn thuộc của y nếu họ ở trong tình trạng túng thiếu.

Điều thứ 610 - Nếu bị can bị xử khuyết tịch nạp mình hoặc bị bắt trước khi hình phạt bị thời tiêu, phúc quyết tòa đại hình và thủ tục được thực hiện từ khi có án lệnh truyền bị can xuất diện đương nhiên bị hủy bỏ và y được

xét xử lại theo thủ tục thông thường.

Trong trường hợp phúc quyết kết phạt truyền tịch thu tài sản của bị can xung vào công khó, các biện pháp đã được thực hiện để chấp hành quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực. Nếu sau này phúc quyết đương tịch không duy trì việc tịch thu sẽ hoàn trả lại cho bị can các tài sản chưa phát mãi theo hiện trạng và số tiền thực thu trong việc bán các tài sản đã phát mãi.

Điều thứ 611 - Trong trường hợp dự liệu nơi điều trên, nếu vì bất cứ lý do gì không thể nghe cung nhân chứng và đồng phạm của bị can, tòa sẽ cho đọc lời khai của họ cùng các tài liệu khác mà chánh thẩm xét cần thiết cho sự phát huy sự thật.

Điều thứ 612 - Bị can bị kết phạt khuyết tịch và được tha bổng sau khi xuất diện, phải gánh chịu các sở phí về thủ tục khuyết tịch, trừ phi được tòa miễn trách.

Tòa đại hình cũng có thể truyền phổ biến những quyết định tư pháp có lợi cho bị can khuyết tịch theo thể thức dự liệu nơi điều 605.

THIÊN THỨ HAI

Giả mạo

Điều thứ 613 - Nếu hay biết một văn kiện gì để cáo giả mạo được thiết lập hay đang được lưu giữ tại một sở ký thác công lập, biện lý có thể thân hành đến nơi ấy để thực hiện mọi sự nhận xét và kiểm soát cần thiết.

Biện lý không thể ủy nhiệm cho hình cảnh lái sử hành quyền nói trên.

Trong trường hợp khẩn cấp, biện lý có thể

truyền di chuyển đến phòng lục sự công tố viện những tài liệu khả nghi.

Điều thứ 614 - Trong mọi cuộc thẩm vấn về giả mạo văn tự, ngay khi văn kiện ấy được xuất trình hoặc bị sai áp, dự thẩm ra lệnh ký nạp tại phòng lục sự công tố viện sau khi ghi những chữ "bất biến cải" vào văn kiện và ký tên cùng với lục sự phòng dự thẩm và các đương tụng. Trước khi ký nạp, dự thẩm có thể ra lệnh cho sao lại văn kiện bằng cách chụp ảnh hoặc bằng mọi phương cách khác.

Lục sự công tố viện lập biên bản ký nạp mô tả tình trạng văn kiện bị đề cáo giả mạo.

Điều thứ 615 - Dự thẩm có thể buộc mọi người hữu quyền xuất trình những văn kiện đối chiếu hoặc ra lệnh sai áp các văn kiện ấy. Dự thẩm và lục sự ký tên trên văn kiện đối chiếu và lục sự phải lập biên bản mô tả như đã nói nơi điều trên.

Điều thứ 616 - Người thu thác công lập được ký thác những văn kiện bị đề cáo giả mạo hay được dùng để ngụy tạo văn kiện phải giao những văn kiện ấy lại cho dự thẩm, khi được xuất trình án lệnh, và nếu có thể được, cung cấp cho dự thẩm những văn kiện đối chiếu hiện đang giữ.

Nếu những văn kiện do một công lại giao nạp như nói trên, hoặc bị sai áp nơi tay công lại này có tính cách công chánh chứng thư công lại có thể xin lưu lại bản sao y do lục sự công tố viện chứng nhận, bản sao có thể được thực hiện bằng cách chụp ảnh hay bằng mọi phương cách khác.

Bản sao được lưu trữ như văn thư nguyên cáo tại văn phòng của công lại cho đến khi

bản chánh được hoàn trả.

Điều thứ 617 - Trong khi phiên xử của tòa sơ thẩm hay của tòa thượng thẩm, nếu một bút lục hồ sơ hay một văn kiện được xuất trình bị đề cáo giả mạo, tòa án, sau khi hội ý công tố viện và các đương tụng, quyết định nên đình hoãn xét xử hay không cho đến khi việc giả mạo được thanh quyết do tòa án có thẩm quyền.

Nếu công tố quyền đã bị tiêu diệt hoặc không thể được hành xử đối với tội giả mạo, và không có dấu hiệu gì là người xuất trình văn kiện đã tri tình sử dụng văn tự giả mạo, tòa án thụ lý chánh vụ xét luôn về tính chất của văn tự bị đề cáo giả mạo như một đối tranh.

Điều thứ 618 - Trước Tối cao pháp viện, đơn xin đăng ký giả mạo phải gửi đến chủ tịch ban phá án và đệ nạp tại phòng lục sự. Đơn xin đăng ký giả mạo phải do đương sự hoặc luật sư của họ hoặc người được ủy quyền đặc định ký tên. Trong trường hợp sau này phải đính kèm chứng thư ủy quyền vào biên bản nhận đơn do lục sự lập. Nếu nguyên đơn không biết ký tên, lục sự nhận đơn phải ghi điểm này vào biên bản.

Điều thứ 619 - Trong thời hạn một tháng kể từ ngày phòng lục sự nhận được đơn xin đăng ký giả mạo, chủ tịch ban phá án phải thẩm xét sau khi hội ý với chương lý Tối cao pháp viện.

Chủ tịch ban phá án sẽ ra án lệnh bác đơn hoặc cho phép đăng ký giả mạo.

Trong trường hợp bị bác đơn xin đăng ký giả mạo, nguyên đơn phải gánh chịu án phí là một ngàn đồng (1.000\$00) trừ trường hợp được

chủ tịch ban phá án minh thị miễn trách.

Điều thứ 620 - Án lệnh cho phép đăng ký giả mạo phải được tổng đạt cho bị đơn trong thời hạn mười lăm (15) ngày cùng với tờ đốc thúc bị đơn cho biết y còn tiếp tục sử dụng văn kiện bị đề cáo giả mạo hay không.

Bản sao đơn xin đăng ký giả mạo cùng án lệnh cho phép phải được đính kèm vào vi bằng đốc thúc.

Điều thứ 621 - Bị đơn phải phúc đáp lời đốc thúc trong thời hạn mười lăm (15) ngày bằng cách báo cho nguyên đơn và chủ tịch ban phá án biết quyết định của y còn tiếp tục hay không sử dụng văn kiện bị đề cáo giả mạo.

Điều thứ 622 - Trong trường hợp bị đơn quyết định tiếp tục sử dụng văn kiện bị đề cáo giả mạo, chủ tịch ban phá án sẽ truyền các đương sự khiếu tố trước cơ quan tài phán do thẩm phán này chỉ định để đăng ký giả mạo phụ đới.

THIÊN THỨ BA

Thủ tục lái lập hồ sơ thất lạc

Điều thứ 623 - Trong trường hợp vì nguyên nhân bất thường, nguyên bản phúc quyết hay án văn xử việc đại hình, tiểu hình hay vi cảnh chưa được chấp hành, hoặc những bút lục hồ sơ đương hành hay bản sao lập theo điều 76 khoản bị tiêu hủy, gian đoạt hay thất lạc mà không thể thiết lập lại được, sẽ áp dụng thủ tục sau đây.

Điều thứ 624 - Nếu bản toàn sao hay bản sao có thị thực của án văn hay phúc quyết còn được lưu trữ, bản này được xem như nguyên bản, chánh án tòa đã tuyên phán quyết bị thất

lạc truyền cho công lại hoặc người đang giữ bản sao phải ký nạp ngay bản ấy nơi phòng lục sự tòa án sở tại. Lệnh của chánh án giải nhiệm người giữ bản sao án văn.

Điều thứ 625 - Nếu không còn bản toàn sao hay bản sao có thị lực của phúc quyết đại hình nhưng còn bản kê các câu hỏi có ghi quyết định của cuộc hội bàn như đã dự liệu nơi điều 355, tòa đại hình sẽ căn cứ vào tài liệu ấy để tuyển lại phúc quyết.

Điều thứ 626 - Nếu không thể tìm được bản kê các câu hỏi có ghi quyết định của cuộc hội bàn, hoặc vụ án đã được xử theo thủ tục khuyết tịch đại hình mà không còn lại một tài liệu viết nào cả, thì sẽ mở lại cuộc thẩm vấn để tái lập hồ sơ kể từ bút lục bị thất lạc.

Thủ tục này cũng được áp dụng cho các việc tiểu hình hay vi cảnh nếu không còn bản toàn sao hay bản sao án văn có thị lực.

THIÊN THỨ IV

Thủ tục lấy lời khai nhân viên Chánh Phủ và đại diện ngoại giao

Điều thứ 627 - Thủ tướng và nhân viên Chánh phủ chỉ có thể xuất đình với tư cách nhân chứng nếu được hội đồng nội các chấp thuận, chiếu phúc trình của Tổng trưởng tư pháp.

Trong trường hợp nói trên, việc cung khai được thi hành theo thể thức thông thường.

Điều thứ 628 - Nếu không có giấy mời đến cung khai hoặc không có phép của hội đồng nội các, chánh nhất tòa thượng thẩm sẽ đích thân đến cư sở của nhân chứng để tiếp nhận

lời khai.

Nếu nhân chứng cư ngụ ngoài nơi đặt trụ sở tòa thượng thẩm, chánh án tòa sơ thẩm sẽ đảm nhiệm việc lấy lời khai.

Để thực hiện mục tiêu này, thẩm phán thụ lý vụ án gửi đến chánh nhất tòa thượng thẩm hoặc chánh án tòa sơ thẩm nơi cư sở của nhân chứng, tùy từng trường hợp, bản trần thuật nội vụ và bản kê câu hỏi để nhân chứng giải đáp.

Điều thứ 629 - Lời cung khai tiếp nhận theo thể thức nói trên được niêm phong, đóng dấu, rồi chuyển ngay đến phòng lục sự tòa án đã yêu cầu lấy lời khai và cấp thời thông tri công tố viện cùng các đương sự.

Tại phiên tòa đại hình, tòa sẽ cho đọc lời khai và cho tranh luận về tài liệu này.

Điều thứ 630 - Muốn lấy lời khai một đại diện ngoại giao, phải có văn thư nhờ Bộ ngoại giao chuyển đến nhân chứng ấy. Khi lời yêu cầu được chấp nhận, chánh nhất hay thẩm phán được ủy nhiệm sẽ tiếp nhận lời khai theo thể thức dự liệu nơi điều 628 khoản 3 và điều 629.

THIÊN THỨ V

Phân định thẩm quyền

Điều thứ 631 - Trong trường hợp hai dự thẩm thuộc hai tòa án khác nhau đồng thời thụ lý vụ phạm pháp, công tố viện có thể yêu cầu một trong hai dự thẩm thoái thẩm vì lợi ích cho việc điều hành công lý. Nếu tranh chấp về thẩm quyền vẫn tồn tại, sẽ phân định thẩm quyền như dự liệu nơi các điều 632 đến 635.

Điều thứ 632 - Trong trường hợp hai tòa tiểu hình, hai dự thẩm hoặc hai tòa vi cảnh cùng một quản hạt tòa thượng thẩm đồng thời thụ lý một vụ phạm pháp, phòng luận tội sẽ phân định thẩm quyền theo lời yêu cầu của công tố viện hoặc chiếu theo đơn của bị can hay dân sự nguyên cáo.

Điều thứ 633 - Mọi tranh chấp khác về thẩm quyền, tích cực hay tiêu cực giữa các cơ quan tài phán, dù thường pháp hay đặc biệt sẽ do phòng hình Tối cao pháp viện thụ lý và phán định theo lời yêu cầu của công tố viện hoặc chiếu đơn của bị can hay dân sự nguyên cáo.

Ngoài ra trong khi xét xử một vụ thượng tố, Tối cao pháp viện có quyền đương nhiên phân định thẩm quyền và nếu cần, phân định trước về sự tranh chấp thẩm quyền có thể xảy ra, Tối cao pháp viện có thể phán xét về sự hữu hiệu của mọi hành vi mà cơ quan tài phán bị buộc thoái thẩm, đã thực hiện.

Điều thứ 634 - Trước khi phán quyết, phòng hình Tối cao pháp viện có thể truyền thông tri đơn xin phân định thẩm quyền cho các đương sự; bút lục hồ sơ với ý kiến của các đương sự sẽ được chuyển đến phòng hình trong thời hạn do phòng này ấn định. Thủ tục đương hành trước cơ quan tài phán xét xử hay thẩm vấn phải được đình chỉ.

Điều thứ 635 - Phúc quyết phân định thẩm quyền được tổng đạt cho các đương tụng và họ có thể kháng tố nếu không được thông tri đơn xin phân định thẩm quyền. Đương sự phải khai kháng tố theo thể thức và trong thời hạn dự liệu cho việc thượng tố, tại phòng lục sự nơi một trong các tòa án có cuộc tranh chấp về thẩm quyền.

Sự kháng tố có hiệu lực đình chỉ nếu phòng

hình Tối cao pháp viện phán định như vậy.

Sự kháng tố được xét xử trong hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phòng lục sự Tối cao pháp viện nhận được hồ sơ. Nếu bác đơn kháng tố, phòng hình có thể kết phạt nguyên đơn hai ngàn đồng (2.000\$00) tiền vạ dân sự.

THIÊN THỨ VI

Di giao

Điều thứ 636 - Về đại hình, tiểu hình hay vi cảnh phòng hình Tối cao pháp viện có thể truyền cho một cơ quan tài phán thẩm vấn hay xét xử phải thoái thẩm, và truyền di giao nội vụ cho một cơ quan tài phán khác đồng hệ thống và đẳng cấp, nếu vì có sự hiềm nghi chánh đáng hay lý do hệ trọng nào khác tòa án có thẩm quyền không thể xét xử được.

Chương lý Tối cao pháp viện hoặc công tố viện nơi tòa thụ lý nội vụ hoặc bị can hoặc dân sự nguyên cáo có thể nạp đơn xin di giao.

Đơn này phải được phòng lục sự Tối cao pháp viện tổng đạt cho các đương sự, những người này phải ký nạp biện minh trạng tại phòng lục sự Tối cao pháp viện trong hạn mười (10) ngày, kể từ ngày nhận được giấy tổng đạt.

Đơn xin di giao không có hiệu lực đình chỉ, trừ phi Tối cao pháp viện định khác.

Vì lợi ích cho việc điều hành công lý, chương lý Tối cao pháp viện cũng có thể yêu cầu di giao một vụ án theo thể thức nói trên.

Trong trường hợp lý do hiềm nghi chánh đáng bị bác khước, phòng hình Tối cao pháp viện

vẫn có thể truyền di giao vì lợi ích cho việc điều hành công lý.

Điều thứ 637 - Ngoài những quy tắc ấn định nơi các điều 35, 75, 371, biện lý, dự thẩm, tòa sơ thẩm và thượng thẩm nơi giam giữ người bị án phạt giam đều có thẩm quyền thụ lý những vụ phạm pháp xảy ra tại nơi khác mà người ấy bị quy trách.

Điều thứ 638 - Nếu người bị phạt giam hiện bị giam mà không thể áp dụng điều 636, sẽ di giao nội vụ từ tòa án đang thụ lý đến tòa án nơi giam giữ, theo thủ tục dự liệu cho việc phân định thẩm quyền và chỉ theo lời yêu cầu của công tố viện mà thôi.

Điều thứ 639 - Phòng hình tối cao pháp viện cũng có thể truyền di giao vì lý do an ninh công cộng, nếu có lời yêu cầu của chương lý Tối cao pháp viện.

Điều thứ 640 - Phòng lục sự Tối cao pháp viện phải tổng đạt phán quyết về đơn xin di giao cho các đương sự trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày phán quyết.

Điều thứ 641 - Nếu đơn xin di giao vì lý do an ninh công cộng bị bác, một đơn khác có thể được đệ nạp, căn cứ vào những sự kiện mới.

THIÊN THỨ VII

Cáo tị và hồi tị

Điều thứ 642 - Thẩm phán xử án có thể bị cáo tị vì những duyên cớ sau đây:

1) Nếu thẩm phán hay người phối ngẫu là thân thuộc hoặc thích thuộc cho đến bậc thứ sáu của một đương tụng hay người phối ngẫu của đương tụng ấy. Dù đã ly hôn hay người

phối ngẫu đã mệnh một, thẩm phán vẫn có thể bị cáo tị nếu là thích thuộc đến bậc thứ nhì của một đương tụng;

2) Nếu thẩm phán hay người phối ngẫu, hoặc những người mà thẩm phán là giám hộ, đại nhiệm giám hộ, quản tài hay bảo tá tư pháp, hoặc những hội hay hiệp hội mà thẩm phán là quản trị viên hay giám sát viên có quyền lợi trong vụ tranh tụng;

3) Nếu thẩm phán hay người phối ngẫu là thân thuộc thích thuộc đến bậc thứ nhì của giám hộ, đại nhiệm giám hộ, quản tài hay bảo tá tư pháp của một đương tụng, hay của một quản trị viên, giám đốc hay quản lý một hội đương tụng;

4) Nếu thẩm phán hay người phối ngẫu ở trong tình trạng lệ thuộc đối với đương tụng;

5) Nếu thẩm phán đã xét xử vụ tranh tụng với tư cách thẩm phán hay trọng tài hoặc đã chỉ dẫn với tư cách cố vấn hoặc đã cung khai với tư cách nhân chứng;

6) Nếu thẩm phán hay người phối ngẫu hoặc thân thuộc hay thích thuộc trực hệ có vụ kiện chống một đương tụng, người phối ngẫu của đương tụng, hoặc thân thuộc hay thích thuộc trực hệ của họ;

7) Nếu thẩm phán hay người phối ngẫu có vụ kiện trước tòa án mà một đương tụng là thẩm phán;

8) Nếu thẩm phán hay người phối ngẫu hoặc thân thuộc hay thích thuộc trực hệ của họ đương tranh nại về một vấn đề giống như vấn đề tranh chấp giữa các đương tụng;

9) Nếu thẩm phán hay người phối ngẫu đã có

những hành vi lộ liễu khá hệ trọng đối với một đương tụng khiến cho có thể nghi ngờ sự vô tư của thẩm phán.

Điều thứ 643 - Không thể cáo tị thẩm phán công tố.

Điều thứ 644 - Bị can hay một đương tụng muốn cáo tị một dự thẩm, một thẩm phán tòa vi cảnh, một thẩm phán xử án tòa sơ thẩm hay một hội thẩm, tòa thượng thẩm, phải nộp đơn cho chánh nhất tòa thượng thẩm, nếu không thỉnh cầu sẽ vô hiệu.

Đơn phải hài rõ danh tánh thẩm phán hay những thẩm phán bị cáo tị và phải viện dẫn lý do.

Một đương sự tự ý khởi tụng trước một tòa thượng thẩm, một tòa sơ thẩm hay một dự thẩm chỉ có thể xin cáo tị thẩm phán nếu sau khi khởi tố, có xảy ra những duyên cớ để cáo tị.

Điều thứ 645 - Chánh nhất tòa thượng thẩm tổng đạt theo hệ thống hành chánh đơn xin cáo tị cho thẩm phán bị cáo tị.

Đơn này không đương nhiên buộc thẩm phán bị cáo tị phải thoái thẩm. Tuy nhiên, chánh nhất tòa thượng thẩm sau khi hội ý chương lý, có thể truyền đình hoãn cuộc thẩm vấn hay việc xét xử.

Điều thứ 646 - Chánh nhất tòa thượng thẩm tiếp nhận biện minh trạng của nguyên đơn và của thẩm phán bị cáo tị, lấy ý kiến của chương lý và quyết định về đơn xin cáo tị.

Định lệnh của chánh nhất không thể bị thượng cầu và đương nhiên có hiệu lực.

Điều thứ 647 - Đơn xin cáo tị chánh nhất hoặc chánh án phòng tòa thượng thẩm phải được gửi đến Chủ tịch Tối cao pháp viện.

Chủ tịch Tối cao pháp viện sau khi hội ý chương lý sẽ ra án lệnh chung quyết về đơn ấy. Các qui tắc dự liệu nơi điều 645 được áp dụng.

Điều thứ 648 - Đơn xin cáo tị thẩm phán Tối cao pháp viện phải được viện dẫn lý do và gửi đến Chủ tịch cơ quan tài phán Tối cao. Đại hội đồng Tối cao pháp viện sẽ thanh quyết đơn này.

Điều thứ 649 - Án lệnh bác đơn xin cáo tị tuyên phạt nguyên đơn một khoản tiền phạt dân sự từ năm ngàn đồng (5.000\$00) đến mười ngàn đồng (10.000\$00).

Điều thứ 650 - Thẩm phán xử án ở vào những trường hợp dự liệu nơi điều 642 chỉ có thể tự mình hội tị, nếu được chánh nhất tòa thượng thẩm cho phép, sau khi hội ý chương lý. Quyết định của chánh nhất không thể bị thượng cầu.

THIÊN THỨ VIII

Xét xử các vi phạm tại phiên tòa

Điều thứ 651 - Ngoại trừ những trường hợp dự liệu nơi điều 335 và 438, những vi phạm tại phiên tòa sẽ đương nhiên hoặc theo lời yêu cầu của công tố viện, được xét xử theo những điều khoản sau đây, khởi phải áp dụng những qui tắc riêng về thẩm quyền hay về thủ tục.

Điều thứ 652 - Nếu một tội phạm vi cảnh xảy ra tại phiên xử, tòa vi cảnh, tòa tiểu hình, tòa thượng thẩm hay tòa đại hình lập vi bằng sự

phạm pháp, nghe bị can, nhân chứng cung khai, công tố viện kết luận, luật sư bào chữa, nếu có, và áp dụng tức khắc những hình phạt do luật pháp dự liệu.

Điều thứ 653 - Nếu vi phạm xảy ra tại phiên tòa tiểu hình, tòa thượng thẩm hay tòa đại hình là một khinh tội, thể thức dự liệu nơi điều trên vẫn được áp dụng. Trong trường hợp tuyên phạt một hình phạt giam trên một (1) tháng, tòa có thể hạ trát tổng giam bị can.

Nếu một khinh tội xảy ra tại phiên xử tòa vi cảnh, thẩm phán lập vi bằng sự phạm pháp và chuyển đến biện lý; trong trường hợp hình phạt dự liệu trên sáu (6) tháng phạt giam, thẩm phán có thể truyền giữ bị can và dẫn ngay đến biện lý.

Điều thứ 654 - Nếu một trọng tội xảy ra tại phiên xử, tòa đại hình, tòa thượng thẩm, tòa tiểu hình hay tòa vi cảnh liên hệ cho giữ và lấy cung thủ phạm, lập biên bản, ra lệnh chuyển các văn kiện và dẫn ngay bị can đến biện lý có thẩm quyền để yêu cầu mở cuộc thẩm vấn.

THIÊN THỨ IX

Đặc quyền tài phán

Điều thứ 655 - Thẩm phán xử án và thẩm phán công tố được hưởng đặc quyền tài phán do quy chế riêng ấn định.

Điều thứ 656 - Hình cảnh lại nói nơi điều 15 phạm vào một khinh tội hay một trọng tội trong khi thi hành chức vụ được hưởng đặc quyền tài phán theo những thể thức sau đây.

Điều thứ 657 - Nếu hành vi phạm pháp cấu thành một khinh tội, chánh nhất tòa thượng thẩm theo lời yêu cầu của chương lý chỉ định

tòa án cùng trong quán hạt của tòa thượng thẩm, nhưng khác với tòa án nơi hình cảnh lại hành sự để thụ lý việc truy tố và xét xử.

Điều thứ 658 - Nếu hành vi phạm pháp cấu thành một trọng tội, chánh nhất tòa thượng thẩm sẽ thi hành nhiệm vụ dự thẩm và chương lý nhiệm vụ công tố. Chánh nhất và chương lý có thể đặc biệt ủy thác những thẩm phán khác để thi hành nhiệm vụ ấy.

Điều thứ 659 - Cho đến khi việc chỉ định tòa án hay việc ủy nhiệm thẩm phán như đã được dự liệu nơi điều 657 và 658 kể trên được thực hiện, hình cảnh lại nào cũng có thể vi chứng tội phạm. Ngoài ra, những điều khoản tổng quát về thủ tục dự liệu trong Bộ luật này vẫn được áp dụng.

Điều thứ 660 - Phòng luận tội tuyên phúc quyết chuyển tổng bị can ra trước tòa đại hình khác hơn tòa đại hình nơi bị can hành sự để xét xử vụ phạm pháp.

THIÊN THỨ X

Trọng tội và khinh tội phạm tai quốc ngoại

Điều thứ 661 - Người Việt Nam phạm ở ngoài lãnh thổ Việt Nam một trọng tội mà luật Việt Nam trừng phạt có thể bị truy tố và xét xử tại Việt Nam.

Nếu phạm khinh tội thì chỉ có thể bị truy tố và xét xử tại Việt Nam, khi tội phạm ấy cũng bị trừng phạt theo luật của nơi xảy ra tội phạm.

Đối với tội phạm xâm hại an ninh quốc gia, giả mạo ấn tín quốc gia, giả mạo tiền tệ hay giấy bạc quốc gia đang lưu hành, tội phạm dù xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam, vẫn bị truy tố và

xét xử tại Việt Nam

Khoản 1 và 2 điều luật này cũng được áp dụng cho những người đã thử đăc quốc tịch Việt Nam sau khi phạm tội.

Điều thứ 662 - Có thể bị truy tố và xét xử trước tòa án Việt Nam, kẻ nào tại Việt Nam đã tồng phạm với kẻ khác phạm trọng tội hoặc khinh tội tại ngoại quốc, nếu tội phạm đều bị luật ngoại quốc và Việt Nam trừng trị và đã có án văn trở thành nhất định của tòa án ngoại quốc xác định tội trạng.

Điều thứ 663 - Khinh tội phạm đến thân thể và tài sản tư nhân tại ngoại quốc chỉ có thể bị truy tố, theo lời yêu cầu của công tố viện. Trước khi truy tố, phải có đơn thưa của người bị thiệt hại hay sự tố cáo chánh thức của nhà chức trách ngoại quốc với nhà chức trách Việt Nam.

Điều thứ 664 - Bất cứ người nào phạm một trọng tội hay khinh tội ở ngoại quốc, sẽ không bị truy tố ở Việt Nam, nếu mình chứng đã bị xét xử chung quyết tại nước ngoài và trong trường hợp có án phạt, đã thụ hình hoặc không phải thụ hình vì lý do luật định.

Điều thứ 665 - Sự phạm pháp được coi như phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam, khi một trong những hành vi cấu thành đã xảy ra tại đó.

Điều thứ 666 - Ngoài lãnh thổ Việt Nam, người ngoại quốc can tội xâm phạm an ninh quốc gia, giả mạo ấn tín quốc gia, giả mạo tiền tệ hay giấy bạc quốc gia đang lưu hành với tư cách là chánh phạm hay tồng phạm, có thể bị truy tố và xét xử theo luật lệ Việt Nam, nếu bị can bị bắt giữ tại Việt Nam hoặc nếu Chánh phủ đã được chấp nhận dẫn độ kẻ

này.

Điều thứ 667 - Người Việt Nam phạm khinh tội và tội vi cảnh về thủy lâm, nông thôn, ngư nghiệp, quan thuế, thuế vụ, trên lãnh thổ của một trong các quốc gia giáp giới, có thể bị truy tố và xét xử tại Việt Nam, theo luật pháp Việt Nam, nếu quốc gia giáp giới đó cũng được phép truy tố dân bản quốc của họ đã phạm các tội kể trên tại Việt Nam.

Sự hổ tương tư pháp sẽ được xác nhận trong hiệp ước quốc tế hoặc bằng sắc lệnh.

Điều thứ 668 - Trong các trường hợp dự liệu nơi thiên này, sự truy tố sẽ được thực hiện bởi biện lý tòa sơ thẩm nơi trú quán của bị can hoặc nơi bị can trú ngụ sau cùng hoặc nơi bắt gặp bị can.

Theo lời yêu cầu của công tố viện hoặc của các đương sự. Tối cao pháp viện có thể truyền di lý nội vụ đến tòa án gần nơi phạm pháp hơn.

QUYỀN V

Thủ tục chấp hành

THIÊN THỨ NHẤT

Chấp hành án hình

Điều thứ 669 - Công tố viện và các đương sự đảm nhiệm việc chấp hành án hình trong phạm vi quyền hạn và quyền lợi của mỗi bên.

Tuy nhiên, viên chức thu thuế, nhân danh biện lý, phụ trách việc truy thu tiền phạt và việc tịch thu.

Để thi hành nhiệm vụ công tố viện có quyền

yêu cầu chánh lục sự bên xử án thông tri nguyên cáo mọi án văn, phúc quyết và án lệnh.

Điều thứ 670 - Công tố viện yêu cầu chấp hành án văn sau khi phán quyết đã thành nhất định.

Tuy nhiên, thời hạn kháng cáo của chương lý, dự liệu nơi các điều 484, 522 và 524, không có hiệu lực đình chỉ việc chấp hành.

Biện lý và chương lý có quyền trực tiếp triệu dụng công lực để chấp hành án văn.

Điều thứ 671 - Những đỏi tranh có tính cách tố tụng liên quan đến việc chấp hành được xét xử do tòa vi cảnh, tòa sơ thẩm hay tòa thượng thẩm đã tuyên phán quyết cơ quan tài phán đã tuyên phán quyết cũng có thể cải chính những sai lầm thuần túy vật chất trong án văn.

Việc cải chính phúc quyết tòa đại hình và việc xét xử đỏi tranh ra trong khi chấp hành án văn này thuộc thẩm quyền phòng luận tội.

Điều thứ 672 - Theo lời yêu cầu của công tố viện hay của đương sự, tòa sẽ quyết định trong phòng thẩm nghị, sau khi công tố viện, luật sư hay đương sự kết luận, trừ trường hợp dự liệu nơi điều 673.

Tòa có thể truyền đình chỉ việc chấp hành án văn đương tranh nại.

Án văn xử việc đỏi tranh phải được tổng đạt cho các đương sự theo lời yêu cầu của công tố viện.

Điều thứ 673 - Trong trường hợp cần lấy cung tội nhân bị giam, tòa án thụ lý nội vụ có thể ủy thác chánh án tòa gần nơi giam hơn

hết để hồi cung.

Chánh án thụ ủy có năng quyền chuyển ủy cho một thẩm phán đồng tòa.

Điều thứ 674 - Công tố viện phải cáo tri Tổng trưởng tư pháp ngay khi án văn kết phạt tử hình đã thành nhất định.

Án tử hình chỉ được chấp hành sau khi đơn xin ân xá bị bác.

Nếu tử tội muốn khai điều chi, một trong những thẩm phán chứng kiến hành quyết, có lục sự phụ tá, sẽ tiếp nhận lời khai này.

THIÊN THỨ II

Tổng giam

Điều thứ 675 - Bị can bị giam cứu được giữ nơi trại tạm giam.

Tại nơi đặt trụ sở một tòa sơ thẩm, thượng thẩm và đại hình đều có một trại giam, trừ trường hợp có sắc lệnh của Thủ tướng Chánh phủ định khác. Trong trường hợp sau này, sắc lệnh của Thủ tướng phải chỉ định trại tạm giam để giam giữ bị can thống thuộc các cơ quan tài phán liên hệ.

Điều thứ 676 - Dự thẩm, chánh thẩm phòng luận tội, chánh thẩm tòa đại hình, cũng như biện lý và chương lý có thể truyền cho trại giam thi hành những chỉ thị cần thiết cho việc thẩm vấn hay xét xử.

Điều thứ 677 - Bị can, bị giam cứu được giam riêng mỗi người một nơi, thoáng khí, hợp vệ sinh ngày cũng như đêm Nguyên tắc trên chỉ được tạm ngưng áp dụng nếu trại tạm giam không đủ chỗ hay nhất thời có nhiều người bị

giám cứu, hoặc trong trường hợp họ xin được phép làm việc trong trại tạm giam mà không thể tổ chức công việc làm cho riêng từng người.

Để bị can có thể sử dụng quyền bào chữa họ được phép tiếp xúc với bên ngoài, miễn là kỷ luật và an ninh của trại được tôn trọng.

CHƯƠNG THỨ II

Thi hành án phạt giam

Điều thứ 678 - Tội nhân bị kết phạt cấm cố hoặc khổ sai hữu hạn hay chung thân sẽ thụ hình tại trung tâm cải huấn được chỉ định để tiếp nhận họ. Tội nhân bị phạt giam trên một (1) năm hay bị nhiều hình phạt tổng cộng trên một (1) năm mà hình phạt, hay hình phạt sau cùng đã trở thành nhất định cũng thụ hình tại trung tâm cải huấn được chỉ định để tiếp nhận họ.

Tội nhân bị hình phạt giam đúng một (1) năm hay dưới một (1) năm thụ hình trong trại giáo hòa.

Tội nhân bị phạt giam vì cảnh thụ hình trong một khu riêng biệt của trại tạm giam.

Một nơi có thể vừa là trại tạm giam vừa là trại giao hóa.

Tội nhân bị phạt lưu xứ thụ hình tại trung tâm cải huấn được chỉ định để tiếp nhận họ.

Điều thứ 679 - Tội nhân thụ hình tại trung tâm cải huấn được phân phối tùy theo hình phạt nặng hay nhẹ, tuổi tác và tình trạng sức khỏe của họ.

Tội nhân đau ốm hay có bệnh thần kinh phải

được gửi đến các y viện đặc biệt để điều trị.

Người bệnh tật, người già yếu trên năm mươi (50) tuổi vị thành niên dưới mười tám (18) tuổi phụ nữ phải được giam ở trại riêng, thoáng khí, có đủ điều kiện vệ sinh cần thiết, hợp với tình trạng sức khỏe và tuổi tác của họ.

Điều thứ 680 - Tội nhân thụ hình tại trại giáo hóa hay trung tâm cải huấn bị giam mỗi người một nơi, thoáng khí, hợp vệ sinh, ngày cũng như đêm, và nếu cần, chỉ có thể giam riêng biệt ban đêm mà thôi.

Nguyên tắc trên, chỉ được tạm ngưng áp dụng trong một thời gian ngắn nếu trại trường giới hay trung tâm cải huấn không đủ chỗ hay nhất thời có nhiều tội nhân hoặc vì lý do cần thiết cho sự tổ chức công việc làm của tội nhân.

Điều thứ 681 - Tội nhân bị phạt giam về thường tội, dù là trọng tội hay khinh tội, bắt buộc phải làm việc.

Lợi tức thu hoạch được do công việc làm của tội nhân dùng để đài thọ các khoản chi tiêu chung cho trung tâm cải huấn, trả ngân hình cho công khổ hay tiền bồi thường cho dân sự nguyên cáo, thành lập một quỹ trừ bị dành cho tội nhân khi mãn án, và một khoản tích kim dành cho tội nhân chi tiêu trong khi bị giam.

Một bản văn lập quy sẽ ấn định thể thức sử dụng lợi tức trên

CHƯƠNG THỨ III

Điều khoản chung cho các trung tâm cải huấn

Điều thứ 682 - Mỗi trung tâm cải huấn phải có

một cuốn sổ đính bài do biện lý ký tên và ghi số trên mỗi trang.

Nhân viên phụ trách việc thi hành các án văn kết phạt, mệnh lệnh câu lưu, trát tổng giam hay trát bắt giam, trát dẫn giải nếu có tạm giam sau đó, hoặc lệnh bắt giam lập theo thể thức hợp lệ, phải ghi vào cuốn sổ đính bài văn kiện được chấp hành. Trước khi giao người áp giải cho trung tâm cải huấn, viên quản đốc trung tâm phải lập ngay tờ giao nạp và ký tên cùng với nhân viên thi hành. Bản sao của tờ giao nạp có chữ ký của quản đốc trung tâm cải huấn được trao cho nhân viên thi hành.

Nếu người bị kết phạt tự ý thi hành án văn, quản đốc trung tâm cải huấn sao lại trên sổ đính bài bản trích lục án văn kết phạt do biện lý hay chương lý chuyển đến.

Trong mọi trường hợp, quản đốc trung tâm cải huấn phải báo cho chương lý hay biện lý biết mỗi khi có giam giữ.

Sổ đính bài cũng ghi ngày phóng thích người bị giam đối diện với văn kiện giao nạp, và nếu cần, quyết định hay điều luật cho phép phóng thích.

Điều thứ 683 - Mọi hình thức tra tấn, đánh đập bị can, tù nhân, lợi dụng bị can, tù nhân đều bị nghiêm cấm. Những kẻ phạm điều luật này sẽ bị truy tố theo luật. Hình phạt tối đa phải được áp dụng.

Điều thứ 684 - Những tù nhân chánh trị được hưởng quy chế đặc biệt theo đúng quy tắc đã được đề ra trong bản tuyên ngôn nhân quyền của liên hiệp quốc.

Điều thứ 685 - Nhân viên trung tâm cải huấn chỉ có thể tiếp nhận hoặc giam giữ một người

nào khi có án văn kết phạt, mệnh lệnh câu giữ, trát tổng giam hay trát bắt giam, trát dẫn giải nếu cần phải tạm giam sau đó, hoặc lệnh bắt giam lập theo thể thức hợp lệ và phải ghi chú vào sổ đính bài những chi tiết nói ở điều trên, nếu vi phạm, sẽ bị truy tố về tội giam giữ trái phép.

Điều thứ 686 - Nếu người bị giam giữ hăm dọa, mạ lỵ hay hành hung kẻ khác, hoặc vi phạm kỷ luật của trung tâm, y có thể bị giam riêng biệt trong những phòng kỷ luật hoặc phải chịu những biện pháp cưỡng bách trong trường hợp y có cử chỉ bạo hành quá đáng, không kể việc y có thể bị truy tố về những hành vi ấy.

Điều thứ 687 - Dự thẩm, chánh thẩm phòng luận tội, biện lý và chương lý có bổn phận khám xét các trung tâm cải huấn.

Điều thứ 688 - Một bản văn lập quy sẽ ấn định thể thức kiểm soát các trung tâm cải huấn và những điều kiện để cho một số người có thể vào thăm những người bị giam.

Điều thứ 689 - Một bản văn lập quy sẽ ấn định tổ chức và điều hành của trung tâm cải huấn trong tinh thần bảo vệ nhân phẩm và sức khỏe của tù nhân.

Chế độ cải huấn phải được thiết lập với mục tiêu cải tạo và hoàn lương tù nhân.

THIÊN THỨ III

Huyền án

Điều thứ 690 - Trong trường hợp tuyên án phạt giam hay phạt vạ, tòa có thể truyền cho hưởng án treo nếu người bị án chưa hề bị phạt giam về tội đại hình hay tiểu hình trên hai

(2) tháng.

Điều thứ 691 - Sự kết phạt được coi như hủy bỏ nếu trong hạn năm (5) năm kể từ ngày tuyên án, người can án không bị truy tố và không bị kết phạt giam hay một hình phạt nặng hơn về thường tội.

Nếu trong hạn năm (5) năm, người can án lại bị truy tố và bị kết phạt giam hay một hình phạt nặng hơn về thường tội, thì hai hình phạt sẽ được liên tiếp thi hành, không được trùng nhập.

Điều thứ 692 - Việc đình chỉ thi hành hình phạt không áp dụng cho án phí tụng lệ và tiền bồi thường, cùng những phụ hình và vô năng cách, hậu quả trực tiếp của sự kết phạt.

Tuy nhiên, các phụ hình và vô năng cách sẽ hết hiệu lực kể từ ngày sự kết phạt coi như bị hủy bỏ chiếu điều 691.

Điều thứ 693 - Chánh thẩm tòa đại hình, tòa thượng thẩm hay tòa sơ thẩm sau khi truyền cho huyện án phải báo cho người bị án nếu trong hạn năm (5) năm y bị kết phạt một lần nữa, thì hai hình phạt sẽ được liên tiếp thi hành, không được trùng nhập và bị can sẽ bị xét xử theo trường hợp tái phạm được dự liệu trong bộ hình luật.

THIÊN THỨ IV

Kiểm nhận căn cước của người bị kết phạt

Điều thứ 694 - Nếu bị bắt lại sau khi đào tẩu hoặc bắt cứ vì lý do nào khác mà căn cước của người bị kết phạt bị dị nghị, sự tranh chấp này sẽ được thanh quyết theo các qui tắc về các đối tranh nhân khi chấp hành án văn. Tuy

nhiên, nội vụ phải đưa ra phiên tòa công khai.

Nếu sự tranh chấp được nêu lên trong hoặc nhân một cuộc truy tố khác, tòa án thụ lý vụ kiện này sẽ thanh quyết vấn đề.

THIÊN THỨ V

Câu thúc thân thể

Điều thứ 695 - Khi tòa án xét xử một tội phạm không có tính cách chánh trị và không tuyên hình phạt chung thân, nếu phạt vạ, buộc phải trả án phí tụng lệ hiặc mọi khoản tiền cho công khổ, tòa sẽ ấn định thời gian câu thúc thân thể theo giới hạn sau đây, trong trường hợp hình phạt không được thi hành.

Thời gian câu thúc thân thể để bảo đảm việc thu hồi nhiều trái khoản, sẽ được ấn định theo tổng số các khoản tiền phạt.

Điều thứ 696 - Thời gian câu thúc thân thể được ấn định như sau:

- Từ hai (2) ngày đến mười (10) ngày nếu số tiền phạt vạ hoặc số bạc tòa tuyên phải trả không quá sáu trăm đồng (600\$00);

- Từ sáu (6) ngày đến hai mươi (20) ngày nếu số tiền phạt vạ hoặc số bạc tòa tuyên phải trả trên sáu trăm đồng (600\$00) và không quá ba ngàn đồng (3.000\$00);

- Từ mười hai (12) ngày đến bốn mươi (40) ngày nếu số tiền phạt vạ hoặc số bạc tòa tuyên phải trả trên ba ngàn đồng (3.000\$00) và không quá năm ngàn đồng (5.000\$00);

- Từ một (1) tháng đến ba (3) tháng nếu số tiền phạt vạ hoặc số bạc tòa tuyên phải trả trên năm ngàn đồng (5.000\$00) và không quá

mười hai ngàn năm trăm đồng (12.500\$00);

- Từ hai (2) tháng đến sáu (6) tháng nếu số tiền phạt vạ hoặc số bạc tòa tuyên phải trả trên mười hai ngàn năm trăm đồng (12.500\$00);

- Từ bốn (4) tháng đến mười (10) tháng nếu số tiền phạt vạ hoặc số bạc tòa tuyên phải trả trên năm mươi ngàn đồng (50.000\$00) và không quá hai trăm năm mươi ngàn đồng (250.00\$00);

- Từ tám (8) tháng đến mười tám (18) tháng nếu số tiền phạt vạ hoặc số bạc tòa tuyên phải trả trên hai trăm năm mươi ngàn đồng (250.000\$00);

- Từ một (1) năm đến hai (2) năm nếu quá năm trăm ngàn đồng (500.000\$00).

Điều thứ 697 - Không được câu thúc thân thể người chưa đủ mười tám (18) tuổi lúc xảy ra sự kiện bị truy tố và người trên sáu mươi (60) tuổi lúc bị án.

Đối với người trên năm mươi lăm (55) tuổi lúc bị án, thời hạn câu thúc thân thể sẽ được giảm phân nửa không kể việc áp dụng điều khoản sau đây.

Điều thứ 698 - Thời hạn câu thúc thân thể những người bị án mà vô tư lực cũng bị giảm phân nửa, nhưng không thể dưới hai mươi bốn (24) giờ, nếu họ xuất trình được những văn kiện sau đây để chứng minh họ vô tư lực:

- Chứng chỉ của viên chức thu thuế nơi cư sở chứng nhận họ không bị đánh thuế;

- Chứng chỉ của nhà chức trách hành chánh hay cảnh sát nơi cư trú.

Điều thứ 699 - Việc câu thúc thân thể không được thi hành cùng một lúc đối với chồng và vợ dù để truy thu những khoản tiền phạt khác nhau.

Điều thứ 700 - Năm (5) ngày sau khi tổng đạt bách thúc trạng cho người bị án treo lời yêu cầu của bên truy tố, mới được thi hành việc câu thúc thân thể.

Trong trường hợp án văn kết phạt không được tổng đạt cho người thiếu nợ, trích lục án văn có ghi tên các đương sự và chủ văn bản án sẽ được tính theo bách thúc trạng.

Khi được trình tờ tổng đạt bách thúc trạng và theo lời yêu cầu của bên truy thu, biện lý sẽ ra lệnh triệu dụng cần thiết cho nhân viên công lực và cho những viên chức đảm nhiệm việc chấp hành mệnh lệnh của tòa án. Lệnh câu thúc thân thể chỉ có hiệu lực cho đến khi mãn hạn thời tiêu hình phạt. Nếu hình phạt đã bị thời tiêu, thì không thể câu thúc thân thể, trừ trường hợp đã có lệnh câu thúc hay việc câu thúc thân thể đương hành.

Nếu người thiếu nợ đang bị giam, lệnh câu thúc được thi hành ngay sau khi tổng đạt bách thúc trạng.

Khi bách thúc trạng đã quá một (1) năm mà chưa có lệnh câu thúc thân thể, thì phải lập bách thúc trạng khác.

Điều thứ 701 - Những qui tắc về việc thi hành trát của tòa án dự liệu nơi điều 118 và 125 được áp dụng cho việc câu thúc thân thể, ngoại trừ đoạn quy chiếu điều 126 và 127 khoản 1 và 2.

Điều thứ 702 - Nếu người nợ bị giam yêu cầu được xét xử khẩn cấp, y được dẫn ngay đến

trước chánh án tòa sơ thẩm nơi y bị bắt. Chánh án sẽ xử cấp thẩm, trừ trường hợp cần phải đình hoãn để xét xử theo thể thức dự liệu nơi điều 671 và 672.

Người thiếu nợ bị bắt hay có lệnh câu thúc thân thể cũng được quyền này, y sẽ được dẫn liền đến trước chánh án tòa sơ thẩm nơi y bị giam.

Điều thứ 703 - Nếu người thiếu nợ bị bắt không yêu cầu được xét xử khẩn cấp hay trong trường hợp có cấp thẩm mà chánh án bác lời khiếu nại của đương sự, sẽ bị câu thúc theo thể thức về việc thi hành án phạt giam.

Điều thứ 704 - Người bị câu thúc thân thể bị giam tại một khu riêng biệt trong trại tạm giam.

Tuy nhiên, nếu người thiếu nợ bị lệnh câu thúc thân thể đang thụ hình một án phạt giam, y sẽ bị giữ tại trung tâm cải huấn cho đến hết thời hạn câu thúc thân thể, sau ngày y được phóng thích hay được phóng thích có điều kiện.

Điều thứ 705 - Để ngăn ngừa hoặc chấm dứt hậu quả của sự câu thúc thân thể, người thiếu nợ có thể thánh toán món nợ, hoặc ký quỹ một số tiền đầy đủ để trả nợ hay để cùng một người bảo chứng được xét là xứng đáng và hữu hiệu.

Người bảo chứng phải được trường ty ngân khổ nhận; nếu có tranh chấp, chánh án sở tại sẽ quyết định về tư cách của người này theo thủ tục khẩn cấp.

Người bảo chứng phải trả tiền thay người thiếu nợ trong hạn một tháng bằng không sẽ bị ngân khổ truy tố để đòi nợ.

Nếu tổng số món nợ không được thanh toán đầy đủ, ngân khổ có thể yêu cầu câu thúc thân thể đối với số nợ còn lại, trừ trường hợp dự liệu nơi điều 706.

Điều thứ 706 - Nếu đã câu thúc thân thể để đòi một món nợ và dù cho vì nguyên nhân nào, biện pháp này đã mãn kết, thì không thể xin câu thúc một lần nữa đối với món nợ ấy, cũng như đối với những số tiền đã được tuyên trước ngày thi hành câu thúc thân thể, trừ khi nào thời hạn câu thúc tính theo tổng số các khoản tiền phạt dài hơn thời hạn đã thực hiện, trong trường hợp đó, thời hạn câu thúc trước được khấu trừ vào thời hạn mới.

Điều thứ 707 - Người thiếu nợ bị câu thúc thân thể phải theo chế độ cải huấn áp dụng cho tội nhân, nhưng không bị bắt buộc làm việc.

Điều thứ 708 - Sự câu thúc thân thể không có hiệu lực miễn trái.

THIÊN THỨ VI

Thời tiêu hình phạt

Điều thứ 709 - Thời tiêu hình phạt về tội đại hình là hai mươi (20) năm kể từ ngày phán quyết đã thành nhất định.

Thời tiêu hình phạt về tội tiểu hình là năm (5) năm kể từ ngày án văn đã thành nhất định.

Thời tiêu hình phạt về tội vi cảnh là hai (2) năm. Tuy nhiên hình phạt về tội vi cảnh liên hệ với tội tiểu hình chỉ bị thời tiêu sau hạn năm (5) năm.

Điều thứ 710 - Trong mọi trường hợp, đơn xin hủy án của người bị kết án khuyết tịch về

tội đại hình hoặc tiểu hình bất khả chấp thẩm nếu hình phạt đã bị thời tiêu.

Điều thứ 711 - Những khoản tiền phạt dân sự tuyên xử do án văn đã thành nhất định về việc đại hình, tiểu hình hay vi cảnh bị thời tiêu theo quy tắc của Bộ dân luật.

ĐIỀU KHOẢN TỔNG QUÁT

Điều thứ 712 - Không có sự tổng đạt hay chấp hành nào có thể làm trước sáu (6) giờ sáng và sau tám (8) giờ chiều hoặc trong ba (3) ngày chót tháng chạp và bảy (7) ngày đầu tháng giêng âm lịch, cũng là trong những ngày lễ Quốc khánh và lao động, trừ phi được chương lý tòa thượng thẩm cho phép vì có sự nguy tai diện tiền.

Điều thứ 713 - Ngoại trừ các vụ tiểu hình quá tang, không vụ kiện hình sự nào được đăng đường để xét xử vào năm (5) ngày chót tháng chạp và tám (8) ngày đầu tháng giêng âm lịch.

Tuy nhiên, trong thời gian này, phòng luận tội, phòng thẩm nghị của tòa sơ thẩm và của tòa thượng thẩm vẫn tiếp tục thẩm định về đơn xin tại ngoại của các bị can, nếu có.

Điều thứ 714 - Tất cả các thời hạn thủ tục dự liệu trong bộ luật này điều là thời hạn tròn; ngày khởi lưu thời hạn và ngày mãn hạn sẽ không tính.

Nếu ngày chót của thời hạn là ngày nghỉ lễ hay ngày chúa nhật, thời hạn sẽ triển khoáng đến ngày làm việc trở lại.

Điều thứ 715 - Trừ trường hợp bị giam giữ lại hợp lệ như định trong điều 685 về tội trạng nào khác, người bị giam giữ phải được quản đốc trung tâm cải huấn phóng thích ngay khi

nhận được lệnh phóng thích của biện lý hoặc ủy viên Chánh phủ tòa án đặc thẩm, chấp hành phán quyết cho tại ngoại, miễn tố, tha bổng hoặc miễn nghị của dự thẩm, phòng luận tội, cơ quan tài phán bất kể thường tụng hay đặc thẩm.

Điều thứ 716 - Vi phạm nghiêm lệnh ấn định nơi điều 715, quản đốc trung tâm cải huấn sẽ bị truy tố về tội giam cầm trái phép.

Điều thứ 717 - Đối với vụ phạm pháp, dù quá tang hay không, thụ lý hồ sơ có người bị dẫn trình, biện lý phải thanh quyết trong thời hạn bốn mươi tám (48) giờ.

Vi phạm điều luật này, biện lý có thể bị truy tố về tội giam cầm trái phép, chưa kể chế tài về kỷ luật.

Điều thứ 718 - Bất cứ ai được biết có người bị bắt bớ, giam giữ mà không có mệnh lệnh hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền hoặc bất cứ ai được biết có người bị giam giữ tại nơi không phải cơ sở theo luật định để giam giữ, đều có nghĩa vụ phải cấp thời thông báo cho biện lý, hoặc chương lý tòa thượng thẩm.

Điều thứ 719 - Ngay khi được báo cáo như trên, thẩm phán công tố phải cấp thời thân đáo trường sở và phải ra lệnh phóng thích ngay người bị giam giữ. Nếu nhận thấy có nguyên nhân hợp pháp nào để tạm giữ, thẩm phán công tố sẽ truyền dẫn trình ngay người bị tạm giữ đến thẩm phán có thẩm quyền.

Phải lập biên bản về mọi sự kiện trên đây.

Điều thứ 720 - Để thi hành nhiệm vụ luật định kể trên, thẩm phán công tố, nếu cần, có thể hạ trát, đòi dẫn giải, trát tổng giam theo thể thức

án định nơi điều 116 vào 117.

ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP

Điều thứ 721 - Bộ hình sự tố tụng này sẽ có hiệu lực tức thời đối với tất cả các thủ tục đang tiến hành. Tuy nhiên, các hành vi thủ tục đã thực hiện theo luật cũ vẫn có hiệu lực

Ngoài ra, điều 3 khoản 3 Bộ hình sự tố tụng cũng không có hiệu lực hồi tố đối với những sự kiện đã được tòa hộ hay tòa án hành chánh thụ lý.

Điều thứ 722 - Riêng về việc đại hình, các vụ kiện đương cứu đã phúc quyết chuyển tổng ra ban đại hình tòa sơ thẩm cũng như các vụ đương cứu trước tòa này, sẽ được chuyển thẳng đến tòa đại hình mà tòa sơ thẩm kê trên thông thuộc về mặt quản hạt.

Đối với vụ kiện đã có án văn sơ thẩm chung quyết về nội dung và nếu có đương sự kháng cáo, nội vụ cũng sẽ được đăng đường ra tòa đại hình liên hệ như định ở khoản trên.

Thụ lý nội vụ, sau khi thẩm định về sự khả chấp đơn kháng cáo, nếu cần, chiếu luật lệ đương hành vào ngày kháng cáo, tòa đại hình sẽ phúc thẩm về nội dung và áp dụng các điều 487, và 491 khoản 2 và 3, điều 492 cùng các qui điều khác về tòa đại hình dự liệu trong quyền II, thiên I, ngoại trừ các điều 265, 266, 268, 269, 270, 272, 273 và 275 Bộ hình sự tố tụng.

Điều luật này cũng áp dụng đối với vụ đương cứu trước ban đại hình tòa thượng thẩm.

Điều thứ 723 - Khi tuyên phán phúc quyết, ban đại hình tòa thượng thẩm và nếu có di giao. Tối cao pháp viện sẽ truyền di giao đến

tòa đại hình có thẩm quyền như qui định trong điều 722 khoản 1 trên đây.

Điều thứ 724 - Để tòa đại hình có thể cấp thời hoạt động, đặc biệt riêng về năm đầu áp dụng Bộ hình sự tố tụng này, các điều 256, 257 và 259 khoản 2 của Bộ luật này được hoãn áp dụng.

Danh sách đoàn phụ thẩm nhân dân quy định nơi điều 255 và 256 Bộ hình sự tố tụng sẽ được thiết lập theo thủ tục đơn giản. Mười lăm (15) ngày sau khi Tổng thống ban hành các sắc lệnh thiết lập các tòa đại hình như dự liệu trong điều 230 Bộ hình sự tố tụng, ủy ban định nơi điều 258 Bộ luật này sẽ ghi vào danh sách phụ thẩm nhân dân các công dân hội đủ các điều kiện luật định cư ngụ tại nơi tòa đại hình đặt trụ sở.

Lượng số phụ thẩm nhân dân trên danh sách qui định nơi điều 256 Bộ hình sự tố tụng là lượng số tối thiểu, và đối với tòa đại hình Saigon, danh sách đó gồm một trăm năm mươi (150) phụ thẩm nhân dân chọn trong các công dân hội đủ các điều kiện luật định, cư ngụ tại đô thành Saigon hoặc tỉnh lỵ gia định.

Điều thứ 725 - Những bản văn và những điều luật trước trái với Bộ hình sự tố tụng này đều bị bãi bỏ, nhất là:

- 1) Bộ hình sự tố tụng Pháp quốc áp dụng tại Nam Viet theo sắc lệnh ngày 25 tháng bảy năm 1865;
- 2) Bộ hình sự tố tụng Bắc kỳ ban hành do dụ ngày 28 tháng tám năm 1921;
- 3) Bộ Trung kỳ hình vụ tố tụng Pháp ban hành do dụ ngày 2 tháng tám năm 1933.

Đối với những trường hợp không dự liệu trong Bộ luật này và được luật lệ riêng biệt qui định, tòa án sẽ tiếp tục áp dụng các luật lệ ấy../.